

THANH TỬ

Soạn Dịch

THIÊN SỬ TRUNG HOA

TẬP MỘT

PL 2542-1998

LỜI DẪN ĐẦU

Tập I “Thiền sư Trung Hoa” này, chúng tôi góp dịch trong ba bộ sách “Cảnh Đức Truyền Đăng Lục”, “Chỉ Nguyệt Lục” và “Cao Tăng Truyện”. Tuy chung hội cả ba bộ sách, song hành trạng của Thiền sư “ra đi không lưu lại dấu vết”, nên chi không thể tìm kiếm đầy đủ được. Mặc dù thế, chúng tôi nghĩ một câu nói của Thiền sư, nếu đọc giả lãnh hội được, cũng có thể đủ tu hành đến giải thoát. Cho nên, chúng tôi không ngại phiên dịch ra đây.

Đặc điểm trong sự truyền bá Thiền tông, Thiền sư không khi nào nói trắng ra những cái gì mình muốn dạy cho kẻ tham vấn. Các ngài khéo dùng những hành động lạ thường, những ngôn ngữ bí hiểm khiến cho người tham vấn phải ngạc nhiên, phải nghi ngờ. Vì thế, chỉ có những người lanh lợi mới có thể ngay đó thể hội được. Bằng người không thể ngay đó thể hội, thì phải ôm hoài nghi mãi trong lòng, đến bao giờ gặp cơ duyên mới tỉnh ngộ. Có một Thiền sư đã nói: “Tôi không quý Tiên sư về đức hạnh, mà chỉ quý chỗ không giải nghi cho tôi.” Do đó, khi cầm viết dịch tập sách này, tôi chỉ muốn hoàn toàn là dịch giả, không muốn xen vào một ý kiến nào.

Nhưng hành trạng Thiền sư thật quá khó hiểu. Có khi các ngài như quá ngang tàng không kể gì tội phước, như Thiền sư Đôn Hà thiêu tượng Phật. Có khi các ngài như thô bạo dám giết hại chúng sanh, như Nam Tuyền cầm dao chặt con mèo. Có khi các ngài như tàn nhẫn không biết thương kẻ hậu học, như Hoàng Bá đánh Lâm Tế. Hoặc các ngài tự bảo sau khi chết sẽ sanh làm con trâu, như Nam Tuyền, Qui Sơn... Vì thế, nếu chúng tôi không điếm sơ qua, quý độc giả khó bề lãnh hội được thâm ý. Chẳng những không lãnh hội được thâm ý, trái lại còn đâm ra nghi ngờ hoang mang, có khi phỉ báng các ngài là khác. Bởi lẽ ấy, buộc lòng chúng tôi phải dẫn giải một vài điểm đặc biệt ở sau đây, gọi là hé cửa cho quý độc giả bước vào nhà Thiền.

*

Người tu theo Thiền tông cốt nhận được bản tâm, thấy được bản tánh của mình. Khi nhận được bản tâm, mới tin “tâm tức là Phật”. Khi thấy được bản tánh, mới tin “tánh mình đầy đủ tất cả, xưa nay vẫn thanh tịnh”. Nhưng tâm tánh ở đâu? thế nào? Tất cả người tu Phật đều thắc mắc vấn đề này. Khi đặt câu hỏi tâm tánh ở đâu? thế nào? thì khác gì người cỡi trâu tìm trâu, vác Phật đi cầu Phật, biết bao giờ thấy được. Sao chúng ta không mạnh mẽ như Thiền sư Huệ Hải? Khi Sư đến tham vấn Mã Tổ, Mã Tổ hỏi:

- Đến đây tính cầu việc gì?

Sư thưa:

- Đến cầu Phật pháp.

- Kho báu nhà mình chẳng đoái hoài, bỏ nhà chạy đi tìm cái gì? Ta trong ấy không có một vật, cầu Phật pháp cái gì?

- Cái gì là kho báu nhà mình của Huệ Hải?

- Chính nay người hỏi ta, đó là kho báu của người, đầy đủ tất cả không thiếu thốn, tự do sử dụng đâu nhờ tìm cầu bên ngoài.

Ngay câu nói này, Sư nhận được bản tâm.

Thật không xa, nếu chúng ta can đảm tin nhận thì nó sờ sờ trước mắt. Bằng chúng ta không tin nhận thì tìm mãi suốt đời không ra. Bởi chúng ta đã tưởng tượng quá nhiều về tâm tánh, những tưởng tượng ấy đã tô đắp vẽ vờ khiến bộ mặt thật của tâm tánh biến thành hình tướng lạ kỳ huyền bí. Giờ đây, nghe các Thiền sư chỉ thẳng bộ mặt thật của nó rất tầm thường bình dị, tất cả chúng ta không ai chịu tin. Do đó, muốn thấy bộ mặt thật của mình (Bản lai diện mục) qua các lời chỉ dạy của các Thiền sư, chúng ta phải gạt bỏ mọi tưởng tượng đã có lâu nay đi, khả dĩ mới trực nhận được tâm tánh.

*

Thiền tông lấy bản tâm làm chủ, nên sự tu hành của Thiền sư là sống trở lại với ông chủ của mình, trong mọi hành động, mọi thời gian. Tất cả hình thức bên ngoài đối với Thiền sư không có gì là quan trọng. Dù ngồi thiền suốt ngày, dưới con mắt các ngài vẫn thấy chưa phải là tinh tấn. Vì thế, Thiền sư Hoài Nhượng mới đặt câu hỏi với Thiền sư Đạo Nhất, khi Sư này đang mải mê ngồi thiền, rằng: “Như trâu kéo xe, xe không đi, đánh xe là phải hay đánh trâu là phải?”

Huống nữa, quên tâm mình chạy theo hình thức bên ngoài, càng tu càng xa đạo. Không có sự giác ngộ nào ngoài tâm mà có. Phật là giác, nếu chúng ta cầu Phật mà quên tâm, thử hỏi bao giờ thấy Phật. Những hình tượng Phật, Bồ-tát thờ bên ngoài, chỉ là phương tiện gọi lại cho chúng ta nhớ bản tâm. Nếu chúng ta không chịu nhớ lại bản tâm, cứ cầu cạnh nơi hình tượng bên ngoài, thật là một việc làm trái đạo. Vì thế, Thiền sư Đôn Hà đã bạo dạn thiêu tượng Phật gỗ. Viện chủ Hướng nóng lòng hỏi: “Tại sao thiêu tượng Phật của tôi?” Sư đáp: “Thiêu tìm xá-lợi.” Thật là một câu đáp bất hủ. Vậy mà Viện chủ còn ngây thơ nói: “Phật gỗ làm gì có xá-lợi.” Sư bảo: “Thỉnh thêm hai vị nữa thiêu.” Quả nhiên một tiếng sấm sét mùng tai, làm sao Viện chủ không tỉnh ngộ được. Do đó, người sau nói: “Đôn Hà thiêu Phật gỗ, Viện chủ rụng lông mày.” (Đôn Hà thiêu mộc Phật, Viện chủ lạc mi mao.) Hành động táo bạo của Thiền sư Đôn Hà là một sức mạnh phi thường, đánh thức được người đang chìm trong giấc mê hình thức.

*

Muốn trải nghiệm chỗ thấy biết của người, không gì hay hơn ở trong một trường hợp bất thần bắt buộc họ phải thốt ra lời nói, hoặc hành động. Thiền sư Nam Tuyền giơ dao sắp chặt con mèo một cách đột ngột giữa đại chúng, bắt buộc chúng phải đáp một câu cho hợp ý, Sư sẽ cứu con mèo. Rốt cuộc trong đại chúng không có người đáp được, buộc lòng Sư phải hạ dao. Hành động ấy không phải nhằm vào con mèo, mà nhằm thẳng đại chúng. Nhưng đại chúng đã bất lực, Sư bất đắc dĩ phải giết con mèo như lời đã nói. Khi Tùng Thắm đi ngoài về, Sư cũng thuật lại lời ấy, Tùng Thắm liền cỡi giày đội trên đầu. Sư bảo: “Giá khi nãy có người thì đã cứu được con mèo.” Hành động bất thần của Sư chẳng khác nào cơn sét đánh, chỉ có Tùng Thắm biết được ý Sư nên cỡi giày đội trên đầu. Bởi vì chỗ tốt quý của con người là đầu, cái ti tiện nhất là giầy. Tùng Thắm cỡi giày đội trên đầu là nói lên cái thấy của mình không có quý tiện, không còn phàm thánh, vượt ngoài vòng đối đãi. Đó là chỗ thầy trò thông hội nhau. Người thời nay thấy hành động giết con mèo của Sư, liền kết án Sư phạm tội sát sanh. Họ có biết đâu, Sư đã khéo mượn phương tiện để thấy cứu kính.

*

Chân tâm là chỗ bật suy nghĩ, càng suy nghĩ càng xa. Thiền tông xưa nay truyền trao chỉ một chân tâm không gì khác. Người tu thiền vừa móng lòng tìm chân tâm thì không bao giờ thấy nó. Vì thế, Sư Lâm Tế Nghĩa Huyền vừa hỏi “thế nào là đại ý Phật pháp” liền bị Thiền sư Hoàng Bá đập cho một gậy, ba phen hỏi đều ăn ba gậy, mà không được một lời chỉ dạy. Thế mà, đi đến Thiền sư Đại Ngu, Lâm Tế thuật lại việc bị đánh, “mà không biết có lỗi gì”, Đại Ngu còn nói: “Hoàng Bá dạy người rất thống thiết, chỉ tại người còn tìm lỗi.” Ngay câu nói này, Lâm Tế tỉnh ngộ. Thế mới biết, cái đánh của Hoàng Bá thật thống thiết. Nhưng, nếu không có Thiền sư Đại Ngu thì cái đánh ấy trở thành vô nghĩa.

*

Chân tâm hằng lộ liễu trong mọi hành động của ta. Nếu ta trực nhận là thấy, bằng không trực nhận tìm hoài suốt kiếp cũng chẳng gặp. Người học đạo không chịu ngay nơi hành động trực nhận chân tâm, mãi cầu thiện tri thức chỉ dạy cho thể hội. Nhưng làm sao chỉ dạy được, vừa nói ra là đã sai rồi. Vì thế, Sư Sùng Tín theo hầu Thiền sư Đạo Ngộ mấy năm mà không nghe chỉ dạy. Nóng lòng, Sư hỏi: “Con theo hầu Thầy mấy năm mà chưa được Thầy chỉ dạy tâm yếu.” Đạo Ngộ bảo: “Ta đã từng chỉ dạy tâm yếu cho người rồi.” - “Thầy dạy con lúc nào?” - “Khi người bưng cơm lên thì ta nhận, người dâng trà thì ta tiếp, người xá lui ra thì ta gặt đầu, đâu không dạy tâm yếu cho người?” Nhân

câu nói này, Sư Sùng Tín tỉnh ngộ. Thật, dạy mà không dạy, nói mà không nói. Đây là đại dụng của Thiền sư, những người học ngôn ngữ không sao hiểu thấu.

*

Người tu Thiền phải dẹp sạch bản ngã, dù là bản ngã thánh cũng không còn. Nếu còn thấy sở đắc là còn bản ngã, giả sử thấy đắc quả thánh cũng là vị thánh tương đối, chớ chưa thật giải thoát. Chỗ giải thoát cứu kính là tâm không còn dính mắc một chỗ nào, như câu: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.” Vì thế vua Đường Túc Tông hỏi Thiền sư Huệ Trung: “Thầy được pháp gì?” Huệ Trung đáp: “Bệ hạ thấy một mảnh mây trong hư không chăng?” - “Thấy” - “Nó do đóng dính mắc hay cột dây mắc?” Được không dính mắc mới tự tại giải thoát, còn dính mắc bất cứ một quả vị nào cũng là chưa tự tại. Thế mà, người tu thiền hiện nay ngồi lại là mong thấy cái này, chứng quả kia. Khởi tâm vọng cầu như vậy làm sao không lạc vào cảnh giới ma? Làm sao tránh khỏi cuồng loạn?

*

Chẳng những tâm không còn dính mắc trong quả vị, mà cũng sạch hết phàm tình thánh giải. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Nhược tác thánh giải tức thọ quần tà.” Phàm tình là tình chấp của chúng sanh trong lục đạo. Thánh giải là cái hiểu thánh, hiểu rằng mình chứng mình đắc trong các quả vị thánh. Nếu chưa sạch phàm tình thánh giải thì người tu khó bề thoát khỏi cảnh ma. Tổ Qui Sơn sắp tịch, bảo chúng: “Sau khi Lão tăng trăm tuổi sẽ đến dưới núi làm con trâu, hông bên trái đề năm chữ ‘Qui Sơn Tăng Linh Hựu’. Khi ấy, gọi là Qui Sơn tăng hay gọi là con trâu? Gọi là con trâu hay gọi là Qui Sơn tăng? Gọi thế nào mới đúng?” Người thời nay nghe câu nói này bèn sanh nghi “tại sao Ngài tu như vậy mà đọa làm súc sanh”? Thật là cái biết của kẻ mù, làm sao thấy được trời đất bao la? Nơi Ngài tâm phàm thánh đã sạch mới thốt ra được câu ấy.

Chúng tôi mong quý độc giả khi đọc quyển sách này, mỗi người tự cố sạch những thiên chấp của mình để thấy được đại cơ đại dụng của Thiền sư, đừng bị đầu lưỡi các Ngài lừa.

*

Tập sách này, chúng tôi soạn dịch các vị Thiền sư từ đời thứ nhất sau Lục tổ Huệ Năng đến đời thứ tư, tức là đến bắt đầu chia tông phái. Tập thứ hai, chúng tôi soạn dịch từ đời thứ năm sau Lục Tổ đến đây đủ chia năm Tông và bảy Phái, nghĩa là Tông Tào Động, Lâm Tế, Qui Ngưỡng, Vân Môn, Pháp Nhãn và đến Tông Lâm Tế chia làm hai phái Huỳnh Long và Dương Kỳ.

Về phần sử chư Thiền đức ở Trung Hoa đến đây không phải là hết, song những nhân vật trọng yếu trong nhà Thiền cũng gần tạm đủ. Đợi khi có thì giờ rồi, chúng tôi có thể sẽ dịch thêm để cống hiến quý độc giả.

Kính ghi
THÍCH THANH TỪ



ĐỜI THỨ NHẤT

MÔN ĐỆ LỤC TỔ HUỆ NẴNG

Có Bốn Mười Ba Vị:

- 1- Thiền sư Hành Tư (Thanh Nguyên)
- 2- Thiền sư Hoài Nhượng (Nam Nhạc)
- 3- Thiền sư Huyền Giác (Vĩnh Gia)
- 4- Thiền sư Bồn Tịnh
- 5- Quốc sư Huệ Trung
- 6- Thiền sư Thần Hội (Hà Trạch)
- 7- Thiền sư Pháp Hải
- 8- Thiền sư Chí Thành
- 9- Quạt-đa Tam Tạng (Tây Ấn Độ)
- 10- Thiền sư Hiếu Liễu
- 11- Thiền sư Trí Hoàng
- 12- Thiền sư Pháp Đạt
- 13- Thiền sư Trí Thông
- 14- Thiền sư Chí Triệt
- 15- Thiền sư Trí Thường
- 16- Thiền sư Chí Đạo
- 17- Thiền sư Ấn Tông
- 18- Thiền sư Huyền Sách
- 19- Thiền sư Linh Thao
- 20- Thiền sư Kỳ-đà
- 21- Thiền sư Tịnh An
- 22- Thiền sư Tâm
- 23- Thiền sư Định Chơn
- 24- Thiền sư Kiên Cố
- 25- Thiền sư Đạo Tiến
- 26- Thiền sư Thiện Khoái
- 27- Thiền sư Duyên Tố
- 28- Thiền sư Tông Nhất
- 29- Thiền sư Thiên Hiện
- 30- Thiền sư Phạm Hạnh
- 31- Thiền sư Tự Tại
- 32- Thiền sư Hàm Thông
- 33- Thiền sư Thái Tường
- 34- Thiền sư Pháp Tịnh

- 35- Thiên sư Biện Tài
- 36- Thiên sư Đạo Dung
- 37- Ngô Đầu-đà
- 38- Thiên sư Đạo Anh
- 39- Thiên sư Trí Bồn
- 40- Thiên sư Pháp Chơn
- 41- Thiên sư Huyền Giai
- 42- Thiên sư Đàm Thối
- 43- Thích sử Vi Cừ

*

1. THIÊN SƯ HÀNH TƯ

Ở Núi Thanh Nguyên - (? - 740)

Sư họ Lưu, quê ở Kiết Châu, An Thành, xuất gia từ thuở bé. Mỗi khi trong chúng họp lại luận bàn đạo lý thì Sư chỉ lặng thinh. Sau này, nghe Lục tổ Huệ Năng ở Tào Khê, Sư liền đến tham học.

Sư hỏi Tổ:

- Phải làm việc gì khởi rơi vào giai cấp?

Tổ gạn lại:

- Người từng làm việc gì?
- Thánh đế cũng chẳng làm.
- Vậy rơi vào giai cấp nào?
- Thánh đế cũng chẳng làm, làm gì có giai cấp.

Tổ thắm hứa nhận.

Tại Tào Khê học chúng khá đông, Sư là người đứng đầu trong chúng.

Một hôm Tổ gọi Sư bảo:

- Từ trước y pháp cả hai đều được thầy truyền cho trò, y để tiêu biểu làm tin, pháp để ấn tâm, nay không còn sợ người chẳng tin. Ta từ nhận y đến nay đã gặp nhiều tai nạn, huống là đời sau cạnh tranh quá nhiều. Y để lại nơi đây, người đến một phương truyền bá Tâm tông không để cho đoạn dứt.

*

Sau khi đắc pháp, Sư trở về trụ trì chùa Tịnh Cư trên núi Thanh Nguyên ở Kiết Châu.

Có ông Sa-di Hy Thiên đến, Sư hỏi:

- Người phương nào đến?

Hy Thiên thưa:

- Con từ Tào Khê đến.
- Đem được cái gì đến?

- Chưa đến Tào Khê cũng chẳng mất.
- Mặc tình dùng đi, đến Tào Khê làm gì?
- Nếu không đến Tào Khê đâu biết chẳng mất.

Hy Thiên hỏi:

- Đại sư Tào Khê lại biết Hòa thượng chăng?
- Nay người biết ta chăng?
- Biết. Lại đâu có thể biết được.
- Loài có sừng tuy nhiều, một con lân là đủ.
- Hòa thượng rời Tào Khê đến giờ là bao lâu?
- Ta cũng chẳng biết. Người mới lìa Tào Khê.
- Hy Thiên không từ Tào Khê đến.
- Ta cũng biết chỗ người đi.
- Hòa thượng thật là đại nhân chớ tạo thứ lớp.

Hôm khác, Sư lại hỏi Hy Thiên:

- Người từ đâu đến?

Hy Thiên thưa:

- Con từ Tào Khê đến.

Sư bèn dựng phát tử hỏi:

- Tào Khê lại có cái này chăng?
- Chẳng những Tào Khê, Tây thiên cũng không.
- Người đã từng đến Tây thiên chăng?
- Nếu đến tức có.
- Chưa đúng, hãy nói lại.
- Hòa thượng cũng cần nói giúp phân nửa chớ hoàn toàn trông vào học nhân.
- Không từ chối nói với người, chỉ ngại về sau không có người đảm đang thừa kế.

*

Một hôm Sư sai Hy Thiên đem thơ sang Thiền sư Hoài Nhượng, dặn rằng:

- Người đem thơ xong về nhanh, ta có chiếc búa nhỏ sẽ cho người ở núi.

Hy Thiên đến Thiền sư Hoài Nhượng, chưa trình thơ đã hỏi:

- Khi chẳng mộ chư Thánh, chẳng trọng tánh linh mình thì thế nào?

Thiền sư Hoài Nhượng đáp:

- Người hỏi tội cao xanh, sao không hỏi trở xuống?
- Thà chịu vĩnh kiếp trầm luân, chớ chẳng mộ chư Thánh giải thoát.

Thiền sư Hoài Nhượng bèn thôi.

Hy Thiên về đến chùa Tịnh Cư, Sư hỏi:

- Người đi không lâu, đem thơ đến chẳng?
- Tin cũng chẳng thông, thơ cũng chẳng đến.
- Làm thế nào?

Hy Thiên thuật lại lúc đến Thiền sư Hoài Nhượng cho Sư nghe xong, bèn thưa:

- Khi đi nhờ ơn Hòa thượng hứa cho chiếc búa, tiện đây xin nhận lấy.
- Sư liền duỗi một chân.
Hy Thiên lễ bái.
Sau đó, Hy Thiên từ già Sư lên núi Nam Nhạc ở tu.

*

Một hôm Thiền sư Thần Hội đến tham vấn, Sư hỏi:

- Ở đâu đến?
- Thần Hội đáp:
- Tào Khê đến.
- Ý chỉ Tào Khê thế nào?

Thần Hội chỉ thân rồi thôi.

Sư bảo:

- Vẫn còn đeo gói gạch.
- Ở đây Hòa thượng có vàng ròng cho người chẳng?
- Giả sử có cho, ông để vào chỗ nào?

*

Có vị Tăng đến hỏi Sư:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Sư đáp:

- Gạo ở Lô Lãng giá bao nhiêu?

Sư truyền pháp cho Hy Thiên xong, đến ngày mười ba tháng chạp năm Canh Thìn, nhằm đời Đường niên hiệu Khai Nguyên năm thứ 28 (740 T.L.), Sư lên pháp đường từ biệt chúng, ngồi kiết già thị tịch.

Sau này, vua Hiến Tông ban hiệu là Hoàng Tế Thiền sư, tháp tên Qui Sơn.

*

2. THIỀN SƯ HOÀI NHƯỢNG

ở Nam Nhạc - (677-744)

Người sau vì kính trọng Sư nên lấy chỗ ở mà gọi hiệu là Nam Nhạc.

Sư họ Đỗ, quê ở Kim Châu, sanh ngày mùng tám tháng tư đời Đường niên hiệu Nghi Phụng năm thứ hai (677 T.L.). Được mười lăm tuổi, Sư theo Luật sư Hoàng Cảnh ở chùa Ngọc Tuyền đất Kinh Châu xuất gia.

Sau khi thọ giới cụ túc, Sư học tập tạng Luật. Một hôm, Sư tự than: “Phàm người xuất gia phải vì pháp vô vi, trên trời và nhân gian không gì hơn được!”

Bạn đồng học là Thản Nhiên biết Sư có chí cao siêu, khuyên Sư cùng đi đến yết kiến Hòa thượng Huệ An ở Tung Sơn. Hòa thượng An chỉ dạy và sau bảo Sư đến Tào Khê tham vấn Lục tổ Huệ Năng.

Sư đến Tào Khê, Tổ hỏi:- Ở đâu đến?

Sư thưa:- Ở Tung Sơn đến.

Tổ hỏi:- Vật gì đến?

Sư thưa:

- Nói in tuồng một vật tức không trúng.

- Lại có thể tu chứng chăng?

- Tu chứng tức chẳng không, nhiễm ô tức chẳng được.

- Chính cái không nhiễm ô này là chỗ hộ niệm của chư Phật, người đã như thế, ta cũng như thế. Tổ Bát-nhã-đa-la ở Tây thiên có lời sấm rằng: “Dưới chân người sẽ xuất hiện NHẤT MÃ CÂU (con ngựa tơ) đạp chết người trong thiên hạ. Ứng tại tâm người chẳng cần nói sấm.”

Sư hoát nhiên kể hội. Từ đây, Sư ở hầu hạ Tổ ngót mười lăm năm.

*

Đời Đường niên hiệu Tiên Thiên năm thứ hai (713 T.L.), Sư đến Hoàn Nhạc (dãy núi liên tục) ở chùa Bát-nhã.

Có vị Sa-môn ở viện Truyền pháp hiệu Đạo Nhất hằng ngày ngồi thiền. Sư biết đó là pháp khí (người hữu ích trong Phật pháp) bèn đi đến hỏi:

- Đại đức ngồi thiền để làm gì?

Đạo Nhất thưa:- Để làm Phật.

Sau đó, Sư lấy một cục gạch đến trên hòn đá ở trước am Đạo Nhất ngồi mài. Đạo Nhất thấy lạ hỏi:

- Thầy mài gạch để làm gì?

Sư đáp:

- Mài để làm gương.

- Mài gạch đâu có thể thành gương được?

- Ngồi thiền đâu có thể thành Phật được?

- Vậy làm thế nào mới phải?

- Như trâu kéo xe, nếu xe không đi, đánh xe là phải? đánh trâu là phải?

Đạo Nhất lặng thinh, Sư nói tiếp:

- Người học ngồi thiền hay học ngồi Phật? Nếu học ngồi thiền, thiền không phải ngồi nằm. Nếu học ngồi Phật, Phật không có tướng nhất định, đối

pháp không trụ, chẳng nên thủ xả. Người nếu ngồi Phật tức là giết Phật, nếu chấp tướng ngồi chẳng đạt ý kia.

Đạo Nhất nghe Sư chỉ dạy như uống đê-hồ, lễ bái hỏi:

- Dụng tâm thế nào mới hợp với vô tướng tam-muội?

Sư bảo:

- Người học pháp môn tâm địa như gieo giống, ta nói pháp yếu như mưa móc, nếu duyên người hợp sẽ thấy đạo này.

- Đạo không phải sắc tướng làm sao thấy được?

- Con mất pháp tâm địa hay thấy được đạo, Vô tướng tam-muội cũng lại như vậy.

- Có thành hoại chăng?

- Nếu lấy cái thành hoại tụ tán mà thấy đạo là không thể thấy đạo. Nghe ta nói kệ:

Tâm địa hàm chư chủng
Ngộ trạch tức giai manh
Tam-muội hoa vô tướng
Hà hoại phục hà thành?

Dịch:

Đất tâm chứa các giống
Gặp ướt liền nảy mầm
Hoa tam-muội không tướng
Nào hoại lại nào thành?

Đạo Nhất nhờ khai ngộ tâm ý siêu nhiên, theo hầu Sư suốt mười năm, mỗi ngày càng nhận sâu lý đạo.

*

Đệ tử nhập thất gồm có sáu người. Sư ấn khả rằng:

- Sáu người các người đồng chứng thân ta, mỗi người khế hội một phần:

Người được chân mày ta, giỏi về oai nghi là Thường Hạo.

Người được mắt ta, giỏi về ngó liếc là Trí Đạt.

Người được tai ta, giỏi về nghe lý là Thản Nhiên.

Người được mũi ta, giỏi về biết mùi là Thần Chiếu.

Người được lưỡi ta, giỏi về đàm luận là Nghiêm Tuấn.

Người được tâm ta, giỏi về xưa nay là Đạo Nhất.

Sư lại bảo:

- Tất cả các pháp đều từ tâm sanh, tâm không chỗ sanh, pháp không thể trụ. Nếu đạt tâm địa việc làm không ngại, không phải thượng căn dè dặt chớ nói. (Nhất thiết chư pháp giai tùng tâm sanh, tâm vô sở sanh, pháp vô sở trụ. Nhược

đạt tâm địa sở tác vô ngại, phi ngộ thượng căn nghi thận từ tai.)

*

Có vị Đại đức đến hỏi Sư:

- Như gương đúc tượng, sau khi tượng thành không biết cái sáng của gương đi về chỗ nào?

Sư bảo:

- Như Đại đức tượng mạo lúc trẻ thơ hiện thời ở đâu?

- Tại sao sau khi thành tượng không chiếu soi?

- Tuy không chiếu soi, nhưng đối y một điểm cũng chẳng được.

*

Sau Đạo Nhất đi giáo hóa ở Giang Tây, Sư hỏi chúng:

- Đạo Nhất vì chúng thuyết pháp chằng?

Chúng thưa:

- Đã vì chúng thuyết pháp.

- Sao không thấy người đem tin tức về?

Chúng lặng thinh.

Sư bèn sai một vị Tăng đi thăm. Trước khi đi, Sư dặn:

- Đợi khi y thượng đường (lên thuyết pháp) chỉ hỏi “làm cái gì”. Y trả lời, nhớ ghi những lời ấy đem về đây.

Vị Tăng đi thăm làm đúng như lời Sư đã dặn. Khi trở về, vị Tăng thưa:

- Đạo Nhất nói: “Từ loạn Hồ sau ba mươi năm, chưa từng thiếu tương muối.”

Sư nghe xong gật đầu.

*

Đến ngày mười một tháng tám, đời Đường niên hiệu Thiên Bảo năm thứ ba (744 T.L.) Sư viên tịch tại Hoàn Nhạc, thọ sáu mươi bảy tuổi.

Vua sắc ban hiệu là Đại Huệ Thiền sư, tháp hiệu Thắng Luân.

*

3. THIỀN SƯ HUYỀN GIÁC

ở Vĩnh Gia-(665 - 713)

Sư họ Đới, quê ở Vĩnh Gia Ôn Châu, xuất gia từ thuở nhỏ. Sư xem khắp ba tạng Kinh, trí đức viên mãn, trụ trì chùa Hưng Long. Sư tinh thâm về pháp môn Chỉ Quán của Đại sư Trí Khải ở núi Thiên Thai, trong bốn oai nghi lúc nào cũng khế hợp thiền quán. Thấy cảnh chùa dưới sườn núi có cảnh đẹp, Sư bèn xuống cất một Thiền am, lưng tựa ngọn núi xanh, hông kề dòng suối trong. Sư sống một đời thanh đạm, không hề nghĩ đến việc thế tục.

Sư nhân xem kinh Duy-ma phát minh được tâm địa. Gặp đệ tử của Lục Tổ là Thiền sư Huyền Sách, hai bên nói chuyện nhau đều thích hợp chư Tổ. Huyền Sách hỏi:

- Nhân giả đặc pháp nơi thầy nào?

Sư đáp:

- Tôi nghe trong các kinh luận Phương Đẳng mỗi vị đều có thầy trò trao truyền. Sau xem kinh Duy-ma ngộ được Tâm tông, mà chưa có người chứng minh.

Huyền Sách bảo:

- Từ đức Phật Oai Âm Vương về trước, không có thầy chứng minh thì được. Từ đức Phật Oai Âm Vương về sau, không thầy tự ngộ đều là ngoại đạo thiên nhiên.

Sư nói:- Xin nhân giả vì tôi chứng minh.

Huyền Sách bảo:

- Lời nói tôi nhẹ lắm. Ở Tào Khê có Lục Tổ Đại sư bốn phương học giả tụ họp về thọ pháp, nếu nhân giả muốn đi thì tôi cùng với. Sư bèn theo Huyền Sách đi đến Tào Khê.

Đến nơi, Sư tay cầm tích trượng vai mang bình bát đi nhiễu Tổ ba vòng. Tổ hỏi:

- Phàm Sa-môn phải đủ ba ngàn oai nghi tám muôn tế hạnh, Đại đức là người phương nào đến, mà sanh đại ngã mạn như vậy?

Sư thưa:- Sanh tử là việc lớn, vô thường quá nhanh.

Tổ bảo:- Sao không ngay nơi đó thể nhận lấy vô sanh, liễu chẳng mau ư?

Sư thưa:- Thể tức vô sanh, liễu vốn không mau.

Tổ khen:- Đúng thế! đúng thế!

Lúc đó đại chúng nghe nói đều ngạc nhiên. Sư bèn đầy đủ oai nghi lễ tạ Tổ. Chốc lát sau Sư xin cáo từ.

Tổ bảo:- Trở về quá nhanh!

Sư thưa:- Vốn tự không động thì đâu có nhanh.

Tổ bảo:- Cái gì biết không động?

Sư thưa:- Ngài tự phân biệt.

Tổ bảo:- Người được ý vô sanh rất sâu.

Sư thưa:- Vô sanh có ý sao?

Tổ bảo:- Không ý, cái gì biết phân biệt?

Sư thưa:- Phân biệt cũng không phải ý.

Tổ khen:- Lành thay! lành thay!

Sư ở lại đây một đêm để hỏi thêm đạo lý. Sáng hôm sau, Sư cùng Huyền Sách đồng xuống núi trở về Ôn Giang. Thời nhân gọi Sư là Nhất Túc Giác (một đêm giác ngộ).

Từ đây về sau, học chúng bốn phương tìm đến tham vấn Sư thật đông. Sư được tặng hiệu là Chơn Giác Đại sư.

Đời Đường niên hiệu Tiên Thiên thứ hai (713 T.L.) ngày mười bảy tháng mười, tại viện riêng ở chùa Hưng Long, Sư ngồi vui vẻ thị tịch, thọ bốn mươi chín tuổi. Vua sắc ban là Vô Tướng Đại sư, tháp hiệu Tịnh Quang.

Tập Chứng Đạo Ca và Thiền Tông Ngộ Tu Viên Chỉ do Sư trước tác, sau này môn đồ là Ngụy Tinh làm Thích sử Khánh Châu, góp lại làm thành mười thiên gọi là Vĩnh Gia Tập.

*

4. THIÊN SƯ BỔN TỊNH

(? - 761)

Sư họ Trương, quê ở Ráng Châu, xuất gia từ thuở bé. Sau Sư đến tham học với Lục tổ Huệ Năng được Tổ truyền tâm. Sư từ già Tổ, tìm đến núi Tư Không ở chùa Vô Tướng, chuyên ở nơi đây tu hành.

Đời Đường niên hiệu Thiên Bảo năm thứ ba (744 T.L.) vua Huyền Tông sai Trung sứ Dương Quang Đình vào núi cắt dây thường xuân. Dương Quang Đình tình cờ gặp được thất của Sư. Đình lễ bái thưa:

- Đệ tử mộ đạo đã lâu, cúi xin Hòa thượng từ bi tóm tắt chỉ dạy.

Sư bảo:

- Người nghiên học Thiền tông trong thiên hạ đều hội về Kinh sư (kinh đô vua), thiên sứ nên trở về triều thưa hỏi là đầy đủ. Bản đạo ở gop núi cạnh khe không có chỗ dụng tâm.

Quang Đình thiết tha khóc lóc lễ lạy.

Sư bảo:

- Thôi! Chớ lễ bản đạo. Thiên sứ vì cầu Phật hay vì hỏi đạo?

Đình thưa:

- Đệ tử trí thức tối tăm chưa biết Phật với Đạo nghĩa ấy thế nào?

Sư bảo:

- Nếu muốn cầu Phật, tức tâm là Phật. Nếu muốn hội Đạo, không tâm là Đạo.

- Thế nào tức tâm là Phật?

- Phật nhân tâm mà ngộ, tâm do Phật được bày. Nếu ngộ không tâm thì Phật cũng chẳng có.

- Thế nào không tâm là Đạo?

- Đạo vốn không tâm, không tâm gọi là Đạo. Nếu rõ không tâm thì không tâm tức là Đạo vậy.

Quang Đình đành lễ tin nhận.

Trở về triều, Quang Đình tâu hết việc trong núi cho vua nghe. Vua ban sắc lệnh sai Quang Đình đi thỉnh Sư. Ngày mười ba tháng chạp, Sư theo sứ về đến đế đô, Vua thỉnh ở chùa Bạch Liên.

Đến ngày rằm tháng hai năm sau, Vua mời hết những danh Tăng và các người học Phật uyên bác đến nội đạo tràng (đạo tràng trong cung) cùng Sư xiển dương Phật lý.

Khi ấy, có Thiên sư Viễn lên tiếng hỏi Sư:

- Nay đối Thánh thượng để xét lường tôn chỉ, cần phải hỏi thẳng, đáp thẳng, không cần dùng nhiều lời. Như chỗ thấy của Thiên sư lấy gì làm đạo?

Sư đáp:- Không tâm là đạo.

Viễn hỏi:- Đạo nhân tâm mà có, đâu được nói không tâm là đạo?

Sư đáp:

- Đạo vốn không tên, nhân tâm có đạo. Tâm và tên nếu có thì đạo không rộng suốt. Tột tâm đã không thì đạo nương đâu mà lập? Cả hai đều là giả danh.

Viễn hỏi:- Thiên sư thấy thân tâm là đạo rồi chăng?

Sư đáp:- Sơn tăng thân tâm xưa nay là đạo.

Viễn hỏi:

- Vừa nói không tâm là đạo, giờ lại nói thân tâm xưa nay là đạo, đâu không trái nhau?

Sư đáp:

- Không tâm là đạo, tâm mất đạo không, tâm đạo nhất như nên nói không tâm là đạo. Thân tâm xưa nay là đạo, đạo cũng vốn là thân tâm, thân tâm vốn đã là không, đạo cũng không tột nguồn chẳng có.

Viễn hỏi:- Xem hình thể Thiên sư rất nhỏ đâu thể hội được lý này?

Sư đáp:

- Đại đức chỉ thấy tướng Sơn tăng, chẳng thấy được không tướng của Sơn tăng. Thấy tướng là chỗ thấy của Đại đức, kinh nói “phàm có tướng đều là hư vọng, nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, tức ngộ được đạo kia”. Nếu lấy tướng cho là thật thì cùng kiếp không thể ngộ đạo.

Viễn bảo:- Nay thỉnh Thiên sư ở trên tướng nói không tướng.

Sư đáp:

- Kinh Tịnh Danh nói: “Bốn đại không chủ, thân cũng không ngã, chỗ thấy không ngã, cùng đạo tương ứng.” Đại đức nếu cho tứ đại có chủ là ngã, nếu thấy có ngã thì cùng kiếp không thể hội đạo.

Viễn nghe nói thất sắc lặng lẽ rút lui.

Sư có bài kệ:

Tứ đại vô chủ phục như thủy
Ngộ khúc phùng trực vô bỉ thử
Tịnh uest lưỡng xứ bất sanh tâm
Ứng quyết hà tăng hữu nhị ý
Xúc cảnh đản tợ thủy vô tâm
Tại thế tung hoành hữu hà sự.

Dịch:

Bốn đại không chủ cũng như nước
Dù gặp cong ngay chẳng kia đây
Hai nơi nhớ sạch tâm không sanh
Thông bát chưa từng có hai ý
Xúc cảnh chỉ như nước không tâm
Ở thế tung hoành nào có việc?

Một đại như thế, bốn đại cũng vậy. Nếu rõ bốn đại không chủ tức ngộ không tâm. Nếu rõ không tâm tự nhiên hợp đạo.

*

Thiền sư Minh Chí hỏi:

- Nếu nói không tâm là đạo, ngói gạch không tâm cũng ứng là đạo?
Thân tâm xưa nay là đạo, tứ sanh thập loại đều có thân tâm cũng ứng là đạo?

Sư đáp:

- Đại đức nếu hiểu bằng vào thấy nghe hiểu biết thì cùng đạo khác xa, tức là người cầu thấy nghe hiểu biết, không phải là người cầu đạo. Kinh nói: “không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý...”. Sáu căn còn không, thấy nghe hiểu biết nương đâu mà lập. Cùng tốt gốc nguồn chẳng có thì chỗ nào còn tâm? Đâu không đồng với cỏ cây ngói gạch.

Minh Chí lặng thinh thối lui.

Sư có bài kệ:

Kiến văn giác tri vô chướng ngại
Thanh hương vị xúc thường tam-muội
Như điểu không trung chỉ ma phi
Vô thủ vô xả vô tăng ái
Nhược hội ứng xứ bản vô tâm
Thủy đắc danh vi Quán Tự Tại.

Dịch:

Thấy nghe hiểu biết không chướng ngại
Tiếng mùi vị chạm thường tam-muội
Như chim trong không mặc tình bay

Không thủ không xả không thương ghét
Nếu hội mỗi nơi vốn không tâm
Mới được tên là Quán Tự Tại.

*

Thiền sư Chơn hỏi:

- Đạo đã không tâm, Phật có tâm chăng? Phật cùng với đạo là một, là khác?

Sư đáp:- Chẳng một chẳng khác.

Chơn hỏi:

- Phật độ chúng sanh vì có tâm, đạo không độ chúng sanh vì không tâm. Một độ một không độ đâu được không khác?

Sư đáp:

- Nếu nói Phật độ chúng sanh, đạo không độ, đây là Đại đức vọng sanh thấy hai. Theo Sơn tăng tức chẳng phải vậy. Phật là tên suông, đạo cũng đối lập, cả hai đều không thật, toàn là giả danh. Trong một cái giả sao lại phân làm hai?

Chơn hỏi:

- Phật với đạo đều là giả danh, chính khi lập danh nhân cái gì mà lập? Nếu có lập được, đâu thể nói là không?

Sư đáp:

- Phật với đạo nhân tâm mà lập, xét cùng cái tâm dựng lập, tâm ấy cũng không, tâm đã là không liền ngộ cả hai đều chẳng thật, biết như mộng huyễn liền ngộ vốn không. Gắng lập hai tên Phật, Đạo, đây là cái thấy biết của người Nhị thừa.

Sư bèn nói bài kệ (Không Tu, Không Tác):

Kiến đạo phương tu đạo
Bất kiến phục hà tu
Đạo tánh như hư không
Hư không hà sở tu
Biến quán tu đạo giả
Bác hỏa mịch phù âu
Đản khán lộng khối lỗi
Tuyến đoạn nhất thời hư.

Dịch:

Thấy đạo mới tu đạo
Chẳng thấy lấy gì tu
Tánh đạo như hư không
Hư không tu chỗ nào?

Khấp xem người tu đạo
Vạch lửa tìm bọt nổi
Chỉ xem người gõ máy
Đứt dây một lúc dừng.

*

Thiền sư Pháp Không hỏi:

- Phật với đạo đều là giả danh, mười hai phần giáo (tất cả Kinh điển) cũng phải chẳng thật, vì sao các hàng tôn túc từ xưa đều nói có tu có đạo?

- Đại đức lâm hội ý kinh; đạo vốn không tu, Đại đức cương tu, đạo vốn không tác, Đại đức cương tác, đạo vốn không sự, Đại đức cương sanh đa sự, đạo vốn không biết, ở trong ấy cương biết. Thấy hiểu như thế cùng đạo trái nhau. Tôn túc từ xưa không như thế, tự Đại đức không hội, xin suy gẫm đó.

Sư có bài kệ:

Đạo thể bản vô tu
Bất tu tự hiệp đạo
Nhược khởi tu đạo tâm
Thử nhân bất hội đạo
Khí khước nhất chân tánh
Khước nhập não hạo hạo
Hốt phùng tu đạo nhân
Đệ nhất mặc hưởng đạo.

Dịch:

Thể đạo vốn không tu
Chẳng tu tự hiệp đạo
Nếu khởi tâm tu đạo
Người này không hiệp đạo
Bỏ mất một tánh chân
Lại vào nơi phiền lụy
Chợt gặp người tu đạo
Bậc nhất chớ hưởng đạo.

*

Thiền sư An hỏi:

- Đạo đã giả danh, Phật nói đối lập, mười hai phần giáo (tất cả Kinh điển) cũng là phương tiện tiếp vật độ sanh, tất cả là vọng lấy gì làm chân?

Sư đáp:

- Vì có vọng nên đem chân đối vọng. Xét cùng tánh vọng vốn không, chân cũng chưa từng có. Thế thì biết chân vọng đều là giả danh, hai việc đối trị trọn không thật thể, tốt cội gốc nó thì tất cả đều không.

An hỏi:

- Đã nói tất cả là vọng, vọng cũng đồng chân, chân vọng không khác, lại là vật gì?

Sư đáp:

- Nếu nói vật gì, vật gì cũng vọng. Kinh nói “không tương tự, không so sánh, bất đường nói năng, như chim bay trong không”.

Thiền sư An thâm phục mà không biết mối manh.

Sư có bài kệ:

Suy chân, chân vô tướng
Cùng vọng, vọng vô hình
Phản quán suy cùng tâm
Tri tâm diệc giả danh
Hội đạo diệc như thử
Đáo đầu diệc tự ninh.

Dịch:

Xét chân, chân không tướng
Tìm vọng, vọng không hình
Quán lại tâm tìm xét
Biết tâm cũng giả danh
Hội đạo cũng như vậy
Đến cùng chỉ lặng yên.

*

Thiền sư Đạt Tánh hỏi:

- Thiền thật chí vi chí diệu, chân vọng cả hai đều bật, Phật, đạo cả hai chẳng còn, tu hành tánh là không, danh tướng chẳng thật, thế giới như huyễn, tất cả đều giả danh. Khi người đạt đến cái hiểu biết này cũng không thể đoạn dứt hai gốc thiện ác của chúng sanh!

Sư đáp:

- Hai gốc thiện ác đều nhân tâm mà có, tìm tốt tâm nếu có thì gốc ắt thật, xét tâm đã không thì gốc nhân đâu mà lập. Kinh nói:

“Pháp thiện pháp ác từ tâm hóa sanh, nghiệp duyên thiện ác vốn không thật có.”

Sư nói bài kệ:

Thiện ký tùng tâm sanh
Ác khởi ly tâm hữu
Thiện ác thị ngoại duyên
Ư tâm thật bất hữu
Xả ác tống hà xứ

Thủ thiện linh thù thủ
Thương nha nhị kiến nhân
Phan duyên lưỡng đầu tẩu
Nhược ngộ bản vô tâm
Thủy hối tùng tiền cự.

Dịch:

Thiện đã từ tâm sanh
Ác đâu rời tâm có
Thiện ác là duyên ngoài
Nơi tâm thật chẳng có
Bỏ ác đảy chỗ nào?
Lấy thiện bảo ai giữ?
Than ôi! Người thấy hai
Bám víu hai đầu chạy.
Nếu ngộ vốn không tâm
Mới hối lỗi từ trước.

*

Vị quan cận thân hỏi:

- Thân này từ đâu mà đến? Sau khi trăm tuổi trở về đâu?

Sư đáp:

- Như người khi mộng từ đâu mà đến? Khi thức giấc lại đi về đâu?

Quan thưa:

- Khi mộng không thể nói không, đã thức không thể nói có. Tuy có mà không từ đâu đến, đi không đi về đâu.

Sư nói:- Bần đạo thấy thân này cũng như mộng.

Có bài kệ:

Thị sanh như tại mộng
Mộng lý thật thị não
Hốt giác vạn sự hưu
Hườn đồng thù thời ngộ
Trí giả hội ngộ mộng
Mê nhân tín mộng não
Hội mộng như lưỡng ban
Nhất ngộ vô biệt ngộ
Phú quý dữ bần tiện
Cánh diệc vô biệt lộ.

Dịch:

Thấy cuộc sống như mộng

Trong mộng thật là ồn
Chợt giác muôn việc hết
Lại đồng tỉnh cơn mộng
Người trí nhận biết mộng
Kẻ mê tin mộng ồn
Biết mộng như hai việc
Một ngộ không ngộ khác
Giàu sang cùng nghèo hèn
Lại cũng không đường khác.

*

Niên hiệu Thượng Nguyên năm thứ hai (761 T.L.), ngày mùng năm tháng năm, Sư qui tịch.

Vua sắc ban hiệu là Đại Hiển Thiền sư.

*

5. QUỐC SƯ HUỆ TRUNG

(? - 772)

Sư họ Nhiễm, quê ở Chư Kỵ, Việt Châu. Thuở nhỏ, Sư da trắng như tuyết, dáng vẻ đoan trang, mộ Phật xuất gia. Sư giới luật thanh tịnh, đức hạnh siêu nhiên, thường tìm đến các vị Thiền đức hỏi đạo.

Sau khi được tâm ấn nơi Lục tổ Huệ Năng, Sư về ở cốc Đẳng Tử trên núi Bạch Nhai, Nam Dương. Nơi đây tu hành, hơn bốn mươi năm Sư chưa từng xuống núi. Đạo hạnh của Sư được dân chúng đồn đãi đến tai nhà vua.

Đời Đường niên hiệu Thượng Nguyên năm thứ hai (761 T.L.) vua Túc Tông sai Trung sử Tôn Triều Tiến mang chiếu đến thỉnh Sư về kinh đô. Sư về đến triều, Vua kính Sư làm thầy. Lúc đầu thỉnh Sư ở Tây Thiền viện tại chùa Thiên Phước, sau Vua thỉnh về chùa Quang Trạch gần nội cung. Hơn mười sáu năm, Sư tùy cơ thuyết pháp.

Một hôm, có Đại Nhĩ Tam Tạng người Ấn sang đến kinh đô, tự nói được tuệ nhãn và tha tâm thông. Vua muốn trải nghiệm nên mời ông đến ra mắt Sư. Tam Tạng đến, vừa thấy Sư, liền lễ bái khoanh tay đứng hầu bên hữu.

Sư hỏi:- Ông được tha tâm thông chẳng?

Tam Tạng đáp:- Chẳng dám.

Sư hỏi:- Ông nói xem, hiện giờ Lão tăng đang ở chỗ nào?

Tam Tạng đáp:- Hòa thượng là thầy một nước sao lại đến Tây Xuyên xem đồ đùa.

Sư lại hỏi:- Ông nói xem, hiện giờ Lão tăng đang ở chỗ nào?

Tam Tạng đáp:

- Hòa thượng là thầy một nước sao lại đứng trên cầu Thiên Tân xem khỉ giỡn?

Sư lần thứ ba cũng hỏi y như trước. Tam Tạng lặng thinh không biết chỗ đi.

Sư nạt:- Hồ tinh! Tha tâm thông ở chỗ nào? Tam Tạng lặng câm.

Một hôm, Sư gọi: Thị giả!

Thị giả: Dạ!

Sư gọi như thế ba lần, thị giả cũng dạ ba lần.

Sư bảo:- Tưởng là ta cô phụ người, nào ngờ người cô phụ ta.

*

Nam Tuyền đến tham vấn, Sư hỏi:

- Ở đâu đến?

Nam Tuyền thưa:

- Ở Giang Tây đến.

- Có đem được hình của Mã sư đến chăng?

- Chỉ thế ấy.

- Ở sau lưng.

Nam Tuyền bèn lui ra.

*

Ma Cốc đến tham vấn, đi nhiều quanh giường thiền của Sư ba vòng, rồi chống tích trượng đứng trước Sư.

Sư bảo:- Đã như thế cần gì thấy bản đạo?

Ma Cốc lại chống tích trượng.

Sư nạt:- Hồ tinh! đi đi!

Sư thường dạy chúng:

- Người học Thiền tông nên theo lời Phật, lấy Nhất thừa liễu nghĩa khế hợp với nguồn tâm của mình, kinh không liễu nghĩa chẳng nên phối hợp. Như bọ trùng trong thân sư tử, khi vì người làm thầy, nếu dính mắc danh lợi bèn bày điều dị đoan, thế là mình và người có lợi ích gì? Như người thợ mộc giỏi, búa rìu không dứt tay họ. Sức con voi lớn chở, con lừa không thể kham.

*

Có vị Tăng hỏi:- Làm sao được thành Phật?

Sư đáp:

- Phật và chúng sanh đồng thời dẹp đi, ngay đó được giải thoát.

- Làm thế nào được tương ứng?

- Không nghĩ thiện ác tự thấy Phật tánh.

- Làm sao được chứng Pháp thân?

- Vượt cảnh giới Tỳ-lô.

- Pháp thân thanh tịnh làm sao được?
- Không chấp Phật để cầu.
- Thế nào là Phật?
- Tâm tức là Phật.
- Tâm có phiền não chăng?
- Tánh phiền não tự lìa.
- Đâu không đoạn sao?
- Đoạn phiền não tức gọi Nhị thừa. Phiền não không sanh gọi Đại Niết-bàn.

- Ngồi thiền quán tịnh là làm gì?
- Chẳng cấu chẳng tịnh đâu cần khởi tâm quán tưởng tịnh.
- Thiền sư thấy mười phương hư không là Pháp thân chăng?
- Lấy tâm tưởng nhận, đó là thấy điên đảo.
- Tâm tức là Phật, lại cần tu vạn hạnh chăng?
- Chư thánh đều đủ hai thứ trang nghiêm (phước tuệ) đâu có bác không nhân quả.

Sư lại nói:

- Nay tôi đáp những câu hỏi của ông cùng kiếp không hết, nói nhiều cách đạo càng xa. Cho nên nói: “Thuyết pháp có sở đắc, đây là dã can kêu; thuyết pháp không sở đắc, ấy gọi là sư tử rống.”

*

Có người cư sĩ ở Nam Dương tên Trương Phần đến hỏi:

- Được nghe Hòa thượng nói “vô tình thuyết pháp”, con chưa hiểu được ý này, xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy.

Sư đáp:

- Ông nếu hỏi vô tình thuyết pháp, hiểu vô tình kia mới được nghe tôi thuyết pháp. Ông chỉ nghe lấy vô tình thuyết pháp đi!

- Chỉ nhằm hiện nay trong phương tiện của hữu tình, thế nào là nhân duyên của vô tình?

- Hiện nay trong tất cả động dụng, nhưng hai dòng phàm thánh trọn không có ít phần khởi diệt, là ra khỏi thức, không thuộc có không, rõ ràng thấy giác, chỉ nghe không có tình thức buộc chấp kia. Sở dĩ, Lục Tổ nói: “Sáu căn đối cảnh phân biệt mà không phải thức.”

*

Có vị Tăng đến tham lễ, Sư hỏi:

- Ông chứa đựng sự nghiệp gì?

Tăng thưa:

- Giảng kinh Kim Cang.

- Hai chữ rớt đầu kinh là gì?

- Như thị.

- Là gì?

Tăng không đáp được.

*

Có người hỏi Sư:- Thế nào là giải thoát?

Sư đáp:

- Các pháp không đến nhau, ngay đó là giải thoát.

- Làm sao đoạn được?

- Đã nói với ông các pháp không đến nhau, đoạn cái gì?

*

Vua Túc Tông hỏi:- Thầy được pháp gì?

Sư đáp:- Bệ hạ thấy một mảnh mây trong hư không chẳng?

- Thấy.

- Nó do đóng đinh mắc, hay cột dây mắc?

- Thế nào là mười thân của Phật?

Sư đứng dậy hỏi:

- Hội chẳng?

- Chẳng hội.

- Đem tịnh bình qua cho Lão tăng.

- Thế nào là Vô tránh tam-muội?

- Đàn việt đi đập trên đánh Tỳ-lô.

- Ý này thế nào?

- Chớ nhận thân này, là Pháp thân thanh tịnh.

Vua lại hỏi Sư. Sư đều không nhìn Vua. Vua bảo:

- Trẫm là thiên tử nước Đại Đường, tại sao Thầy không nhìn đến?

Sư đáp:

- Bệ hạ thấy hư không chẳng?

- Thấy.

- Hư không có nhìn bệ hạ không?

*

Ngư Quân Dung hỏi:

- Thầy ở núi Bạch Nhai trong mười hai giờ tu thế nào?

Sư gọi một đứa trẻ đến, vò đầu nó, bảo:

- Tĩnh tĩnh hẳn vậy tỉnh tỉnh. Rõ ràng hẳn vậy rõ ràng. Về sau chớ bị người gạt.

Một hôm, Sư hỏi Tử Lân Cung Phụng:- Phật là nghĩa gì?

Phụng thưa:

- Là nghĩa giác.
 - Phật từng mê chăng?
 - Chẳng từng mê.
 - Dùng giác làm gì?
- Cung Phụng không thể đáp được, hỏi lại Sư:
- Thế nào là thật tướng?
 - Đem hư không lại!
 - Hư không đâu thể đem được!
 - Hư không còn không thể đem được, hỏi thật tướng làm gì?

*

Sư thấy duyên quá độ sắp mãn, giờ Niết-bàn sắp đến, bèn từ giã vua Đại Tông trở về núi.

Đại Tông hỏi:

- Thầy sau khi diệt độ, đệ tử sẽ làm gì để kỷ niệm?

Sư đáp:

- Bảo đàn việt tạo một ngôi tháp vô phùng.
- Xin Thầy cho họa đồ?

Sư lặng thinh giây lâu hỏi:

- Hội chăng?
- Không hội.
- Bần đạo đi rồi có thị giả hiệu Ứng Chơn sẽ biết việc này.

Ngày mùng chín tháng chạp năm Đại Lịch thứ mười (772 T.L.), Sư nằm nghiêng bên hữu thị tịch. Đệ tử xây tháp cạnh cốc Đẳng Tử thờ Sư. Vua sắc ban hiệu là Đại Chứng Thiên sư.

*

6. THIÊN SƯ THẦN HỘI

Hà Trạch-(668 - 760)

Sư họ Cao, quê ở Tương Dương. Lúc nhỏ theo thầy học Nho, Sư thông suốt Ngũ kinh, hiểu rành Lão Trang, sau nghiên cứu Phật pháp. Sư theo Pháp sư Hạo Nguyên ở chùa Quốc Xương tại phủ nhà xuất gia, học thông Kinh Luật.

Năm mười bốn tuổi là Sa-di ở chùa Ngọc Tuyền, Sư tìm đến yết kiến Lục tổ Huệ Năng.

Tổ hỏi:

- Tri thức từ phương xa nhọc nhằn tìm đến, có được gốc (Bản) theo chăng? Nếu có gốc phải biết chủ, thử nói xem?

Sư thưa:- Lấy không trụ làm gốc, thấy tức là chủ.

Tổ bảo:- Sa-di đâu nên dùng lời đó.

Sư thưa:- Hòa thượng ngồi thiền là thấy hay chẳng thấy?

Tổ cầm gậy đánh Sư ba gậy, hỏi:- Ta đánh người đau hay chẳng đau?

- Cũng đau cũng chẳng đau.

- Ta cũng thấy cũng chẳng thấy.

- Thế nào là cũng thấy cũng chẳng thấy?

- Chỗ ta thấy là thường thấy lỗi lầm nơi tâm mình, không thấy việc phải quấy của người khác. Ấy là cũng thấy cũng chẳng thấy. Người nói cũng đau cũng chẳng đau là sao? Nếu người chẳng đau thì đồng cây cỏ, nếu người đau thì đồng với phàm phu, ắt khởi tâm giận hờn. Trước người nói thấy chẳng thấy là hai bên, đau chẳng đau là sanh diệt. Người không thấy tự tánh mà dám cột với người.

Sư lễ bái sám hối.

Tổ bảo:

- Nếu người tâm mê không thấy nên hỏi thiện tri thức chỉ đường. Nếu người tâm ngộ liền tự thấy tánh, y pháp tu hành. Người đã mê không thấy tâm mình, trở lại hỏi ta thấy cùng chẳng thấy. Ta thấy thì ta tự biết, đâu thế cái mê cho người được. Nếu người tự thấy cũng không thể được cái mê cho ta. Tại sao không tự biết tự thấy, lại hỏi ta thấy cùng chẳng thấy?

Sư lễ bái hơn trăm lạy cầu xin sám hối.

Từ đây, Sư ở lại hầu hạ Tổ không lúc nào rời.

*

Một hôm Tổ bảo đại chúng:

- Ta có một vật không đầu không đuôi, không tên không họ, không lưng không mặt, các người biết chăng?

Sư bước ra thưa:

- Ấy là bản nguyên của chư Phật, là Phật tánh của Thần Hội.

Tổ bảo:

- Đã nói với các người là không tên không họ, người lại kêu là bản nguyên, Phật tánh. Người lại đi lấy tranh che đầu, cũng chỉ thành tông đồ của hàng tri giải.

Sư lễ bái lui ra.

*

Có sáu điều nghi trong tạng Kinh, Sư đem ra hỏi Lục Tổ:

- Giới định tuệ dùng như thế nào? Giới vật gì? Định từ chỗ nào tu? Tuệ nhân chỗ nào khởi? Chỗ thấy của con chưa thông suốt.

Tổ đáp:

- Định là định tâm kia, đem giới để giới hạnh kia, trong tánh thường có tuệ chiếu, tự thấy tự biết sâu.

- Xưa không nay có, có vật gì? Xưa có nay không, không vật gì? Tụng kinh chẳng thấy nghĩa có không, thật giống người cỡi lừa lại tìm lừa.

- Niệm trước nghiệp ác xưa không, niệm sau thiện sanh nay có, niệm niệm thường làm hạnh lành, đời sau sanh người trời chẳng khó. Chính người nay nghe ta nói, ta tức xưa không nay có.

- Đem sanh diệt dẹp diệt, đem diệt diệt dẹp sanh, không rõ nghĩa sanh diệt, chỗ thấy in mù điếc.

- Đem sanh diệt dẹp diệt, khiến người không chấp tánh. Đem diệt diệt dẹp sanh, khiến người tâm lìa cảnh. Nếu lìa được hai bên, tự trừ bệnh sanh diệt.

- Trước đốn mà sau tiệm, trước tiệm mà sau đốn, người không ngộ đốn tiệm, trong tâm thường mê muội.

- Nghe pháp trong đốn mà tiệm, ngộ pháp trong tiệm mà đốn, tu hành trong đốn mà tiệm, chứng quả trong tiệm mà đốn. Đốn tiệm là nhân thường, trong ngộ không mê muội.

- Trước định sau tuệ, trước tuệ sau định, định tuệ cái nào sanh trước cái nào sanh sau là đúng?

- Thường sanh tâm thanh tịnh, trong định mà có tuệ, ở trên cảnh mà không tâm, trong tuệ mà có định; định tuệ đồng không trước, tu cả hai tự tâm chánh.

- Trước Phật sau Pháp, trước Pháp sau Phật, nguồn gốc Phật Pháp từ đâu khởi?

- Nói, tức trước Phật sau Pháp, nghe tức trước Pháp sau Phật. Nếu luận nguồn gốc Phật Pháp, xuất phát trong tâm tất cả chúng sanh.

*

Lục Tổ biết sắp đến ngày qui tịch nên họp chúng lại bảo:

- Ta đến thảng tám sắp lìa thế gian, các người có nghi phải ra hỏi sớm, ta sẽ vì các người giải nghi, khiến các người hết mê lầm, sau khi ta đi rồi không có người dạy các người. Toàn hội chúng đều khóc đầm dề, chỉ có Sư thần tình chẳng động, cũng không ứa nước mắt. Tổ bảo:

- Thần Hội tiểu sư lại được thiện ác, khen chê, vui buồn... đều chẳng động, các người chẳng bằng...

Sau Sư đi đến Tây kinh thọ giới cụ túc.

*

Niên hiệu Khai Nguyên năm thứ tám (720 T.L.) vua Đường Huyền Tông thỉnh Sư về chùa Long Hưng tại Nam Dương, lại đến Lạc Dương. Ở đây, Sư đã thấp sáng ngọn đuốc Thiền tông đốn ngộ của Lục Tổ. Trước kia, hai kinh đô này chỉ dùng pháp thiền tiệm tu của ngài Thần Tú, đến nay mới nhận rõ đốn tiệm hai tông. Vì thế, phái thiền Thần Tú trước thạnh, từ đây suy dần dần.

Khoảng niên hiệu Thiên Bảo (742-756 T.L.) ngự sử Lưu Dịch a từng cùng môn đồ Thần Tú tâu đối với vua rằng: “Sư nhóm họp đồ chúng manh tâm làm phản.” Vua Huyền Tông mời Sư về kinh đô để tham vấn. Ra mắt Vua, Sư giải bày hợp lý, Vua rất hài lòng. Vua mời Sư dời về ở Quân Bộ. Sau Vua ra sắc lệnh đày Sư đến ở viện Bát-nhã chùa Khai Nguyên tại Kinh Châu.

Sau vua Túc Tông xuống chiếu thỉnh Sư vào cung cúng dường và lập ngôi chùa Hà Trạch thỉnh Sư trụ trì ở đó. Nơi đây, Sư hiển phát tông phong của Lục Tổ, đồ chúng tham học rất đông.

*

Sư dạy chúng:

- Phàm người học đạo phải đạt tột nguồn gốc của mình; hàng Tứ quả Tam hiền đều gọi là điều phục, Bích-chi, La-hán chưa dứt hoài nghi, Đăng giác, Diệu giác liễu đạt tướng tận. Giác có cạn sâu, giáo có đốn tiệm. Tiệm giáo trải kiếp A-tăng-kỳ vẫn còn luân hồi; đốn giáo chỉ khoảng co duỗi cánh tay liền lên Diệu giác. Nếu trước không giống đạo, luống học biết nhiều. Tất cả tại tâm, tà chánh do mình. Không nghĩ một vật tức là tâm mình, không phải chỗ biết của trí. Không có hạnh nào riêng để ngộ vào đây. Pháp Tam-ma-đề chân thật không có đi đến, dứt mé trước sau. Nếu biết vô niệm là Tối thượng thừa, rộng suốt trời xanh chóng mở kho báu. Tâm chẳng phải sanh diệt, tánh bất đổi dời. Tự tịnh thì niệm cảnh không sanh, vô tác thì vin theo tự dứt.

Ngày xưa, ta đẩy chiếc xe bất thối, nay được định tuệ song tu, như bàn tay với cánh tay. Thấy thể vô niệm chẳng theo vật mà sanh, thường liễu ngộ Như Lai thì còn chỗ nào mà khởi. Nay huyễn chất này nguyên là thường chân, tự tánh như không, xưa nay không tướng. Đã đạt lý này thì còn gì sợ, gì buồn. Trời đất không thể đổi thể kia. Tâm về pháp giới, vạn tượng nhất như. Xa lìa suy tính, trí đồng pháp tánh. Ngàn kinh muôn luận chỉ nói rõ tâm. Đã chẳng lập tâm tức thể hội chân lý, hoàn toàn không sở đắc. Bảo các học chúng không tìm cầu bên ngoài, nếu là Tối thượng thừa cần phải vô tác. Trân trọng!

*

Có người hỏi Sư:- Vô niệm thì pháp có, không chẳng?

Sư đáp:- Chẳng nói có không.

- Khi ấy thế nào?

- Cũng không khi ấy. Ví như gương sáng nếu không đối hình tượng trọn không thấy hình tượng, nếu thấy không vật mới là thấy gương thật.

*

Đời Đường niên hiệu Thượng Nguyên năm đầu (760 T.L.) tháng năm đêm mười hai, Sư từ biệt đại chúng, đến nửa đêm thị tịch, thọ chín mươi ba tuổi.

Vua sắc ban hiệu là Chơn Tông Đại sư, tháp hiệu Bát-nhã. Sư có trước
tác tập Hiển Tông Ký, hiện giờ còn lưu hành.



ĐỜI THỨ HAI SAU LỤC TỔ

I.- PHÁI THIÊN SƯ HÀNH TƯ (có một vị)

Thiên sư Hy Thiên (Thạch Đầu)

II.- PHÁI THIÊN SƯ HOÀI NHƯỢNG (có chín vị)

- 1- Thiên sư Đạo Nhất (Mã Tổ)
- 2- Thiên sư Thường Hạo
- 3- Thiên sư Trí Đạt
- 4- Thiên sư Thản Nhiên
- 5- Thiên sư Thần Chiếu
- 6- Thiên sư Nghiêm Tuấn
- 7- Thiên sư Bồn Như (nước Tân La)
- 8- Thiên sư Huyền Ngang
- 9- Thiên sư Pháp Không

III- PHÁI THIÊN SƯ THẦN HỘI (có 18 vị)

- 1- Thiên sư Phước Lâm
- 2- Thiên sư Quang Bảo
- 3- Thiên sư Pháp Như
- 4- Thiên sư Tiến Bình
- 5- Thiên sư Huệ Diển
- 6- Thiên sư Hoài Không
- 7- Thiên sư Viên Chấn
- 8- Thiên sư Quảng Phu
- 9- Thiên sư Hành Giác
- 10- Thiên sư Thần Anh
- 11- Thiên sư Vô Danh
- 12- Thiên sư Hạo Ngọc
- 13- Thiên sư Chí Mẫn
- 14- Thiên sư Lãng
- 15- Thiên sư Linh Thản
- 16- Thiên sư Thông Ẩn
- 17- Thiên sư Nam Ấn
- 18- Thiên sư Lý Thường

IV.- PHÁI QUỐC SƯ HUỆ TRUNG (có 5 vị)

- 1- Thiên sư Ứng Chân (Đam Nguyên)
- 2- Thiên sư Duy Giới
- 3- Vua Đường Túc Tông
- 4- Vua Đường Đại Tông



7. THIÊN SƯ HỖ THIÊN

Thạch Đầu - (695 - 785)

Sư họ Trần, quê ở Cao Yếu, Đao Châu. Lúc thọ thai Sư, mẹ thích ăn chay, không ưa đồ mặn. Khi còn hài nhi, Sư tự hành động lấy, không phiền mẹ săn sóc. Đến lớn khôn, Sư tự an ổn vui tươi, không khi nào tỏ vẻ không bằng lòng người. Ở thôn Động Liêu, dân chúng sợ quỷ thần nên lập nhiều miếu thờ, thường họp nhau mua rượu làm bò tế lễ. Một hôm, đi chơi thấy dân chúng tế lễ, Sư bèn phá miếu giết bò đem về. Đến tuổi vài mươi, Sư từ già quyến thuộc đi xuất gia.

Nghe Lục tổ Huệ Năng đang giáo hóa tại Tào Khê, Sư tìm đến thọ giáo. Lục Tổ độ Sư làm đệ tử. Sư chưa thọ giới cụ túc, cũng chưa đạt đạo, Tổ đã báo tin sắp tịch, Sư hỏi Tổ:

- Sau khi Hòa thượng viên tịch, con phải nương tựa nơi ai?

Tổ bảo:

- Tâm Tư đi.

Tổ tịch rồi, mỗi ngày Sư đến bên cạnh tháp ngồi tư duy đến quên cả ăn ngủ. Có vị Thượng tọa thấy thế hỏi:

- Thầy đã tịch, người làm gì ngồi đây mãi?

Sư thưa:

- Trước khi thầy tịch, tôi hỏi chỗ nương tựa, thầy dạy tâm Tư, nên tôi ngồi tư duy.

Thượng tọa bảo:

- Người có sư huynh hiệu Hành Tư đang ở núi Thanh Nguyên, nên đến đó nương tựa, thầy dạy đã rõ, người còn nghi gì?

Nghe lời dạy này, Sư thu xếp đồ đạc, tìm đến núi Thanh Nguyên ra mắt Thiên sư Hành Tư [Phần đối đáp khi Sư đến núi Thanh Nguyên, xem lại bài Thiên sư Hành Tư.]

Một hôm Thiên sư Hành Tư hỏi:

- Có người nói Lãnh Nam có tin tức.

Sư thưa:

- Có người không nói Lãnh Nam không có tin tức.

- Nếu thế, đại tạng tiểu tạng từ đâu mà ra?

- Thấy từ trong ấy, trọn không thiếu việc lạ.

Thiền sư Hành Tư gật đầu.

Đời Đường niên hiệu Khai Nguyên thứ mười sáu (728 T.L.), Sư đến La Phù thọ giới cụ túc. Niên hiệu Thiên Bảo năm đầu (742 T.L.) Sư tìm đến Hoàn Nhạc tại Nam Tự, cạnh chùa phía đông có gộp đá cao giống như cái đài, Sư lên đó cất am tranh ở. Thời nhân kính trọng Sư nên gọi là Hòa thượng Thạch Đầu.

*

Một hôm, thượng đường dạy chúng, Sư bảo:

- Pháp môn của ta do Phật trước truyền trao, không luận thiền định tinh tấn, chỉ đạt Tri kiến Phật, tức tâm tức Phật. Tâm, Phật, chúng sanh, Bồ-đề, phiền não tên tuy khác mà thể vẫn đồng. Các người nên biết, thể tâm linh của mình lìa tánh đoạn và thường, không phải như sạch, lặn lẽ tròn đầy, phạm thánh ngang bằng nhau, ứng dụng không lường, lìa tâm ý thức, ba cõi sáu đường chỉ do tâm mình hiện, như trăng đáy nước, bóng trong gương, đâu có sanh diệt. Các người khéo biết nó thì không gì chẳng đủ.

*

Đệ tử Đạo Ngộ hỏi:- Ý chỉ Tào Khê người nào được?

Sư đáp:- Người hội Phật pháp được.

- Thầy được chăng?

- Ta không hội Phật pháp.

*

Có vị Tăng hỏi:

- Thế nào là giải thoát?

Sư đáp:- Ai trói người?

- Thế nào là Tịnh độ?

- Cái gì làm như người?

- Thế nào là Niết-bàn?

- Ai đem sanh tử cho người?

*

Sư hỏi vị Tăng mới đến:- Từ đâu đến?

Tăng thưa:- Từ Giang Tây đến.

- Thấy Mã Đại sư chăng?

- Dạ thấy.

Sư bèn chỉ khúc cây bảo:- Mã Đại sư sao giống cái này?

Tăng không đáp được, trở về thuật lại Mã Tổ.

*

Tăng hỏi:- Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?

Sư đáp:- Hỏi cây cột cái đi!

- Con không hội.
- Ta cũng chẳng hội.

*

Đại Diên hỏi:- Nó có nói không là hai cái đáng chê, xin Thầy trừ?

Sư đáp:- Một vật cũng không, trừ cái gì?

Sư lại hỏi:- Đẹp bỏ cổ, họng, môi, lưỡi, người nói đi?

Đại Diên thưa:- Không cái ấy.

Sư bảo:- Như thế là người được vào cửa.

*

Đạo Ngộ hỏi:- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Sư đáp:- Không được, không biết.

- Tiến lên lại có chỗ chuyển hay không?

- Hư không dài không ngại mây trắng bay.

*

Sư ở Nam Nhạc có nhiều vị thần linh hiện ra nghe pháp và xin thọ qui giới.

Đời Đường niên hiệu Quảng Đức năm thứ hai (763 T.L.), đệ tử thỉnh Sư xuống Lương Đao xiển hóa. Từ đây, hóa chủ Hồ Nam là Thạch Đầu, hóa chủ Giang Tây là Mã Tổ.

Đến ngày rằm tháng chạp niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ sáu (785 T.L.), Sư viên tịch, thọ chín mươi một tuổi, sáu mươi ba tuổi hạ. Vua sắc ban là Vô Tế Đại sư, thụy hiệu Kiến Tướng.

Sư trước tác một thiên Đồng Tham Khế có chú giải lưu hành khá rộng lại có làm một bài ca Thảo Am:

THẢO AM CA

Ngô kết thảo am vô bảo bối
Phạn liễu tùng dung đồ thùy khoái
Thành thời sơ kiến mao thảo tân
Phá hậu hườn tương mao thảo cái.
Trụ am nhân, trấn thường tại
Bất thuộc trung gian dữ nội ngoại
Thế nhân trụ xứ ngã bất trụ
Thế nhân ái xứ ngã bất ái.
Am tuy tiểu, hàm pháp giới
Phượng trượng lão nhân tương thể giải
Thượng thừa Bồ-tát tín vô nghị
Trung hạ văn chi tất sanh quái.
Vấn thử am, hoại bất hoại?

Hoại dữ bất hoại chủ nguyên tại
Bất cư nam bắc dữ đông tây
Cơ thượng kiên lao dĩ vi tối.
Thanh tùng hạ, minh song nội
Ngọc điện châu lâu vị vi đối
Nạp bì mông đầu vạn sự hưu
Thử thời Sơn tăng đô bất hội.
Trụ thử am, hưu tác giai
Thùy khoa phô tịch đồ nhân mãi
Hồi quang phản chiếu tiện qui lai
Khoách đạt linh căn phi hưởng bối.
Ngộ Tổ sư thân huấn hối
Kết thảo vi am mặc sanh thối
Bách niên phao phước nhậm tung hoành
Bãi thủ tiện hành thả vô tội.
Thiên chủng ngôn, vạn ban giải
Chỉ yếu giáo quân trường bất muội
Dục thức am trung bất tử nhân
Khởi ly nhi kim giá bì đại.

Dịch:

Bài ca THẢO AM

Tôi cất am tranh không cửa báu
Ăn xong thong thả ngủ ngon lành
Khi thành nhìn thấy cỏ tranh xanh
Lúc hỏng lại tìm cỏ tranh lợp.
Người chủ am vẫn mãi còn
Không thuộc khoảng giữa chẳng ngoài trong
Chỗ trụ người đời, ta chẳng trụ
Chỗ yêu người đời, ta chẳng yêu (ư).
Am tuy nhỏ, trùm khắp giới
Lão già phương trượng mới hiểu tường
Bồ-tát thượng thừa tin chẳng ngại
Trung hạ nghe đây ắt lạ kỳ.
Hỏi am này hoại chẳng hoại?
Hoại cùng chẳng hoại chủ mãi còn
Chẳng ở đông tây hoặc nam bắc
Nền móng vững vàng là rất chắc.
Dưới tùng xanh, trăng giọi song

Điện ngọc lâu châu chưa dám đối
Màn che chắn đắp muôn việc thôi
Khi này Sơn tăng toàn chẳng hội.
Ở am này, thôi khởi nghĩ
Ai khéo trải chiếu mời người mua
Hồi quang phản chiếu là trở về
Đạt suốt linh căn không theo bỏ.
Gặp Tổ sư thân chỉ dạy
Kết cỏ làm am chớ thói lui
Trăm năm bỏ sạch mặc tung hoành
Buông thông tay đi vẫn không tội.
Ngàn thứ nói, muôn điều hiểu
Chỉ cốt dạy anh thường chẳng muội
Muốn biết không chết, người trong am
Đâu rời đây da hiện nay có.

*

8. THIÊN SƯ ĐẠO NHẤT

Mã Tổ - (709 - 788)

Vì người đời sau quá kính trọng Sư nên nhân Sư họ Mã gọi là Mã Tổ: ông Tổ họ Mã.

Sư họ Mã, quê ở huyện Thập Phương, Hán Châu. Thuở nhỏ, Sư dung mạo lạ thường: đi như trâu, nhìn như cọp, lưỡi dài khỏi mũi, dưới chân có hai khu ốc. Lúc bé, Sư đến chùa La-hán xin xuất gia với Hòa thượng Đường ở Từ Châu. Sau Sư thọ giới cụ túc nơi Luật sư Viên ở Du Châu.

Đời Đường khoảng niên hiệu Khai Nguyên (713-742 T.L.), Sư tập thiền định ở Viện truyền pháp tại Hoàn Nhạc, nhân Thiên sư Hoài Nhượng giáo hóa được giải ngộ. Bạn đồng tham học với Sư có sáu người, chỉ riêng Sư được truyền tâm ấn.

Sau khi tạm biệt thầy, Sư đến Kiến Dương ở ngọn núi Phật Tích, kế dời sang Lâm Xuyên, sau lại đến núi Cung Công Nam Dương. Niên hiệu Đại Lịch (765 T.L.) Liên soái Lộ Từ Cung và Linh Phong, Cảnh Mộ thỉnh Sư khai đường để truyền bá tông phong. Từ đây học giả bốn phương tụ hội về rất đông. Có thể nói Giang Tây là một trường thi Phật.

*

Một hôm Sư dạy chúng:

- Các người mỗi người tin tâm mình là Phật, tâm này tức là tâm Phật. Tổ Đạt-ma từ Nam Ấn sang Trung Hoa truyền pháp Thượng thừa nhất tâm, khiến các người khai ngộ. Tổ lại dẫn kinh Lăng-già để ấn tâm địa chúng sanh. Sợ e các người điên đảo không tự tin pháp tâm này mỗi người tự có, nên kinh Lăng-già nói: “Phật nói tâm là chủ, cửa không là cửa pháp.” (Phật ngữ tâm vi tông, vô môn vi pháp môn.)

Phàm người cầu pháp nên không có chỗ cầu, ngoài tâm không riêng có Phật, ngoài Phật không riêng có tâm, không lấy thiện chẳng bỏ ác, hai bên như sạch đều không nương cậy, đạt tánh tội là không, mỗi niệm đều không thật, vì không có tự tánh nên tam giới chỉ là tâm, sum la vạn tượng đều là cái bóng của một pháp, thấy sắc tức là thấy tâm, tâm không tự là tâm, nhân sắc mới có.

Các người chỉ tùy thời nói năng tức sự là lý, trọn không có chỗ ngại, đạ quả Bồ-đề cũng như thế. Nơi tâm sanh ra thì gọi là sắc, vì biết sắc không, nên sanh tức chẳng sanh. Nếu nhận rõ tâm này, mới có thể tùy thời ăn cơm mặc áo nuôi lớn thai thánh, mặc tình thảng ngày trôi qua, đâu còn có việc gì.

Các người nhận ta dạy hãy nghe bài kệ này:

Tâm địa tùy thời thuyết
Bồ-đề diệc chỉ ninh
Sự lý câu vô ngại
Đương sanh tức bất sanh.

Dịch:

Đất tâm tùy thời nói
Bồ-đề cũng thế thôi
Sự lý đều không ngại
Chính sanh là chẳng sanh.

*

Có vị Tăng hỏi:- Hòa thượng vì cái gì nói tức tâm tức Phật?

Sư đáp:- Vì võ con nít khóc.

- Con nít nín rồi thì thế nào?

- Phi tâm phi Phật.

- Người trừ được hai thứ này rồi, phải dạy thế nào?

- Nói với y là “phi vật”.

- Khi chợt gặp người thế ấy đến thì phải làm sao?

- Hãy dạy y thế hội đại đạo.

*

Có vị Tăng hỏi:

- Ly tứ cú tuyệt bách phi, thỉnh Thầy chỉ thẳng ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?

Sư đáp:

- Hôm nay ta mệt nhọc không thể vì người nói, người đến hỏi Trí Tạng.
Vị Tăng ấy đến hỏi Trí Tạng.

Trí Tạng bảo:- Sao không hỏi Hòa thượng?

Tăng đáp:- Hòa thượng dạy đến hỏi Thầy.

Trí Tạng hỏi:

- Hôm nay tôi đau đầu, không thể vì ông nói, đến hỏi Sư huynh Hải.

Tăng đến hỏi Hoài Hải, Hoài Hải bảo:- Đến chỗ ấy tôi cũng chẳng hội.

Tăng trở lại trình Sư, Sư bảo:- Tạng đầu bạch, Hải đầu hắc.

*

Cư sĩ Long Uẩn đến hỏi:

- Nước không gân xương hay thắng chiếc thuyền muôn học, lý này thế nào?

Sư đáp:- Trong ấy không nước cũng không thuyền, nói gì là gân xương?

Uẩn bảo:- Người không lằm xưa nay, tỉnh Thầy để mắt nhìn lên!

Sư liền nhìn thẳng xuống.

Uẩn nói:- Một cây đàn cầm không dây, mà Thầy đàn rất hay.

Sư liền nhìn thẳng lên. Uẩn lễ bái. Sư trở về phương trượng. Uẩn theo sau thưa:- Vừa rồi muốn làm khéo trở thành vụng.

*

Một đêm, Trí Tạng, Hoài Hải, Phổ Nguyện theo hầu Sư xem trăng.

Sư hỏi:- Ngay bây giờ nên làm gì?

Trí Tạng thưa:- Nên cúng dường.

Hoài Hải thưa:- Nên tu hành.

Phổ Nguyện phủ áo ra đi.

Sư bảo:- Kinh vào Tạng, Thiền về Hải, chỉ có Phổ Nguyện vượt ngoài sự vật.

*

Hoài Hải hỏi:- Thế nào là chỉ thú Phật pháp?

Sư đáp:- Chính là chỗ người bỏ thân mạng.

Sư lại hỏi Hoài Hải:- Người lấy pháp gì chỉ dạy người?

Hoài Hải dựng đứng cây phất tử.

Sư bảo:- Chỉ thế thôi hay còn gì khác?

Hoài Hải ném cây phất tử xuống.

*

Tăng hỏi:- Thế nào được hiệp đạo?

Sư đáp:- Ta sớm chẳng hiệp đạo.

Tăng hỏi:- Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?

Sư liền đánh và nói:- Ta nếu không đánh người, các nơi sẽ cười ta.

*

Đặng Ân Phong từ biệt Sư đi nơi khác, Sư hỏi:- Đi đến đâu?

Ân Phong thưa:- Đi đến Thạch Đầu.

- Đường Thạch Đầu trơn.

- Có cây gậy tùy thân, gặp trường thì đưa.

Ân Phong vừa đi đến Thạch Đầu đi nhiều giởng thiên một vòng, dựng tích tượng động đất một tiếng, hỏi:

- Ấy là tông chỉ gì?

Thạch Đầu nói:- Trời xanh! trời xanh!

Ân Phong không đáp được, lại trở về thưa với Sư. Sư bảo:

- Người nên đi lại bên ấy, nếu Thạch Đầu nói “trời xanh!” người “hư! hư!”

Ân Phong lại đi đến Thạch Đầu làm như trước.

Thạch Đầu bèn: Hư! hư!

Ân Phong không đáp được, lại trở về trình với Sư. Sư bảo:

- Ta đã nói với người “đường Thạch Đầu trơn”.

*

Có vị Giảng sư đến hỏi:- Thiên tông truyền giữ pháp gì?

Sư hỏi lại:- Tọa chủ truyền giữ pháp gì?

- Tôi giảng được hơn hai mươi bản kinh luận.

- Đâu không phải là sư tử con?

- Không dám.

Sư thốt ra tiếng: Hư! hư!

Giảng sư nói: - Đây là pháp.

- Là pháp gì?

- Pháp sư tử ra khỏi hang.

Sư bèn im lặng.

Giảng sư nói: - Đây cũng là pháp.

- Là pháp gì?

- Pháp sư tử ở trong hang.

- Không ra không vào là pháp gì?

Giảng sư không đáp được, bèn từ giả đi ra đến cửa, Sư gọi:

- Chủ tọa!

Giảng sư xoay đầu lại.

Sư hỏi:- Là pháp gì?

Giảng sư cũng không đáp được.

Sư bảo:- Ông thầy độn căn.

*

Một hôm Sư dạy chúng:

- Đạo không dụng tu, chỉ đừng ô nhiễm. Sao là ô nhiễm? - Có tâm sanh tử, tạo tác, thú hưởng đều là ô nhiễm. Nếu muốn hội thẳng đạo ấy, tâm bình thường là đạo. Sao gọi là tâm bình thường? -Không tạo tác, không thị phi, không thủ xả, không đoan thường, không phạm thánh. Kinh nói: “Chẳng phải hạnh phạm phu, chẳng phải hạnh thánh hiền, là hạnh Bồ-tát.” Chỉ như hiện nay đi đứng ngồi nằm, ứng cơ tiếp vật đều là đạo. Đạo tức là pháp giới, cho đến diệu dụng như hà sa đều không ngoài pháp giới. Nếu chẳng phải vậy, tại sao nói “pháp môn tăng địa”, tại sao nói “vô tận đẳng”? Tất cả pháp đều là pháp của tâm, tất cả tên đều là tên của tâm. Muôn pháp đều từ tâm sanh, tâm là cội gốc của muôn pháp. Kinh nói: “Biết tâm đạt cội nguồn nên hiệu là Sa-môn.” Tên đồng nghĩa đồng, tất cả pháp đều đồng thuận nhất không lẫn lộn.

Nếu ở trong giáo môn được tùy thời tự tại thì dựng lập pháp giới trọn là pháp giới, lập chân như là chân như, lập lý tất cả pháp trọn là lý, lập sự tất cả pháp trọn là sự, nắm giữ một thì ngàn theo, sự lý không khác, toàn là diệu dụng. Lại không có lý riêng, đều do xoay lại của tâm. Ví như bao nhiêu bóng mặt trăng thì có, mà bao nhiêu mặt trăng thật thì không, bao nhiêu nguồn nước thì có, mà bao nhiêu tánh nước thì không, bao nhiêu sum la vạn tượng thì có, mà bao nhiêu hư không thì không, bao nhiêu lời nói đạo lý thì có, mà bao nhiêu Tuệ vô ngại thì không; bao nhiêu các thứ thành lập đều do một tâm. Dựng lập cũng được, dẹp hết cũng được, thấy là diệu dụng. Diệu dụng trọn là nhà mình, chẳng phải lìa chân mà có, nơi nơi đều chân, thấy đều là thể của nhà mình.

Nếu chẳng vậy, lại là người nào? Tất cả pháp đều là Phật pháp, các pháp tức là giải thoát, giải thoát tức là chân như, các pháp không ngoài chân như, đi đứng ngồi nằm thấy là dụng bất tư nghi, không đợi thời tiết. Kinh nói: “Chỗ chỗ nơi nơi đều có Phật.” Phật là năng nhân, có trí tuệ khéo hợp lòng người, hay phá lưới nghi cho tất cả chúng sanh, vượt ra vòng trói buộc của có và không v.v... tình chấp phạm thánh hết, nhân pháp đều không, chuyển bánh xe không gì hơn, vượt các số lượng, việc làm không ngại, sự lý đều thông, như trời hiện mây, chợt có lại không, chẳng để dấu vết. Ví như vẽ nước thành lặn, không sanh không diệt. Đại tịch diệt tại triền gọi là Như lai tàng, xuất triền gọi là Pháp thân thanh tịnh. Thể không tăng giảm, hay lớn hay nhỏ, hay vuông hay tròn, hợp vật hiện hình như trăng trong nước, vận dụng mênh mông, không lập mầm gốc chẳng hết hữu vi, không trụ vô vi. Hữu vi là dụng của vô vi, vô vi là chỗ nương của hữu vi, chẳng trụ chỗ nương, nên nói: “Như không chẳng chỗ nương.” Nghĩa tâm sanh diệt, nghĩa tâm chân như: Tâm chân như dụ như gương sáng soi vật tượng. Gương dụ tâm, vật tượng dụ pháp. Nếu tâm chấp pháp là

dính với cái nhân bên ngoài, tức là nghĩa sanh diệt. Tâm không chấp pháp tức là nghĩa chân như.

Thanh văn tai nghe Phật tánh. Bồ-tát mắt thấy Phật tánh. Liễu đạt không hai gọi là bình đẳng tánh. Tánh không có khác, dụng thì chẳng đồng. Tại mê là thức, tại ngộ là trí. Thuận lý là ngộ, theo sự là mê. Mê tức là mê bản tâm mình, ngộ là ngộ bản tánh mình. Một phen ngộ là hằng ngộ chẳng trở lại mê. Như đang khi mặt trời mọc lên không trở lại tối. Mặt trời trí tuệ xuất hiện, không chung cùng cái tối phiền não. Liễu đạt cảnh giới của tâm liền trừ vọng tưởng. Vọng tưởng đã trừ tức là vô sanh. Pháp tánh sẵn có, có chẳng nhờ tu. Thiền không thuộc ngồi, ngồi tức có chấp trước. Nếu thấy lý này là chân chánh hiệp đạo, tùy duyên qua ngày, đứng ngồi theo nhau, giới hạnh huân thêm, nhóm nơi tịnh nghiệp. Chỉ hay như thế, lo gì chẳng thông.

Đệ tử của Sư được nhập thất (được vào thiền thất, là đã ngộ đạo) có đến tám mươi bốn vị, mỗi người làm chủ một phương truyền hóa vô cùng.

Đời Đường niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ tư (788 T.L.) khoảng tháng giêng, Sư lên núi Thạch Môn, Kiến Xương, đi kinh hành trong rừng thấy chỗ hang động bằng phẳng, bèn bảo thị giả:

- Thân cũ mục của ta sẽ ở tháng sau và trở về nơi này. Nói xong, Sư trở về.

Đến ngày mùng bốn tháng hai, Sư có chút bệnh, tắm gội xong, ngồi kiết già nhập diệt, thọ tám mươi tuổi, được sáu mươi tuổi hạ.

Sau vua sắc ban hiệu Đại Tịch.



ĐỜI THỨ BA SAU LỤC TỔ

A. PHÁI HÀNH TƯ

- I.- ĐỆ TỬ THIÊN SƯ HY THIÊN (có 21 vị)
- 1- Thiên sư Duy Nghiễm (Dược Sơn)
- 2- Thiên sư Thiên Nhiên (Đơn Hà)
- 3- Thiên sư Đạo Ngô (Thiên Hoàng Tự)
- 4- Thiên sư Bảo Thông (Đại Điền)
- 5- Thiên sư Thị Lợi
- 6- Thiên sư Huệ Lãng
- 7- Thiên sư Chấn Lãng
- 8- Thiên sư Đại Xuyên
- 9- Thiên sư Thạch Lâu
- 10- Thiên sư Phật-đà
- 11- Thiên sư Hoa Lâm
- 12- Thiên sư Tỳ Quảng
- 13- Thiên sư Thủy Không
- 14- Thiên sư Bảo Thông
- 15- Thiên sư Đại Biện
- 16- Thiên sư Chử Kính
- 17- Thiên sư Đạo Tiên
- 18- Thiên sư Thường Thanh
- 19- Thiên sư Túy Thạch
- 20- Thiên sư Thương Lãnh
- 21- Thiên sư Nghĩa Hưng

*

9. THIÊN SƯ DUY NGHIỄM

Dược Sơn - (751-834)

Sư họ Hàn, quê ở Ráng Châu. Năm mười bảy tuổi, Sư theo Thiên sư Huệ Chiếu ở Tây Sơn Triều Dương xuất gia. Đời Đường niên hiệu Đại Lịch thứ tám (774 T.L.) Sư thọ đại giới nơi Luật sư Hy Tháo ở Hoàn Nhạc. Sư học thông kinh luận, nghiêm trì giới luật. Một hôm, Sư tự than:

- Đại trượng phu phải rời pháp tự tịnh, đâu thể theo việc vụn vặt, làm hạnh áo khăn này.

Sư tìm đến Thiên sư Hy Thiên (Thạch Đầu) hỏi:

- Đồi Tam thừa mười hai phần giáo, con còn hiểu biết thô sơ, đến như thường nghe phương Nam nói “chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật”, thật con mù tịt. Cúi mong Hòa thượng từ bi chỉ dạy.

Thiền sư Hy Thiên bảo:

- Thế ấy cũng chẳng được, không thế ấy cũng chẳng được, thế ấy không thế ấy đều chẳng được, người làm sao?

Sư mờ tịt không hiểu.

Thiền sư Hy Thiên bảo:

- Nhân duyên của người không phải ở đây, hãy đến chỗ Mã Đại sư (Đạo Nhất).

Sư vâng lệnh đến yết kiến Thiền sư Đạo Nhất (Mã Tổ). Sư thưa lại câu đã thưa với Thiền sư Hy Thiên.

Thiền sư Đạo Nhất bảo:

- Ta có khi dạy y nương mày chớp mắt, có khi không dạy y nương mày chớp mắt; có khi nương mày chớp mắt là phải, có khi nương mày chớp mắt là không phải, người làm sao?

Ngay câu nói này, Sư liền khế ngộ, bèn lễ bái.

Thiền sư Đạo Nhất hỏi:- Người thấy đạo lý gì lễ bái?

Sư thưa:- Con ở chỗ Thạch Đầu như con muối đậu trên trâu sắt.

Thiền sư Đạo Nhất bảo:- Người đã biết như thế, tự khéo gìn giữ.

Sư ở đây hầu hạ ba năm.

Một hôm Thiền sư Đạo Nhất hỏi: - Ngày gần đây chỗ thấy của người thế nào?

Sư thưa:- Da mỏng da dày đều rất sạch, chỉ có một chân thật.

Thiền sư Đạo Nhất bảo:

- Sở đắc của người đã hợp với tâm thể, khắp hết tứ chi. Đã được như thế, nên đem ba cột tre cột da bụng, tùy chỗ ở núi đi.

Sư thưa:- Con là người gì dám nói ở núi?

Thiền sư Đạo Nhất bảo:

- Chẳng phải vậy, chưa có thường đi mà chẳng đứng, chưa có thường đứng mà chẳng đi, muốn lợi ích không chỗ lợi ích, muốn làm không chỗ làm, nên tạo thuyền bè, không nên ở đây lâu.

Sư từ già Mã Tổ trở về Thạch Đầu.

*

Một hôm Sư ngồi trên cục đá, Thạch Đầu trông thấy hỏi:

- Người ở đây làm gì?

Sư thưa:- Tất cả chẳng làm.

- Tại sao ngồi yên?

- Nếu ngồi yên tức làm.
- Người nói chẳng làm, chẳng làm cái gì?
- Ngàn thánh cũng không biết.

Thạch Đầu dùng kệ khen:

Tùng lai cộng trụ bất tri danh
 Nhậm vận tương tương chỉ ma hành
 Tự cổ thượng hiền du bất thức
 Tạo thứ phạm lưu khởi khả minh.

Dịch:

Chung ở từ lâu chẳng biết chi
 Lặng lẽ theo nhau chỉ thế đi
 Thượng hiền từ trước còn chẳng biết
 Huống bọn phạm phu đâu dễ tri.

Thạch Đầu dạy:- Nói năng động dụng chớ giao thiệp.

Sư thưa:- Chẳng nói năng động dụng cũng chớ giao thiệp.

- Ta trong ấy mũi kim mảnh bụi chẳng lọt vào.
- Con trong ấy như trồng hoa trên đá.

Thạch Đầu ấn khả.

*

Sau Sư đến ở Dược Sơn Lễ Châu, đồ chúng theo học rất đông. Một hôm, Sư ngồi, Đạo Ngô, Vân Nham đứng hầu. Sư chỉ hai cây, một tươi, một khô đứng trên núi, hỏi Đạo Ngô:

- Khô là phải hay tươi là phải?

Đạo Ngô thưa:- Tươi là phải.

Sư bảo:- Sáng tỏ tất cả chỗ, quang minh xán lạn.

Sư lại hỏi Vân Nham:- Khô là phải hay tươi là phải?

Vân Nham thưa:- Khô là phải.

Sư bảo:- Sáng tỏ tất cả chỗ, thôi dạy khô lạt.

Chợt Sa-di Cao đến. Sư hỏi:- Khô là phải hay tươi là phải?

Sa-di Cao thưa:

- Khô là từ nơi khác mà khô, tươi là từ nơi khác mà tươi. Sư nhìn Đạo Ngô, Vân Nham bảo:

- Chẳng phải, chẳng phải.

*

Viện chủ thưa:- Đánh chuông rồi, thỉnh Hòa thượng thượng đường.

Sư bảo:- Ông bưng giùm bát cho tôi.

- Hòa thượng không tay từ bao giờ?
- Ông chỉ là uống mặc ca-sa.

- Con chỉ là thế, Hòa thượng thì sao?
- Ta không quyến thuộc ấy.

*

Thấy thầy Tri viên trồng rau, Sư bảo:

- Trồng thì không ngăn người trồng, chớ cho nó mọc rễ.

Thầy Tri viên thưa: - Không cho mọc rễ thì đại chúng lấy gì ăn?

Sư bảo:- Người có miệng sao?

Thầy Tri viên không đáp được.

*

Có vị Tăng hỏi:

- Tổ sư chưa đến nước này (Trung Hoa), nước này có ý Tổ sư chăng?

Sư đáp:- Có.

- Đã có ý Tổ sư, lại đến làm gì?

- Bởi có, cho nên đến.

*

Sư xem kinh, có vị Tăng thấy, hỏi:

- Hòa thượng bình thường không cho chúng con xem kinh, vì sao Hòa thượng lại xem?

Sư đáp:- Ta xem chỉ để che mắt.

- Chúng con học theo Hòa thượng được chăng?

- Nếu các người xem thì da trâu cũng lủng.

*

Thích sử Lý Tường ở Lãng Châu, nghe danh Sư, nhiều phen sai người đến thỉnh mà Sư không đi. Ông đích thân lên núi yết kiến Sư. Sư cầm quyển kinh xem không nhìn lại. Thị giả bạch:

- Thái thú đến đây!

Lý Tường tánh nóng nảy nói:- Thấy mặt không bằng nghe danh.

Sư gọi:- Thái thú!

Lý Tường:- Dạ!

Sư bảo:- Sao lại quý lỗ tai mà khinh con mắt?

Lý Tường chấp tay xin lỗi, rồi hỏi:- Thế nào là đạo?

Sư lấy tay chỉ trên, chỉ dưới, hỏi:- Hội chăng?

Tường thưa:- Chẳng hội.

Sư bảo:- Mây ở trời xanh, nước trong bình. (Vân tại thanh thiên, thủy tại bình.)

Lý Tường vui mừng thỏa thích làm lễ, trình một bài kệ:

Luyện đắc thân hình tợ nhận hình

Thiên châu từng hạ lưỡng hàm kinh

Ngã lai vấn đạo vô dư thuyết
Vân tại thanh thiên thủy tại bình.

Dịch:

Luyện được thân hình giống nhạn hình
Dưới tầng ngàn gốc hai hòm kinh
Ta tìm hỏi đạo không lời khác
Mây ở trời xanh, nước trong bình.

Tường lại hỏi:- Thế nào là giới định tuệ?

Sư bảo:- Bần đạo trong ấy không có gia cụ nhàn này.

Lý Tường không lường nổi huyền chỉ.

Sư lại bảo:- Thái thú muốn gìn giữ được việc này, cần phải tiến lên ngọn núi cao chót vót mà ngồi, xuống tận đáy biển sâu mà đi, việc trong khuê các nếu bỏ chẳng được bèn là lũng chảy.

*

Sư thượng đường dạy chúng:

- Tổ sư chỉ dạy bảo hộ, nếu tham sân khởi lên cần phải phòng ngự, chớ cho khởi dậy. Các người muốn biết cây khô ở Thạch Đầu cần phải gánh vác, trợn không có cành lá. Tuy nhiên như thế, lại phải tự xem, không được bắt ngôn ngữ. Nay ta vì các người nói ngôn ngữ ấy để hiển bày không ngôn ngữ, cái này xưa nay không tương mạo tai mắt...

*

Một hôm Sư lên núi đi kinh hành, chợt mây tan thấy trăng sáng, Sư cười to một tiếng, vang xa gần chín mươi dặm. Dân chúng ở xa nghe tiếng, hôm sau tìm đến hỏi Tăng chúng. Tăng chúng bảo:

- Đó là tiếng của Hòa thượng đêm qua ở trên núi cười.

Lý Tường nghe việc này lại làm bài thơ tặng:

Tuyển đặc u cư hiệp dã tình
Chung niên vô tống diệc vô nghinh
Hữu thời trực thượng cô phong đảnh
Nguyệt hạ phi vân tiếu nhất thanh.

Dịch:

Chọn nơi xa vắng hợp lòng quê
Năm tròn mặc khách đến hay về
Có khi tiến thẳng lên đảnh núi
Mây tan trăng hiện tiếng cười hề!

*

Đời Đường niên hiệu Thái Hòa, năm thứ tám (834 T.L.) tháng hai, sắp thị tịch, Sư kêu to:

Pháp đường ngã! Pháp đường ngã!
Đại chúng đều mang cột đến chống.
Sư khoát tay bảo:- Các người không hiểu ý ta.
Sư bèn từ già chúng thị tịch, thọ tám mươi bốn tuổi, sáu mươi tuổi hạ.
Vua sắc phong là Hoàng Đạo Đại sư, tháp hiệu là Hóa Thành.

*

10. THIÊN SƯ THIÊN NHIÊN

Đơn Hà - (738 - 824)

Không biết Sư quê quán ở đâu, chỉ biết Sư trước học Nho đi vào Trường An ứng cử, dừng nghỉ ở nhà trọ, chợt mộng thấy hào quang trắng đầy nhà. Người chiêm mộng đoán: “điềm hiểu Không”. Gặp một Thiên khách hỏi:

- Nhân giả đi đâu?

Sư đáp:- Đi thi làm quan.

- Thi làm quan đâu bằng thi làm Phật?

- Thi làm Phật phải đến chỗ nào?

- Hiện nay ở Giang Tây có Mã Đại sư ra đời, là trường thi làm Phật, nhân giả nên đến đó.

Sư bỏ thi, tìm đến Giang Tây ra mắt Mã Đại sư (Đạo Nhất). Vừa thấy Mã Đại sư, Sư bèn lấy tay gỡ chiếc khăn trên đầu.

Mã Đại sư nhìn giây lâu bảo:- Nam Nhạc Thạch Đầu là thầy của người.

Sư từ già Mã Đại sư đi sang Thạch Đầu.

Đến Thạch Đầu, Sư cũng làm giống như ở Mã Đại sư.

Thạch Đầu bảo:- Ra nhà đi.

Sư lễ tạ xong, vào phòng cư sĩ, luân phiên làm bếp ngót ba năm.

*

Một hôm Thạch Đầu bảo chúng:- Ngày mai cắt cỏ ở trước điện Phật.

Sáng hôm sau, đại chúng mỗi người cầm liềm cầm cuốc đến trước chùa làm cỏ. Chỉ riêng Sư lấy thau múc nước gội đầu, đến quì gối trước Hòa thượng. Thạch Đầu thấy thế cười, liền cạo tóc cho Sư. Cạo xong Thạch Đầu lại vì Sư nói giới. Sư bịt tai ra đi.

Sư trở lại Giang Tây yết kiến Mã Đại sư. Chưa lẽ ra mắt, Sư đi thẳng về tăng đường trèo lên cổ tượng Thánh tăng ngồi. Đại chúng kinh ngạc chạy báo cho Mã Đại sư hay. Mã Đại sư đích thân vào tăng đường trông thấy bèn nói:

- Con ta, Thiên Nhiên.

Sư bèn bước xuống đất lễ bái, thưa:- Cảm tạ Thầy ban cho pháp hiệu.

Mã Đại sư hỏi:- Từ đâu đến?

Sư thưa:- Từ Thạch Đầu đến.

- Đường Thạch Đầu trơn, người có té chẳng?

- Nếu có trượt té thì chẳng đến đây.

*

Từ biệt Mã Tổ, Sư đi dọc đường gặp một ông già dắt một đứa bé.

Sư hỏi:- Ông nhà ở đâu?

Ông già đáp:- Trên là trời dưới là đất.

Sư bảo:- Chợt gặp trời đổ đất sụp thì sao?

Ông già đáp:- Trời xanh! Trời xanh!

Đứa bé: hư! một tiếng.

Sư bảo:- Không phải cha này chẳng sanh được đứa con kia.

Ông già dắt đứa bé vào núi mất.

*

Sư đi du phương, đến núi Thiên Thai, chót Hoa Đảnh dừng ở ba năm, sau đó, Sư viếng những nơi như Cảnh Sơn yết kiến Thiên sư Quốc Nhất. Đời Đường khoảng niên hiệu Nguyên Hòa (806-821 T.L.) Sư đến Lạc Kinh Long Môn Hương Sơn làm bạn với Hòa thượng Phục Ngưu. Sư lại đến chùa Huệ Lâm, gặp lúc trời đại hàn, Sư bèn thỉnh tượng Phật gỗ đốt để hơi, Viện chủ Hương trông thấy quở:

- Sao đốt tượng Phật của tôi?

Sư lấy gậy bối tro nói:- Tôi thiêu để lấy xá-lợi.

Viện chủ bảo:- Phật gỗ làm gì có xá-lợi.

Sư nói:- Đã không có xá-lợi thì thỉnh thêm hai vị nữa thiêu.

Viện chủ nghe câu nói này tất cả chấp đều tan vỡ.

*

Một hôm, Sư đến yết kiến Quốc sư Huệ Trung, trước hỏi thị giả:

- Quốc sư có ở nhà chẳng?

Thị giả bảo:- Ở nhà thì ở mà không thấy khách.

Sư bảo:- Rất sâu xa thay!

Thị giả bảo:- Mắt Phật cũng nhìn chẳng thấy.

Sư khen:- Rỗng sanh rỗng con, phụng sanh phụng con.

Quốc sư ngủ dậy, thị giả thuật lại, Quốc sư đánh thị giả hai chục gậy đuổi ra.

Sư nghe việc ấy bèn nói:- Không lầm là Nam Dương Quốc sư.

*

Hôm sau, Sư lại đến yết kiến Quốc sư, thấy Quốc sư, Sư bèn trải tọa cụ.
Quốc sư bảo:

- Chẳng dùng, chẳng dùng.

Sư bước lui.

Quốc sư bảo:- Như thế, như thế.

Sư tiến lại trước.

Quốc sư bảo:- Chẳng phải, chẳng phải.

Sư đi quanh Quốc sư một vòng rồi lui ra.

Quốc sư bảo:- Cách Phật đã xa người nhiều lười biếng, ba mươi năm sau tìm kẻ này lại khó được.

*

Sư đến thăm cư sĩ Long Uẩn, thấy con gái Long Uẩn là Linh Chiếu đang rửa rau, Sư hỏi:

- Cư sĩ có nhà chăng?

Linh Chiếu buông rổ rau xuống, đứng khoanh tay.

Sư lại hỏi:- Cư sĩ có nhà chăng?

Linh Chiếu bèn bưng rổ rau lên đi thẳng.

Sư bèn trở về. Chốc lát sau, Long Uẩn về. Linh Chiếu đem việc rồi thuật lại. Long Uẩn hỏi:

- Đơn Hà ở đâu?

Linh Chiếu thưa:- Đã về.

Long Uẩn bảo:- Con lấy đất đỏ nặn trâu.

Lại một hôm, Sư đến thăm Long Uẩn, vừa đến cửa gặp nhau.

Sư hỏi:- Cư sĩ có nhà chăng?

Long Uẩn đáp:- Đói chăng chọn thức ăn.

Sư lại hỏi:- Ông Long có nhà chăng?

Long Uẩn đáp:- Trời xanh! trời xanh!

Nói xong Long Uẩn vào nhà.

Sư nói:- Trời xanh! trời xanh!

Nói xong Sư trở về.

Hôm sau, Sư lại đến Long Uẩn, Sư bảo:

- Hôm qua thấy nhau đâu giống ngày nay.

Long Uẩn đáp:- Đúng pháp nhắc lại việc hôm qua để làm con mắt quý.

- Chỉ như con mắt quý lại xem đến Long công chăng?

- Tôi ở trong con mắt của Thầy.

- Con mắt tôi chật hẹp chỗ nào an thân?

- Là con mắt gì chật? là thân nào an?

Sư thôi bỏ đi.

Long Uẩn nói:- Lại nói lấy một câu là được tròn lời này.

Sư vẫn không nói.

Long Uẩn lại nói:- Tự trung một câu cũng không người nói được.

*

Đời Đường niên hiệu Nguyên Hòa thứ ba (808 T.L.) một hôm, Sư nằm ngang trên cầu Thiên Tân. Hội lưu thú là Trịnh Công ra đũa mà Sư không dậy. Trịnh Công gạn hỏi duyên do. Sư chậm rãi đáp:

- Tăng vô sự.

Trịnh Công lấy làm lạ, phát tâm dâng hai bó lụa và hai áo ngắn. Từ đây mỗi ngày, Trịnh Công thường dâng cúng gạo bún. Dân chúng ở kinh đô Lạc Dương đồng qui kính Sư.

*

Đến niên hiệu Nguyên Hòa thứ mười lăm (820 T.L.) vào mùa Xuân, Sư bảo đồ đệ:

- Ta nhớ suối rừng chỗ gởi thân ngày già.

Môn đệ sai Tề Tịnh Phương đến Nam Dương núi Đơn Hà cất am cúng dường. Sư về núi Đơn Hà khoảng ba năm, những người học đạo tìm đến tham học số thường đến ba trăm. Chúng xây cất thành viện lớn.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Tất cả các người đều phải bảo hộ một vật linh, chẳng phải các người tạo tác danh mạo, lại nói gì là tiến cùng chẳng tiến. Ta ngày xưa yết kiến Hòa thượng Thạch Đầu cũng chỉ dạy cần phải tự bảo hộ. Việc này không phải tự các người nói bàn mà được. Tất cả mỗi người các người đều tự có một chỗ đất ngồi, lại nghi cái gì? Thiền đâu phải là vật để các người hiểu, đâu có Phật khá thành. Một chữ Phật hằng không thích nghe. Các người tự xem, thiện xảo phương tiện từ bi hỉ xả chẳng phải từ ngoài được, chẳng dính một tấc vuông, thiện xảo là Văn-thù, phương tiện là Phổ Hiền. Các người lại nghĩ tìm đũa vật gì? Chẳng cần hằng cầu, chẳng rơi vào không. Học giả thời nay lằng lằng lộn xộn cho là tham thiền hỏi đạo. Ta đạo này không đạo có thể tu, không pháp có thể chứng, miếng ăn thức uống mỗi cái tự có phần, đâu cần phải nghi ngờ. Mỗi nơi mỗi chỗ có cái gì? Nếu biết Thích-ca tức là ông già phàm phu, các người phải tự xem xét lấy. Chớ để một người mù dẫn đám mù kéo nhau rơi vào hầm lửa, đêm tối hai đường, màu sắc mập mờ. Vô sự trân trọng!

*

Có vị Tăng đến tham học, vừa tới chân núi gặp Sư. Tăng hỏi:

- Núi Đơn Hà phải đi đường nào?

Sư chỉ núi bảo:- Chỗ xanh sâm sẫm.

Tăng thưa:- Chớ chỉ cái ấy là phải sao?

Sư bảo:- Thật sư tử con, một phen khêu động liền nhảy.

*

Sư hỏi vị Tăng:- Nghỉ ở đâu?

Tăng thưa:- Nghỉ dưới núi.

- Ăn cơm chỗ nào? Người đem cơm cho Xà-lê ăn có đủ mất không?

Tăng không đáp được.

*

Niên hiệu Trường Khánh năm thứ tư (824 T.L.) ngày hai mươi ba tháng sáu, Sư gọi đệ tử bảo:

- Lấy nước nóng tắm, ta sắp đi đây.

Tắm xong, Sư đội mũ mang giày cầm trượng, duỗi một chân chưa đến đất liền tịch, thọ tám mươi sáu tuổi. Vua sắc phong là Trí Thông Thiền sư, tháp hiệu Diệu Giác.

*

Sư có làm hai bài “Ngoạn Châu Ngâm”, hiện còn lưu hành.

*

11. THIÊN SƯ ĐẠO NGỘ

Thiên Hoàng Tự - (747 - 806)

[Đạo Ngộ có hai vị đồng thời đồng xứ, một vị ở chùa Thiên Hoàng đệ tử Thạch Đầu, một vị ở chùa Thiên Vương đệ tử Mã Tổ. Truyền Đăng Lục chép một vị là sai.]

Sư họ Trương, quê ở Đông Dương, Vụ Châu. Lúc bé, Sư dung nghi thù đặc, không học mà biết. Năm mười bốn tuổi, Sư xin cha mẹ xuất gia, cha mẹ không cho, Sư thệ bớt ăn bớt uống, mỗi ngày ăn một bữa, dần dần thân thể tiêu tụy. Cha mẹ bất đắc dĩ hứa cho Sư xuất gia.

Sư xuất gia với Đạo Đức ở Minh Châu. Năm hai mươi lăm tuổi, Sư đến chùa Trúc Lâm ở Hoàng Châu thọ giới cụ túc. Sư tinh tấn tu hành giới luật trang nghiêm. Ban đêm, Sư thường ra gò mả ngồi thiền, không kể gió mưa, chẳng chút sợ sệt.

Sau, Sư đến Cảnh Sơn yết kiến Thiền sư Quốc Nhất, nhận được tâm pháp, ở lại đây hầu năm năm. Niên hiệu Đại Lịch (766 T.L.), Sư đến Chung Lăng yết kiến Mã Tổ, chỉ được ấn định lại những chỗ hiểu trước, không có pháp gì khác. Sư dừng lại đây hai năm.

Sư lại đến yết kiến Thạch Đầu. Đến Thạch Đầu, Sư hỏi:

- Lìa định tuệ lấy pháp gì dạy người?

Thạch Đầu đáp:- Ta trong ấy không có nô tỳ, lìa cái gì?

- Thế nào rõ được?

- Người chụp được hư không chẳng?

- Thế ấy tức chẳng từ ngày nay đi.

- Chưa biết bao giờ người từ bên này đến?
- Đạo Ngô chẳng phải người bên này.
- Ta đã biết trước chỗ người đến.
- Sao Thầy lấy tang vật vu khống người?
- Thân người hiện tại.
- Tuy nhiên như thế, cứu kính làm sao chỉ dạy người sau?
- Người nói ai là người sau?

Sư nhân đây đón ngộ, đối với lời dạy của hai vị thầy trước tâm còn sờ đắc, nơi đây sạch hết dấu vết.

*

Về sau Sư đến Kinh Châu ở núi Sài Tử Dương Dương, học chúng theo học rất đông. Dân chúng trong đô thành nghe danh lữ lượt kéo đến tham vấn. Trong đô thành có chùa Thiên Hoàng là nơi danh lam, bị hỏa hoạn hư sập, thầy trụ trì là Linh Giám tìm cách xây cất lại. Linh Giám ước rằng: “Nếu được Thiền sư Đạo Ngô về làm Hóa chủ ở đây là phước lớn của ta.” Lúc nửa đêm, Linh Giám đến cầu thỉnh Sư, Sư hoan hỉ nhận chịu. Từ đây về sau, Sư dựng trụ ở chùa Thiên Hoàng.

Có Bùi Công đến cúi đầu hỏi pháp, Sư trọn không đưa đón. Bùi Công càng kính trọng. Đối với khách, Sư không phân biệt sang hèn đều ngồi chào họ.

Có vị Tăng hỏi:- Thế nào là nói huyền diệu?

Sư đáp:- Chớ bảo ta hiểu Phật pháp.

- Nỡ để học nhân đeo nghi mãi sao?

- Sao chẳng hỏi Lão tăng?

- Hỏi rồi.

- Đi! Không phải chỗ người ngu.

Đời Đường niên hiệu Nguyên Hòa (806 T.L.) tháng tư, Sư có chút bệnh bảo đệ tử báo trước ngày tịch. Đến ngày cuối tháng, chúng họp nhau đến thăm bệnh Sư. Bỗng nhiên, Sư gọi: Diển tọa! Diển tọa lại gần, Sư bảo:

- Hội chăng?

Diển tọa thưa:

- Chẳng hội.

Sư cầm chiếc gói ném xuống đất, rồi từ biệt chúng thị tịch. Sư thọ sáu mươi tuổi, ba mươi lăm tuổi hạ.

*

12. THIỀN SƯ BẢO THÔNG

(Đại Điền)

Không biết quê quán và tên tộc của Sư. Chỉ biết buổi đầu Sư đến tham vấn Thạch Đầu. Thạch Đầu hỏi:

- Cái gì là tâm người?

Sư thưa:- Nói năng là tâm.

Bị Thạch Đầu nạt đuổi ra.

Hơn một tuần, Sư lại đến hỏi:

- Trước đó đã chẳng phải, ngoại trừ cái này, gì là tâm?

Thạch Đầu bảo:- Trừ bỏ những mảy chớp mắt, đem tâm lại!

- Không tâm có thể đem lại.

- Nguyên lai có tâm sao nói không tâm? Không tâm trọn đồng với không.

Nghe câu nói ấy, Sư đại ngộ.

*

Một hôm Sư đứng hầu, Thạch Đầu hỏi:

- Người là Tăng tham thiền hay là Tăng châu huyện?

Sư thưa:- Tăng tham thiền.

- Sao là thiền?

- Những mảy chớp mắt.

- Trừ ngoài những mảy chớp mắt, đem “bản lai diện mục” (bộ mặt thật xưa nay) của người ra trình xem?

- Trừ ngoài những mảy chớp mắt, thỉnh Hòa thượng xem con!

- Ta trừ xong.

- Con trình Hòa thượng rồi.

- Người đã đem trình, tâm ta thế nào?

- Chẳng khác Hòa thượng.

- Không quan hệ việc người.

- Vốn không vật.

- Người cũng không vật.

- Đã không vật tức vật thật.

- Vật thật không thể được. Tâm người thấy lượng ý chỉ như vậy phải khéo hộ trì.

*

Sau, Sư từ biệt Thạch Đầu đến Linh Sơn, Triều Châu, ở ẩn. Học chúng bốn phương qui tụ về khá đông.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Phạm người học đạo phải biết bản tâm nhà mình, đem tâm chỉ nhau mới có thể thấy đạo. Thấy nhóm người hiện thời phần nhiều chỉ nhận những mảy chớp mắt, một nói một nín, chột nhận ấn khả cho là tâm yếu, đây thật là

chưa rõ. Nay ta vì các người nói trắng ra, mỗi người phải lắng nghe nhận lấy: “Chỉ trừ bỏ tất cả vọng động tưởng niệm xét lường, tức chân tâm của người.” Tâm này cùng trần cảnh và khi kèm giữ lặng lẽ hoàn toàn không dính dấp. Tức tâm là Phật không đợi tu sửa. Vì cớ sao? Vì hợp cơ tùy chiếu, lặng lẽ tự dùng, tốt chỗ dùng kia trọn không thể được. Bảo là diệu dụng chính là bản tâm, cần yếu hộ trì chớ nên dễ người.

Có vị Tăng hỏi:- Trong kia, khi người thấy nhau thì thế nào?

Sư đáp:- Trước chẳng có trong kia.

- Trong kia thế nào?

- Chẳng hỏi câu ấy.

*

Hàn Văn Công hỏi Sư:- Hòa thượng tuổi được bao nhiêu?

Sư cầm râu chuỗi giở lên bảo:- Hội chẳng?

Văn Công thưa:- Chẳng hội.

Sư bảo:- Ngày đêm trăm lễ tám.

Văn Công không hiểu trở về.

Hôm sau, Văn Công lại đến, vừa tới cửa gặp Thủ tọa, Văn Công thuật câu nói hôm qua của Sư, hỏi ý kiến thế nào? Thủ tọa vỗ răng ba cái. Văn Công vào trong gặp Sư, hỏi lại ý kiến hôm qua. Sư cũng vỗ răng ba cái.

Văn Công thưa:- Nguyên lai Phật pháp không hai thứ.

Sư hỏi:- Là đạo lý gì?

Văn Công thưa:- Vừa đến hỏi Thủ tọa cũng như thế.

Sư gọi Thủ tọa hỏi:- Phải người đáp như thế chẳng?

Thủ tọa thưa: - Phải.

Sư đánh đuổi ra.

Lại một hôm Văn Công đến bạch Sư:

- Đệ tử ở quận châu nhiều việc, xin Thầy cho một câu tóm tắt hết Phật pháp.

Sư lặng thinh.

Văn Công mờ mịt.

Lúc ấy Tam Bình làm thị giả đứng hầu, bèn gõ giường thiền ba cái.

Sư hỏi:- Làm gì?

Tam Bình thưa:- Trước lấy định động, sau lấy trí nhớ.

Văn Công thưa:- Môn phong Hòa thượng cao vót, đệ tử từ bên thị giả được chỗ vào.

*

Có vị Tăng hỏi:- Biển khổ sóng to lấy gì làm thuyền bè?

Sư bảo:- Lấy cây làm thuyền bè.

- Thế nào được qua?
- Người mù nương kẻ mù trước, người câm nương kẻ câm trước.
Không biết Sư tịch lúc nào và nơi nào.



ĐỜI THỨ BA SAU LỤC TỔ

B. PHÁI HOÀI NHƯỢNG

Đệ tử THIÊN SƯ ĐẠO NHẤT (138 vị)

- 1- Thiên sư Hoài Hải (Bá Trượng)
- 2- Thiên sư Phổ Nguyên (Nam Tuyền)
- 3- Thiên sư Huệ Hải
- 4- Thiên sư Ẩn Phong
- 5- Thiên sư Đạo Ngộ
- 6- Thiên sư Huệ Tạng
- 7- Thiên sư Trí Tạng
- 8- Thiên sư Vô Nghiệp
- 9- Thiên sư Pháp Hội
- 10- Thiên sư Trí Kiên
- 11- Thiên sư Qui Kiến
- 12- Thiên sư Đạo Hạnh
- 13- Thiên sư Đạo Thông
- 14- Thiên sư Lan Nhương
- 15- Thiên sư Như Mãn
- 16- Thiên sư Pháp Thường (Đại Mai)
- 17- Thiên sư Đạo Minh
- 18- Thiên sư Từ Mãn
- 19- Thiên sư Hồng Ân
- 20- Thiên sư Tổng Ấn
- 21- Thiên sư Bảo Vân
- 22- Thiên sư Thường Hưng
- 23- Thiên sư Hoài Uẩn
- 24- Thiên sư Minh Triết
- 25- Thiên sư Đại Nghĩa
- 26- Thiên sư Tự Tại
- 27- Thiên sư Bảo Tích
- 28- Thiên sư Đại Dục
- 29- Thiên sư Bảo Triệt
- 30- Thiên sư Tề An
- 31- Thiên sư Linh Mặc
- 32- Thiên sư Duy Khoan
- 33- Thiên sư Như Hội
- 34- Thiên sư Vô Đẳng

- 35- Thiền sư Trí Thường
- 36- Thiền sư Quảng Trừng
- 37- Thiền sư Ô Cự
- 38- Thiền sư Thảo Đường
- 39- Thiền sư Đàm Tạng
- 40- Thiền sư Thiện Giác
- 41- Thiền sư Thần Giám
- 42- Thiền sư Pháp Tạng
- 43- Thiền sư Chí Hiền
- 44- Thiền sư Pháp Nhu
- 45- Thiền sư Bảo Khánh
- 46- Thiền sư Hoài Thản
- 47- Thiền sư Giác Bình
- 48- Thiền sư Khánh Vân
- 49- Thiền sư Huyền Hư
- 50- Thiền sư Thắng Biện

*

13. THIỀN SƯ HOÀI HẢI

Bá Trượng - (724 - 814)

Sư họ Vương, quê ở Trường Lạc, Phước Châu. Lúc bé theo mẹ đi chùa lễ Phật, Sư chỉ tượng Phật hỏi mẹ: Đây là gì? Mẹ bảo: Phật. Sư nói: Hình dung không khác với người, con sau cũng sẽ làm Phật. Sư xuất gia lúc còn để chóp và hằng chuyên cần tu học giới định tuệ.

Sau, Sư đến tham học với Mã Tổ (Đạo Nhất) làm thị giả. Mỗi khi thí chủ đem trai phạn đến, Sư vừa giở lồng bàn ra, Mã Tổ liền cầm nửa cái bánh chỉ chúng hỏi: “Đây là gì?” Như thế mãi đến ba năm.

Một hôm, Sư theo hầu Mã Tổ đi dạo, thấy một bầy vịt trời bay qua.

Mã Tổ hỏi:- Đó là cái gì?

Sư thưa:- Con vịt trời.

- Bay đi đâu?

- Bay qua.

Mã Tổ bèn nắm lỗ mũi Sư kéo mạnh, đau quá Sư la thất thanh.

Mã Tổ bảo:- Lại nói bay qua đi.

Ngay câu ấy, Sư tỉnh ngộ.

Trở về phòng thị giả, Sư khóc lóc rất thống thiết. Những người đồng phòng nghe, hỏi:

- Huynh nhớ cha mẹ phải chăng?

Sư đáp:- Không.

- Bị người ta mắng chửi chằng?

- Không.

- Tại sao khóc?

- Lỗ mũi tôi bị Hòa thượng kéo đau thấu xương.

- Có nhân duyên gì không khế hội?

- Huynh hỏi Hòa thượng đi.

Những vị ấy đến hỏi Mã Tổ:

- Thị giả Hải có nhân duyên gì chẳng khế hội ở trong phòng khóc, xin Hòa thượng vì chúng con nói.

Mã Tổ bảo:

- Y đã khế hội, các người tự hỏi lấy y.

Các vị ấy về phòng hỏi:

- Hòa thượng nói huynh đã hội, bảo chúng tôi về hỏi huynh.

Sư bèn cười hả! hả!

Các vị ấy bảo:- Vừa rồi khóc, sao bây giờ cười?

Sư đáp:- Vừa rồi khóc, bây giờ cười.

Các vị ấy mờ mịt không hiểu.

Hôm sau, Mã Tổ vừa lên tòa, chúng nhóm họp xong, Sư bước ra cuốn chiếu. Mã Tổ xuống tòa, Sư theo sau đến phương trượng.

Mã Tổ hỏi:- Ta chưa nói câu nào, tại sao người cuốn chiếu?

Sư thưa:- Hôm qua bị Hòa thượng kéo chót mũi đau.

- Hôm qua người để tâm chỗ nào?

- Chót mũi ngày nay lại chẳng đau.

- Người hiểu sâu việc hôm qua.

Sư làm lễ, lui ra.

*

Đứng hầu Mã Tổ, Sư thấy phát tử (đồ quét bụi) ở góc giường, bèn hỏi:

- Tức đây dùng, lia đây dùng?

Mã Tổ bảo:- Về sau người mở miệng sẽ lấy cái gì vì người?

Sư cầm phát tử dựng đứng.

Mã Tổ hỏi:- Tức đây dùng, lia đây dùng?

Sư để phát tử lại chỗ cũ.

Mã Tổ nghiêm chỉnh nạt một tiếng, đến ba ngày Sư còn điếc tai.

*

Sau, Sư về núi Đại Hùng tại Hồng Châu. Ngọn núi này cao vót đến trăm trượng nên thời nhân gọi Sư là Bá Trượng. Bốn phương học giả đua nhau đến

tham học rất đông. Trong số học chúng có Thiên sư Hy Vận và Linh Hựu là hàng đầu.

Một hôm, Sư bảo chúng:

- Phật pháp không phải là việc nhỏ, Lão tăng xưa bị Mã Tổ một nạt đến ba ngày lỗ tai còn điếc.

Hy Vận nghe nói bất giác le lưỡi.

Sư bảo:- Con về sau thừa kế Mã Tổ chăng?

Hy Vận thưa:

- Không. Nay nhân Hòa thượng nhắc lại, con được thấy Mã Tổ đại cơ, đại dụng, nhưng vẫn không biết Mã Tổ. Nếu con thừa kế Mã Tổ, về sau mất hết con cháu của con.

Sư bảo:

- Đúng thế, đúng thế, thấy bằng với thầy là kém thầy nửa đức, thấy vượt hơn thầy mới kham truyền trao. Con hẳn có cái thấy vượt hơn thầy.

Hy Vận liền lễ bái.

*

Lại một hôm, có vị Tăng vừa đi vừa khóc đi thẳng vào pháp đường.

Sư hỏi:- Làm gì?

Tăng thưa:- Cha mẹ đồng thời chết, thỉnh Thầy chọn ngày.

Sư bảo:- Ngày mai đồng thời chôn.

*

Sư mỗi khi thượng đường dạy chúng có một ông già theo chúng nghe pháp. Hôm nọ, chúng ra hết chỉ còn ông già không đi. Sư hỏi:

- Ông là người gì?

Ông già thưa:

- Con chẳng phải người. Thời quá khứ thuở đức Phật Ca-diếp, con làm Tăng ở núi này, nhân học trò hỏi: “người đại tu hành lại rơi vào nhân quả chăng”, con đáp: “không rơi vào nhân quả”. Do đó, đến năm trăm đời đọa làm thân chồn. Nay thỉnh Hòa thượng chuyển một câu nói để con thoát khỏi thân chồn.

Sư bảo:- Ông hỏi đi.

Ông già hỏi:- Người đại tu hành có rơi vào nhân quả chăng?

Sư đáp:- Không lầm nhân quả.

Ngay câu nói ấy, ông già đại ngộ, làm lễ thưa:

- Con đã thoát thân chồn. Con ở sau núi, dám xin Hòa thượng lấy theo lễ Tăng chết mà tống táng con.

Sư vào trong kêu duy-na đánh kiếng bảo chúng ăn cơm xong đưa đóm một vị Tăng, đại chúng nhóm nhau bàn tán “đại chúng đều mạnh, nhà dưỡng bệnh không có người nào nằm, tại sao có việc này?”

Sau khi cơm xong, Sư dẫn chúng đến hang núi phía sau, lấy gậy khơi lên thấy xác một con chồn vừa chết, bèn làm lễ thiêu như vị Tăng.

*

Sư thượng đường dạy chúng:

- Linh quang chói sáng vượt khỏi căn trần, thể bày chân thường không cuộc văn tự, tâm tánh không nhiễm vốn tự viên thành, chỉ lìa vọng duyên tức như như Phật.

Có vị Tăng hỏi:- Thế nào là pháp yếu Đại thừa đốn ngộ?

Sư đáp:

- Các người trước dứt sạch các duyên, thôi hết muôn việc, tất cả các pháp thiện cùng chẳng thiện, thế gian và xuất thế gian chớ ghi nhớ, chớ duyên niệm, buông bỏ hết khiến tâm tự tại. Tâm như cây đá không có phân biệt, không có chỗ đi. Đất tâm nếu không, mặt trời trí tuệ tự hiện. Như mây tan thì trắng hiện. Chỉ dứt tất cả thứ vin theo, tình cảm tham sân ái thủ nơ sạch đều hết. Đối với ngũ dục, bát phong không bị thấy nghe hiểu biết ràng buộc, không bị các cảnh làm mê hoặc, tự nhiên đầy đủ thần thông diệu dụng, ấy là người giải thoát.

Đối với tất cả cảnh, tâm không yêu không loạn, không thu nhiếp không phân tán, thấu tất cả thanh sắc không bị dính ngại, gọi là Đạo nhân.

Thiện ác phải quấy đều không dùng, không mển một pháp, cũng không bỏ một pháp, gọi là người Đại thừa.

Không bị tất cả pháp thiện ác, không hữu, nơ sạch, hữu vi, vô vi, thế gian, xuất thế gian, phước đức trí tuệ ràng buộc, gọi là Phật tuệ.

Phải quấy, tốt xấu, đúng lý phi lý, các tình cảm thấy biết hết sạch, không thể trói buộc, nơi nơi đều được tự tại, gọi là Bồ-tát mới phát tâm liền lên địa vị Phật.

Tăng hỏi:- Đối tất cả cảnh làm sao tâm được như cây đá?

Sư đáp:

- Tất cả pháp vốn chẳng tự nói không, chẳng tự nói sắc, chẳng nói phải quấy nơ sạch, cũng không có tâm trói buộc người, chỉ tự người hư vọng tính chấp, tạo bao nhiêu thứ hiểu, khởi bao nhiêu thứ thấy biết, sanh bao nhiêu thứ yêu sợ. Cần phải nhận rõ các pháp không tự sanh, đều do một niệm vọng tưởng điên đảo của mình chấp tướng mà có. Biết tâm cùng cảnh vốn không đến nhau thì ngay nơi đó là giải thoát, mỗi mỗi pháp ngay nơi đó là lặng lẽ, ngay nơi đó là đạo tràng.

Lại, tánh sẵn có không thể gọi tên, xưa nay không phải phạm không phải thánh, chẳng phải nhơ sạch, chẳng phải hữu không, cũng chẳng phải thiện ác, cùng các pháp nhiệm hợp nhau, gọi là người trời nhị thừa. Nếu tâm nhơ sạch hết, chẳng trụ nơi ràng buộc chẳng trụ nơi giải thoát, không tất cả tâm lượng hữu vi vô vi, phược thoát, ở nơi sanh tử tâm vẫn tự tại. Hoàn toàn không hòa hợp với uẩn, giới, sanh tử, các nhập, trần lao hư huyễn, siêu nhiên không nương tựa, tất cả không ràng buộc, đi ở không ngại, qua lại trong sanh tử như cửa mở.

Phàm người học đạo nếu gặp các thứ khổ vui, việc vừa ý không vừa ý, tâm không lui sụt, chẳng để tâm đến danh dự lợi dưỡng ăn mặc, chẳng tham tất cả công đức lợi ích, không bị các pháp thế gian buộc ngại, không thân mến khổ vui, tâm hằng bình đẳng, ăn cơm hẩm cốt nuôi mạng sống, mặc áo vá chỉ để ngừa lạnh; ngơ ngơ như ngu như điếc, sẽ được ít phần tương ứng. Nếu trong tâm ham học rộng biết nhiều, cầu phước cầu trí, đều là ở trong sanh tử, đối với lý đạo thật vô ích, lại bị gió hiểu biết thổi trôi giạt trở lại trong biển sanh tử.

Phật là người không cầu, có cầu tức trái lý, lý không cầu này nếu cầu liền mất. Nếu chấp không cầu, lại đồng có cầu. Nếu chấp vô vi, lại đồng hữu vi. Cho nên kinh nói: “Không thủ pháp không thủ phi pháp, không thủ phi phi pháp.” Lại nói: “Như Lai đã được pháp, pháp này không thật không hư.”

Nếu người hay một lúc tâm giống như cây đá, không bị ấm, giới, ngũ dục, bát phong thổi trôi giạt, liền đoạn được nhân sanh tử, đi đứng tự do, chẳng bị tất cả hữu vi nhân quả ràng buộc, chẳng bị hữu lậu câu thúc. Khi khác, trở lại đem thân không phược làm lợi ích chúng sanh, lấy tâm không phược ứng hợp tất cả tâm, dùng tuệ không phược cõi tất cả phược, cũng nói “hợp bệnh cho thuốc”.

Tăng hỏi:

- Như nay thọ giới rồi thân khẩu được thanh tịnh, lại làm đủ các việc thiện, như thế được giải thoát chăng?

Sư đáp:

- Được ít phần giải thoát, chưa được tâm giải thoát, chưa được tất cả chỗ giải thoát.

Tăng hỏi:

- Thế nào là tâm giải thoát và tất cả chỗ giải thoát?

Sư đáp:

- Chẳng cầu Phật, Pháp, Tăng, cho đến chẳng cầu phước trí tri giải, tình cảm nhơ sạch hết, chẳng chấp tâm không cầu là phải, chẳng trụ chỗ hết, cũng chẳng mến thiên đường sợ địa ngục, trói buộc cõi mở không ngại, tức thân tâm và tất cả chỗ đều gọi giải thoát.

Người chớ cho có ít phần giới thân khẩu ý tịnh là xong, đâu biết môn giới định tuệ như hà sa, mà vô lậu giải thoát toàn chưa dính một mảy.

Cố gắng! Nhằm hiện nay cố tìm xét lấy, đừng đợi mất mờ tai điếc, tóc bạc, mặt nhăn, già khổ đến thân, buồn thảm triền miên mắt hằng rơi lệ, trong tâm hoảng sợ không một nơi y cứ, chẳng biết chỗ đi. Đến khi ấy, muốn nghiêm chỉnh tay chân cũng không thể kèm được, dù có phước trí, danh dự lợi dưỡng trọn không cứu được. Vì mất tâm chưa mở, chỉ nhớ các cảnh, không biết phản chiếu, lại chẳng thấy Phật đạo. Một đời có tạo việc thiện ác thấy hiện ở trước, hoặc vui hoặc sợ, sáu đạo năm uẩn thấy bày hiện tiền. Trang sức nhà cửa ghe thuyền xe cộ đẹp đẽ hiển hách, đều từ tâm tham ái của mình hiện ra, tất cả cảnh ác đều biến thành cảnh thù thắng. Chỉ tùy tâm tham ái chỗ nào nặng, nghiệp thức dẫn đến thọ sanh, hoàn toàn không có phần tự do, rông sức tốt xấu trọn chưa định được.

Tăng hỏi:- Thế nào được phần tự do?

Sư đáp:

- Hiện nay đối với ngũ dục bát phong lòng không lấy bỏ, xan tham tật đồ tham ái ngã sở đều hết, nhớ sạch chẳng còn, như mặt trời mặt trăng trong hư không, không duyên mà chiếu. Tâm tâm như cây đá, niệm niệm như cứu lửa cháy đầu, cũng như con voi lớn qua sông vừa ùm xuống là đến bờ kia, không bị ngăn ngại. Người này không nhiếp thuộc về thiên đường hay địa ngục.

Phàm học kinh xem giáo lý, mỗi câu đều phải uyển chuyển xoay về nơi mình, tất cả ngôn giáo chỉ làm sáng tỏ tánh giác hiện nay của mình. Chỉ không bị tất cả cảnh có, không... lòi là Đạo sư của người; hay chiếu phá tất cả cảnh có, không... là tuệ Kim Cang, tức có phần tự do tự tại. Nếu không như thế để hội đạo, dù có tụng được mười hai phần giáo cũng chỉ thành Tăng thượng mạn, lại là người chê bai Phật, không phải là người tu hành. Chỉ lìa tất cả thanh sắc, cũng chẳng trụ nơi lìa, chẳng trụ nơi tri giải, là người tu hành.

Đọc kinh xem giáo lý, nếu chiếu theo thế gian là việc tốt, nếu nhằm vào người minh lý thì thường đọc xem là kẻ bết tắc. Người thập địa vượt ra, không đi vào vòng sanh tử, nhưng giáo lý Tam thừa để trị bệnh tham, sân... như hiện nay niệm niệm nếu có bệnh tham, sân... thì trước phải trị nó, chẳng cần tìm câu câu nghĩa hiểu biết. Hiểu biết thuộc về tham, tham thì trở thành bệnh. Như hiện nay chỉ lìa tất cả pháp có, không, cũng lìa cái lìa vượt ngoài ba câu (có, không, chẳng phải có chẳng phải không) tự nhiên cùng Phật không khác. Đã tự là Phật, lo gì Phật không hiểu ngôn ngữ. Chỉ e không phải là Phật, bị các pháp có, không trói buộc chẳng được tự do. Bởi lý chưa vững, trước có phước trí, bị phước trí chở đi, như người nghèo ở trong cảnh sang. Không bằng trước vững lý, sau mới có phước trí. Nếu cần phước trí thì tạm thời làm được, nắm đất biến

thành vàng, nắm vàng biến thành đất, biến nước biển thành tô-lạc, đập núi Tu-di thành bụi nhỏ, hốt nước bốn biển dồn vào một lỗ chân lông, nơi một nghĩa làm vô lượng nghĩa, nơi vô lượng nghĩa làm một nghĩa.

*

Có vị Tăng hỏi:

- Cuộc cỏ chặt cây, khai mương đào đất, có tướng tội báo chăng?

Sư đáp:

- Không thể nói quyết định có tội, cũng không thể nói quyết định không tội, có tội không tội việc tại người đương thời. Nếu tham nhiễm tất cả pháp có, không... có tâm lấy bỏ, còn chưa vượt khỏi ba câu, người này nhất định nói có tội. Nếu vượt ngoài ba câu, tâm như hư không, cũng chẳng tưởng hư không, người này nhất định nói không tội.

Lại nữa, nếu tạo tội rồi, nói không thấy có tội thì thật vô lý. Nếu không làm tội, mà nói có tội thì cũng vô lý. Như trong Luật, do mê giết người và chuyển tướng giết, còn không phạm tội sát. Huống là Thiên tông truyền trao nhau tâm như hư không, không dừng ở một vật, cũng không có tướng hư không, thì đem tội để ở chỗ nào?

*

Có vị Tăng hỏi:

- Thế nào là “hữu tình không Phật tánh, vô tình có Phật tánh”?

Sư đáp:

- Từ người đến Phật là tình chấp thánh, từ người đến địa ngục là tình chấp phàm. Chỉ như hiện nay đối hai cảnh phàm, thánh có tâm nhiễm ái gọi là “hữu tình không Phật tánh”. Hiện nay đối hai cảnh phàm, thánh và tất cả pháp có, không... trọn không có tâm lấy bỏ, cũng không cái hiểu biết không lấy bỏ, ấy là “vô tình có Phật tánh”. Chỉ không có tình ràng buộc, nên gọi vô tình. Không đồng với loài vô tình như: cây, đá, hư không, hoa vàng, trúc biếc, mà cho là có Phật tánh. Nếu nói loài vô tình ấy có Phật tánh, tại sao trong kinh không thấy thọ ký được thành Phật? Chỉ cái giác chiếu soi hiện nay không bị hữu tình thay đổi, dụ như trúc biếc, ứng cơ biết thời thiết dụ như hoa vàng.

Lại, nếu bước lên nấc thang Phật thì vô tình có Phật tánh, chưa bước lên nấc thang Phật thì hữu tình không Phật tánh.

*

Hằng ngày làm công tác, Sư đều dẫn đầu trong chúng. Một hôm, chúng Tăng lén giấu dụng cụ không cho Sư làm, Sư tìm mãi không được, bảo:

- Tôi không có đức hạnh, đâu dám làm nhọc người. Sư nhin ăn hôm ấy, nên có câu “một ngày không làm, một ngày không ăn” (nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực).

Sư có soạn bộ qui tắc trong nhà Thiền, lấy tên là “Bá Trượng Thanh Qui”. Đời Đường niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ chín (814 T.L.) ngày mười bảy tháng giêng, Sư qui tịch, thọ chín mươi lăm tuổi. Vua ban hiệu là Đại Trí Thiền sư, tháp hiệu Đại Bảo Thắng Luân.

*

14. THIỀN SƯ PHỔ NGUYÊN

Nam Tuyên - (749 - 834)

Sư họ Vương, quê ở Tân Trịnh, Trịnh Châu. Đời Đường niên hiệu Chí Đức thứ hai (758 T.L.), Sư theo Thiền sư Đại Huệ ở núi Đại Ngung xuất gia học đạo. Năm ba mươi tuổi, Sư lên núi Cao Nhạc thọ giới cụ túc. Lúc đầu, Sư học tập Tướng tông và Luật tông, kế tìm đến các nơi giảng Kinh Luận thọ học. Sư đã học được kinh Lăng-già, Hoa Nghiêm, Trung Luận, Bách Luận...

*

Sau, Sư đến Mã Tổ bỗng nhiên “được cá quên nôm” (đạt lý quên lời), được du hí tam-muội (chánh định ngao du tự tại). Một hôm, Sư bưng cháo cho chúng Tăng, Mã Tổ hỏi:

- Trong thùm thông là cái gì?

Sư thưa:- Ông già nên ngậm miệng, nói năng làm gì?

Mã Tổ bèn thôi.

Từ đây về sau, những bạn đồng tham học không ai dám gạn hỏi Sư điều gì.

*

Niên hiệu Trinh Nguyên thứ mười một (795 T.L.), Sư tạm biệt Mã Tổ đi tìm nơi cất am. Sau khi rời Mã Tổ, Sư đồng đi với Thiền sư Bảo Vân, Trí Thường, Trí Kiên cả thầy bốn người. Đến giữa đường, sắp từ biệt nhau, Sư cắm gậy xuống đất bảo:

- Nói được cũng bị cái ấy ngại, nói không được cũng bị cái ấy ngại.

Trí Thường liền nhổ gậy, đập Sư một gậy, rồi nói:

- Cũng chỉ cái ấy, Vương lão sư (thầy già họ Vương) nói cái gì ngại, chẳng ngại?

Bảo Vân nói:- Chỉ một câu này truyền khắp thiên hạ.

Trí Thường hỏi:- Lại có cái chẳng khắp chẳng?

Bảo Vân đáp:- Có.

Trí Thường hỏi:- Thế nào là cái chẳng khắp?

Bảo Vân ra bộ tát tai.

*

Bốn vị ngồi uống trà. Bảo Vân đưa chung trà lên nói:

- Khi thế giới chưa thành vẫn có cái ấy.

Sư bảo:- Người nay chỉ biết cái ấy, chưa biết thế giới.

Trí Thường nói:- Phải.

Sư bảo:- Sư huynh đâu đồng cái thấy này.

Trí Thường lại đưa cái chung trà lên bảo:

- Khi thế giới chưa thành nói được chẳng?

Sư ra bộ tát tai, Trí Thường đưa mặt nhận tát tai.

*

Sư đến núi Nam Tuyền cất am, ở mãi hơn ba mươi năm chưa từng xuống núi. Niên hiệu Thái Hòa năm đầu (827 T.L.), Liêm sứ thành Tuyền Châu là Lục Công Tuyền nghe đạo phong của Sư bèn cùng Giám quân đồng đến thỉnh Sư xuống núi, với tư cách đệ tử thỉnh thầy. Từ đây, Sư mở rộng đạo huyền, số người tham học không khi nào dưới vài trăm. Các nơi gọi Sư là “người mô phạm đất Dĩnh”.

*

Dưới núi Nam Tuyền có một Am chủ, có người nói: “Gần đây có Hòa thượng Nam Tuyền ra đời, sao ông không đến yết kiến?” Am chủ bảo: “Chẳng những Nam Tuyền ra đời, dù có ngàn đức Phật xuất thế, tôi cũng chẳng đến.” Sư nghe lời này, bèn sai Tùng Thẩm (Triệu Châu) đi khám phá. Tùng Thẩm đến làm lễ, Am chủ chẳng thèm nhìn. Tùng Thẩm từ Đông qua Tây, lại từ Tây qua Đông, Am chủ cũng chẳng nhìn. Tùng Thẩm bảo: “giặc cỏ đại bại”, bèn bỏ tấm màn xuống ra về. Tùng Thẩm về thuật lại Sư nghe. Sư bảo:

- Ta từ lâu nghi lão ấy.

Một hôm, Sư đến Trang sở, Trang chủ dự bị đón tiếp. Sư hỏi:

- Lão tăng ra vào thường không cho người biết, sao Trang chủ biết trước mà bày biện như vậy?

Trang chủ thưa:

- Đêm qua thổ địa mách ngày nay Hòa thượng đến.

Sư bảo:- Vương lão sư tu hành vô lực bị quỷ thần xem thấy.

Thị giả hỏi:- Hòa thượng đã là thiện tri thức, vì sao bị quỷ thần xem thấy?

Sư bảo:- Trước thổ địa để một phần cơm.

*

Tùng Thẩm hỏi:

- Đạo chẳng ngoài vật, ngoài vật chẳng đạo, thế nào là đạo ngoài vật?

Sư liền đánh. Tùng Thẩm nắm gậy lại, nói:

- Từ đây về sau chớ có đánh lầm người.

Sư bảo:- Rõng rảnh dễ phân biệt, nạp tử (tăng sĩ) khó lường.

*

Một hôm, Sư đóng cửa phương trượng (nhà thầy trụ trì ở vuông vức một trượng), lấy tro rắc ngoài cửa, bảo:

- Nếu có người nói được liền mở cửa.

Có nhiều vị Tăng nói, mà không hợp ý Sư.

Tùng Thẩm nói:- Trời xanh.

Sư liền mở cửa.

*

Sư dạy chúng:

- Mã Tổ ở Giang Tây nói “tức tâm tức Phật”, Vương lão sư chẳng nói thế ấy, mà nói “chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật”, nói thế có lỗi chẳng?

Tùng Thẩm lễ bái đi ra.

Khi ấy có vị Tăng theo hỏi Tùng Thẩm:

- Thượng tọa lễ bái đi ra, ý thế nào?

Tùng Thẩm bảo:- Thầy nên hỏi Hòa thượng.

Vị Tăng ấy đến hỏi Sư:

- Hành động vừa rồi của Thượng tọa Thẩm, ý thế nào?

Sư bảo:- Ông ấy đã nhận được ý chỉ của Lão tăng.

*

Nhà Đông, nhà Tây tranh nhau con mèo. Sư trông thấy, liền bảo chúng:

- Nói được là cứu con mèo, nói không được thì chém nó.

Chúng Tăng đều ngơ ngác không nói được. Sư liền chém con mèo. Tùng Thẩm ở ngoài đi vào, Sư dùng câu nói trước hỏi. Tùng Thẩm liền cưỡi giày để trên đầu đi ra. Sư bảo:

- Giá khi nãy có người ở đây, đã cứu được con mèo.

*

Lục đại phu hỏi Sư:

- Trong nhà đệ tử có một phiến đá, hoặc khi ngồi, hoặc khi nằm, nay tính đem làm tượng Phật được chẳng?

Sư đáp:- Được.

Đại phu hỏi:- Chẳng được chẳng?

Sư đáp:- Chẳng được.

Đại phu hỏi:- Đại Bi Bồ-tát dùng nhiều mắt tay như thế để làm gì?

Sư hỏi lại:- Quốc gia dùng Đại phu để làm gì?

*

Sư thượng đường dạy chúng:

- Vương lão sư từ nhỏ nuôi một con trâu đực, tính thả ăn ở khe Đông sợ e không khỏi phạm nước cỏ của quốc vương, tính thả ăn ở khe Tây cũng sợ e không khỏi phạm nước cỏ của quốc vương, chi bằng tùy thời nhận chút ít trợn chẳng thấy đực.

*

Sư thượng đường bảo:

- Phật Nhiên Đăng nói “nếu tâm tướng khởi nghĩ sanh ra các pháp là hư giả chẳng thật”. Vì cố sao? Vì tâm còn không có, lấy gì sanh ra các pháp, ví như bóng phân biệt hư không, như người lấy tiếng để trong rương, cũng như thổi lười muốn được đầy hơi. Cho nên Lão túc bảo “chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật”. Nói thế là dạy các huynh đệ chỗ đi vững chắc. Nói: “Bồ-tát Thập địa trụ chánh định Thủ Lăng Nghiêm được pháp tạng bí mật của chư Phật, tự nhiên được tất cả thiền định giải thoát thần thông diệu dụng, đến tất cả thế giới khắp hiện sắc thân, hoặc thị hiện thành Phật chuyển bánh xe đại pháp, vào Niết-bàn, khiến vô lượng vào một lỗ chân lông, nói một câu trái vô lượng kiếp cũng không hết nghĩa, giáo hóa vô lượng ngàn ức chúng sanh được vô sanh pháp nhãn, còn gọi là sở tri ngu vi tế.” Sở tri ngu cùng đạo trái nhau. Rất khó! rất khó! trân trọng.

*

Sư thượng đường dạy chúng:

- Các người! Lão tăng lúc mười tám tuổi đã biết kế sống, có ai biết kế sống ra trình, sẽ cùng người thương lượng, người ấy mới đáng ở núi.

Sư lặng thinh giây lâu, nhìn đại chúng chắp tay, nói:

- Vô sự! Trân trọng! Mỗi người tự tu hành.

Đại chúng vẫn ngồi yên.

Sư bảo:

- Huynh đệ người thời nay gánh Phật để trên vai mà đi, nghe Lão tăng nói: “tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo”, bèn hội họp suy nghĩ. Lão tăng không có chỗ để các người suy nghĩ. Nếu các người trói hư không lấy gậy đập được, Lão tăng sẽ cho suy nghĩ.

Có vị Tăng ra hỏi:

- Từ Thượng Tổ cho đến Đại sư ở Giang Tây đều nói: “tức tâm là Phật”, “tâm bình thường là đạo”. Nay Hòa thượng nói “tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo”, học nhân chắc sanh nghi ngờ, xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy.

Sư đáp:

- Người nếu là Phật thì đâu còn phải nghi, lại hỏi Lão tăng chỗ gì? Có nhà bên cạnh nghi Phật như thế đến, Lão tăng chẳng phải Phật cũng chẳng từng thấy Tổ sư, người nói như thế, tự tìm Tổ sư đi!

Tăng thưa:- Hòa thượng nói như thế, dạy học nhân làm sao phù trì được?

Sư bảo:- Người mau lấy tay bắt hư không đi!

Tăng thưa:- Hư không không tướng không động, làm sao mà bắt?

Sư bảo:

- Người nói không tướng không động tức là động vậy. Hư không đâu biết nói “ta không tướng không động”. Đây đều là tình kiến của người.

Tăng thưa:

- Hư không không tướng không động còn là tình kiến, trước Hòa thượng dạy con bắt hư không là còn vật gì?

Sư bảo:

- Người đã biết không nên nói bắt, mà lại nghĩ làm sao phù trì?

Tăng thưa:

- Tức tâm là Phật đã chẳng được, thị tâm tức Phật được chăng?

Sư bảo:

- Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật, do tình chấp mà có, đều bởi tướng mà thành. Phật là người trí, tâm là chủ nhóm phân biệt, khi đối vật phát ra diệu dụng. Đại đức chớ nhận tâm, nhận Phật, dù nhận được cảnh ấy vẫn còn bị người gọi là Sở tri ngu. Cho nên Đại sư ở Giang Tây bảo: “Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật.” Và lại đã dạy người sau các người chỗ đi như thế. Người học thời nay mặc y phục nhà bên cạnh nghi như thế, muốn được rảnh việc có được chăng?

- Đã chẳng phải tâm chẳng phải Phật chẳng phải vật, nay Hòa thượng lại nói “tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo”, chưa biết thế nào?

- Người chẳng nhận tâm là Phật, trí là đạo, Lão tăng chột được tâm lại để chỗ nào?

- Đã hoàn toàn chẳng được thì đâu khác hư không?

- Đã chẳng phải vật làm sao so với hư không, lại nói cái gì là khác chẳng khác?

- Chẳng lẽ không cái chẳng phải tâm chẳng phải Phật, chẳng phải vật?

- Người nếu nhận cái ấy, lại thành tâm Phật rồi.

- Thỉnh Hòa thượng nói.

- Lão tăng tự chẳng biết.

- Tại sao chẳng biết?

- Bảo ta nói làm sao?

- Đành chẳng cho học nhân hội đạo sao?

- Hội đạo gì? Lại làm sao hội?
 - Con không biết.
 - Không biết lại tốt. Nếu lấy lời Lão tăng cho là người nương tựa thông suốt, dù thấy Phật Di-lặc ra đời vẫn bị Ngài nhổ hết lông đầu.
 - Dạy người sau thế nào?
 - Người tự xem, chớ lo những người sau.
 - Trước Hòa thượng chẳng cho con hội thông, giờ lại bảo con tự xem, chưa biết thế nào?
 - Thầm hội, diệu hội, làm sao cho người hội?
 - Thế nào là diệu hội?
 - Lại muốn học ngữ của Lão tăng, dù có nói, là Lão tăng nói, Đại đức thế nào?
 - Con nếu tự hội thì đâu phiền xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy?
 - Không thể chỉ Đông chỉ Tây lừa người, người khi còn khóc tu oa! tu oa! Sao chẳng đến hỏi Lão tăng? Bây giờ khôn ngoan mới nói con chẳng hội, mong cái gì? Nếu người đời này lọt lòng mẹ bèn nói ta xuất gia làm Thiền sư, vậy khi chưa xuất gia từng làm việc gì, hãy nói xem, ta sẽ cùng người thương lượng?
 - Khi ấy con chẳng biết.
 - Đã chẳng biết thì hiện nay nhận được, có thể phải sao?
 - Nhận được đã chẳng phải, không nhận được phải chẳng?
 - Nhận, chẳng nhận là lời nói gì?
 - Đến trong ấy con càng chẳng hội.
 - Người nếu chẳng hội, ta cũng chẳng hội.
 - Con là học nhân tức chẳng hội, Hòa thượng là thiện tri thức phải hội.
 - Chỉ nói với người chẳng hội, ai luận thiện tri thức.
- Chớ khôn xảo, xem như Mã Tổ lúc còn tại tiền, có một học sĩ đến hỏi: “Như nước không gân xương, hay thắng thuyền muôn đấu, lý này thế nào?” Mã Tổ bảo: “Trong ấy không nước cũng không thuyền, luận gì gân xương.” Huynh đệ! học sĩ ấy bèn thôi, đâu không tỉnh lược. Sở dĩ thường thường nói với các người Phật không hội đạo, ta tự tu hành, dùng biết để làm gì?
- Thế nào là tu hành?
 - Không thể nghĩ lường, đâu thể nói với người tu thế này, hành thế này, đại nạn!
 - Lại cho học nhân tu hành chẳng?
 - Lão tăng không thể ngăn người.
 - Con làm sao tu hành?
 - Cần hành thì hành, không nên chuyên tâm bọn khác.

- Nếu không nhờ thiện tri thức chỉ dạy thì không do đâu được hội? Như Hòa thượng mọi khi nói “tu hành phải hiểu mới được, nếu không hiểu thì rơi vào nhân quả, không có phần tự do”, chưa biết tu hành thế nào khỏi vào nhân quả?

- Lại chẳng cần thương lượng. Nếu luận tu hành thì chỗ nào chẳng hành được?

- Thế nào hành được?

- Người không thể theo bọn kia tìm được.

- Hòa thượng chưa nói dạy, con làm sao tìm?

- Giả sử nói chỗ tìm đó, vả như người từ sáng đến tối chọt đi Đông, đi Tây, người còn không suy nghĩ nói, đi được chẳng được, người khác không thể biết được người.

- Ngay khi đi Đông đi Tây toàn không suy nghĩ, là phải chăng?

- Khi ấy, ai nói là phải chăng phải?

*

Có vị Tăng hỏi:

- Trong hư không có một hạt châu làm sao lấy được?

Sư bảo:

- Chặt tre làm thang bắc trong hư không lấy.

- Trong hư không làm sao bắc thang?

- Người nghĩ thế nào lấy?

*

Sư dạy chúng:

- Chỉ hội được tánh từ vô lượng kiếp đến giờ không biến đổi tức tu hành, diệu dụng mà chẳng trụ tức là hạnh Bồ-tát. Đạt các pháp không, diệu dụng tự tại, sắc thân tam-muội rõ ràng. Hành lục ba-la-mật không, thì nơi nơi không ngại, dạo trong địa ngục như xem vườn đẹp, không thể nói y chẳng được tác dụng. Chúng sanh từ vô lượng kiếp đến giờ quên bản tánh, chẳng tự liễu ngộ chân thể, bị mây trần che lấp, đắm mê sắc dục, như mây bay thấy trăng chạy, thuyền đi thấy bờ dời, tạm thời chia đường, chẳng được tự tại, thọ các thứ khổ chẳng tự hiểu biết. Đến hôm nay hội được tánh bản lai, tánh ấy cùng hiện giờ không khác.

*

Sư sắp tịch, đệ nhất tọa hỏi:

- Sau khi Hòa thượng trăm tuổi đi về chỗ nào?

Sư bảo:- Làm con trâu dưới núi.

Tăng hỏi:- Con theo Hòa thượng được chăng?

Sư bảo:- Nếu người muốn theo ta phải ngậm theo một bó cỏ.

Niên hiệu Thái Hòa thứ tám (834 T.L.) ngày rằm tháng hai, Sư có chút bệnh. Sáng hôm sau, Sư bảo chúng:

- Sao che đèn huyễn lâu vậy, chớ bảo ta có đi lại. Sư nói xong liền tịch, thọ tám mươi bảy tuổi.

*

15. THIÊN SƯ HUỆ HẢI (Đại Châu)

Sư họ Châu, quê ở Kiến Châu, theo Hòa thượng Đạo Trí chùa Đạo Vân ở Việt Châu xuất gia học đạo.

Sư đến tham vấn Mã Tổ.

Mã Tổ hỏi:- Từ đâu đến?

Sư thưa:- Ở Việt Châu chùa Đạo Vân đến.

- Đến đây tính cầu việc gì?

- Đến cầu Phật pháp.

- Kho báu nhà mình chẳng đoái hoài, bỏ nhà chạy đi tìm cái gì? Ta trong ấy không có một vật, cầu Phật pháp cái gì?

Sư lễ bái, thưa:- Cái gì là kho báu nhà mình của Huệ Hải?

- Chính nay người hỏi ta, là kho báu của người, đầy đủ tất cả không thiếu thốn, tự do sử dụng, đâu nhờ tìm cầu bên ngoài.

Ngay câu này, Sư tự nhận bản tâm không do hiểu biết, vui mừng lễ tạ. Sư ở hầu Mã Tổ sáu năm.

*

Vì bốn sư tuổi già, Sư phải về phụng dưỡng. Từ đây, Sư tàng ẩn chỗ thâm ngộ của mình, chỉ hiện bề ngoài như kẻ tầm thường. Sư có soạn quyển “Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn Luận”, bị Huyền Ấn là cháu trong pháp môn lên lấy đến trình Mã Tổ.

Mã Tổ xem xong, bảo chúng:

- Việt Châu có Đại Châu (hạt châu lớn) tròn sáng thấu suốt tự tại không ngại.

Khi ấy, ở trong chúng có người biết Sư họ Châu bèn rủ nhau lần lượt tìm đến Sư, thưa hỏi và nương tựa. Từ đó người ta gọi Sư là Đại Châu Hòa thượng.

*

Sư bảo những vị đến tham vấn:

- Thiên khách! Tôi chẳng hội thiên, trọn không có một pháp có thể chỉ dạy người, không phiền các vị đứng lâu, hãy tự đi nghỉ.

Tuy vậy, mà học chúng dần dần thêm đông, ngày đêm thưa hỏi. Sư bất đắc dĩ vì hỏi giải đáp, biện tài không ngại.

*

Có vài vị Pháp sư đến hỏi:

- Định hỏi một câu, Thầy có vui lòng đáp lại chăng?

Sư bảo:- Bóng trăng dưới đầm sâu, mặc ý mò bắt.

- Thế nào là Phật?

- Hồ nước trong đối diện, chẳng phải Phật là gì?

Các vị ấy còn ngơ ngác, không biết gì cả. Giây lâu có vị lại hỏi:

- Thầy nói pháp gì độ người?

- Bản đạo chưa từng có một pháp gì độ người.

- Thiên sư nhà tối như thế.

- Đại đức nói pháp gì độ người?

- Giảng kinh Kim Cang Bát-nhã.

- Giảng được bao nhiêu lần?

- Hơn hai mươi lần.

- Kinh này ai nói?

Pháp sư tăng háng lên giọng gắt:

- Thiên sư khéo nói đùa, há không biết Phật nói sao?

- “Nếu nói Như Lai có nói pháp là chê bai Phật, người ấy không hiểu nghĩa ta nói.” (kinh Kim Cang) Nếu nói kinh này không phải Phật nói tức là phỉ báng kinh. Thỉnh Đại đức nói xem?

Pháp sư im lặng không đáp được.

Sư lại hỏi:

- Kinh nói: “Nếu lấy sắc thấy ta, lấy âm thanh cầu ta, người ấy hành đạo tà, không thể thấy Như Lai.” Đại đức hãy nói cái gì là Như Lai?

- Đến chỗ này tôi mê hẳn?

- Từ trước đến giờ chưa từng ngộ, nói cái gì là mê?

- Thỉnh Thiên sư vì tôi nói!

- Đại đức giảng kinh hơn hai mươi lượt, lại chưa biết Như Lai?

Pháp sư lại lễ bái, cầu xin chỉ dạy.

Sư bảo:

- Như Lai là nghĩa như của các pháp, đâu thể quên được.

- Phải. Là nghĩa như của các pháp.

- Đại đức nói phải, cũng chưa phải.

- Văn kinh rõ ràng đâu thể chưa phải?

- Đại đức “Như” chăng?

- Như.

- Cây cỏ như chằng?
- Như.
- Đại đức như, đồng cây cỏ như chằng?
- Không hai.
- Đại đức cùng cây cỏ đâu khác?

Pháp sư không đáp được, im lặng giây lâu lại hỏi:

- Thế nào được Đại Niết-bàn?
- Chẳng tạo nghiệp sanh tử.
- Thế nào là nghiệp sanh tử?
- Cầu Đại Niết-bàn là nghiệp sanh tử, bỏ nơ lấy sạch là nghiệp sanh tử, có đắc có chứng là nghiệp sanh tử, không vượt khỏi môn đối trị là nghiệp sanh tử.

- Thế nào chóng được giải thoát?
- Vốn tự không phược (trói buộc) chẳng cần cầu giải thoát, dùng thẳng hành thẳng là không thứ bậc.

Pháp sư khen:- Thiền sư như Hòa thượng thật là ít có.

Khen xong, Pháp sư lễ tạ lui ra.

*

Có vị cư sĩ đến hỏi:- Tức tâm tức Phật, cái gì là Phật?

Sư bảo:- Ông nghi cái gì không phải Phật chỉ ra xem!

Cư sĩ lặng thinh.

Sư nói tiếp:- Đạt thì khắp cảnh là Phật, chẳng ngộ hằng trái xa.

*

Có Luật sư hiệu Pháp Minh đến nói:

- Các Thiền sư phần nhiều rơi vào không.

Sư bảo:- Trái lại, các Tọa chủ phần nhiều rơi vào không.

Pháp Minh hoảng sợ hỏi:- Tại sao rơi vào không?

- Kinh luận là giấy mực văn tự, giấy mực văn tự đều là không, dù trên tiếng dựng lập danh, cú, văn, thân, đâu chẳng phải là không, Tọa chủ bám chặt vào giáo thể đâu chẳng rơi vào không?

- Thiền sư rơi vào không chẳng?

- Văn tự v.v... đều từ trí tuệ mà sanh, đại dụng hiện tiền đâu thể rơi vào không.

- Cho biết một pháp không đạt, chẳng gọi là tất-đạt.

- Luật sư chẳng những rơi vào không, lại còn dùng lầm danh ngôn.

Pháp Minh đổi sắc mặt, hỏi:- Lầm chỗ nào?

- Luật sư chưa rành âm Trung Hoa và Phạn, làm sao giảng thuyết?

- Thỉnh Thiền sư chỉ ra chỗ lầm của Pháp Minh?

- Đâu chẳng biết “tất-đạt” là tiếng Phạn sao?

Pháp Minh tuy nhận thấy lỗi, mà tâm vẫn còn giận, lại hỏi:

- Phàm Kinh, Luật, Luận là lời Phật, đọc tụng y giáo phụng hành, sao chẳng thấy tánh?

- Như chó điên đuổi bóng, sư tử ăn thịt người. Kinh, Luật, Luận là tự tánh dụng, người đọc tụng là tánh pháp.

- Phật A-di-đà có cha mẹ và họ chẳng?

- Phật A-di-đà họ Kiều-thi-ca, cha tên Nguyệt Thượng, mẹ tên Thù Thắng Diệu Nhan.

- Xuất phát từ kinh điển nào?

- Xuất phát từ tập Đà-la-ni.

Pháp Minh lễ tạ khen ngợi lui ra.

*

Có vị Pháp sư thông Tam tạng đến hỏi:- Chân như có biến đổi chăng?

Sư đáp:- Có biến đổi.

- Thiền sư lầm.

- Đại đức có chân như chẳng?

- Có.

- Nếu không biến đổi quyết định Đại đức là phàm Tăng. Đâu chẳng nghe: “Thiện tri thức hay chuyển ba độc thành ba món tịnh giới, chuyển sáu thức thành sáu thần thông, chuyển phiền não thành Bồ-đề, chuyển vô minh thành đại trí chân như.” Nếu không biến đổi, Đại đức thật là ngoại đạo chủ trương tự nhiên vậy.

- Nếu vậy chân như tức có biến đổi.

- Nếu chấp chân như có biến đổi cũng là ngoại đạo.

- Thiền sư vừa nói chân như có biến đổi, giờ lại nói không biến đổi, vậy thế nào thật đúng?

- Nếu người thấy tánh rõ ràng, như hạt châu ma-ni hiện sắc, nói biến đổi cũng được, nói không biến đổi cũng được. Nếu người không thấy tánh, nghe nói chân như biến đổi bèn hiểu biến đổi, nghe nói không biến đổi bèn hiểu không biến đổi.

Pháp sư khen:

- Nên biết, Nam tông (Thiền đốn ngộ miền Nam) không thể lường.

*

Luật sư Nguyên đến hỏi:- Hòa thượng tu có dụng công chăng?

Sư đáp:- Dụng công.

- Dụng công thế nào?

- Khi đói thì ăn, khi mệt thì ngủ.

- Tất cả người đều như vậy, đồng chỗ dụng công của Thầy chẳng?
 - Chẳng đồng.
 - Tại sao chẳng đồng?
 - Họ khi ăn chẳng chịu ăn, đòi trăm thứ cần dùng, khi ngủ chẳng chịu ngủ, tính toán ngàn chuyện, do đó chẳng đồng.
- Nguyên im lặng.

*

Đại đức Uẩn Quang đến hỏi:- Thiên sư tự biết chỗ sanh chẳng?

Sư đáp:

- Chưa từng tử đâu cần luận sanh. Biết sanh tức là pháp không sanh, chẳng lìa pháp sanh nói có không sanh. Tổ sư nói: “Chính cái sanh tức không sanh.”

- Người không thấy tánh cũng được như vậy chẳng?

- Tự chẳng thấy tánh chẳng phải không tánh. Vì sao? Thấy tức là tánh, không tánh thì không thể thấy. Thức tức là tánh, nên gọi thức tánh. Liễu tức là tánh, nên gọi liễu tánh. Hay sanh muôn pháp gọi là pháp tánh, cũng gọi là pháp thân. Tổ sư Mã Minh nói: “Nói là pháp tức là tâm chúng sanh, nếu tâm sanh nên tất cả pháp sanh, nếu tâm không sanh, pháp không nương đâu sanh, cũng không danh tự.” Người mê không biết pháp thân không hình tượng hay ứng vật hiện hình, bèn nói: “Trúc biếc xanh xanh đồng là pháp thân, hoa vàng mịt mịt thấy đều Bát-nhã.”(Thanh thanh thúy trúc tổng thị pháp thân, uất uất hoàng hoa vô phi Bát-nhã.) Hoa vàng nếu là Bát-nhã, Bát-nhã tức đồng vô tình, trúc biếc nếu là pháp thân, pháp thân tức đồng cây cỏ. Như người ăn măng tức là ăn pháp thân.

Những lối nói như thế đâu thể kể chép hết. Đối diện mê Phật nhiều kiếp mong cầu, trong pháp thể mà mê lầm, chạy tìm kiếm bên ngoài. Thế nên, người hiểu đạo đi đứng ngồi nằm đều là đạo, người ngộ pháp tung hoành tự tại đều là pháp.

- Hư không hay sanh linh tri chẳng? Chân tâm duyên thiện ác chẳng? Người tham dục là đạo chẳng? Người chấp phải quấy về sau tâm thông chẳng? Người xúc cảnh sanh tâm có định chẳng? Người trụ chỗ yên lặng có tuệ chẳng? Người ôm lòng khinh người có ngã chẳng? Người chấp không chấp hữu có trí chẳng? Người tầm văn thủ chứng, người khổ hạnh cầu Phật, người lìa tâm cầu Phật, người chấp tâm là Phật, trí này hợp đạo chẳng? Thỉnh Thiên sư mỗi mỗi vì đáp:

Hư không chẳng sanh linh tri, chân tâm chẳng duyên thiện ác, người chìm sâu trong tham dục căn cơ cạn, người phải quấy lăng xăng chưa thông, người xúc cảnh sanh tâm ít định, người yên lặng quên hết là tuệ chìm, người

khinh người cao mạn là ngã mạn, người chấp không chấp có đều ngu, người tầm văn thủ chứng thêm kẹt, người khổ hạnh cầu Phật là mê, lia tâm cầu Phật là ngoại đạo, chấp tâm là Phật là ma.

- Nếu như thế thì rốt ráo không thể có?

- Rốt ráo là Đại đức, chẳng phải rốt ráo không thể có.

Uẩn Quang vui mừng lễ tạ.

*

Tọa chủ giảng kinh Duy-ma-cật hỏi:

- Kinh nói: “Lục sư v.v... ngoại đạo kia là thầy của người, nhân kia xuất gia, thầy kia bị đọa người cũng theo đó mà đọa. Người thí cho người chẳng gọi phước điền, cúng dường cho người đọa trong ba đường ác. Chê Phật, hủy Pháp, chẳng vào chúng số, trọn chẳng được diệt độ. Người nếu như thế mới nên nhận thức ăn.” (kinh Duy-ma) Thỉnh Thiền sư vì giải thích.

Sư đáp:

- Người mê chạy theo sáu căn gọi là lục sư, ngoài tâm cầu Phật gọi là ngoại đạo, thấy có vật để thí chẳng gọi phước điền, sanh tâm nhận cúng dường đọa ba đường ác. Người nếu hay chê bai Phật là chẳng dám cầu Phật, hủy báng pháp là chẳng dám cầu Pháp, chẳng vào chúng số là chẳng dám cầu Tăng, trọn chẳng được diệt độ là trí dụng hiện tiền. Nếu có người hay hiểu như thế liền được thức ăn thiền duyệt pháp hỉ.

*

Tọa chủ hỏi:

- Kinh Bát-nhã nói: “độ chín loài chúng sanh đều vào vô dư Niết-bàn”, lại nói: “thật không chúng sanh được diệt độ”. Hai đoạn văn kinh này làm sao hội thông? Người xưa nay đều nói “thật độ chúng sanh mà chẳng nhận tướng chúng sanh”. Tôi còn nghi chưa giải quyết, thỉnh Thiền sư vì giải thích.

- Chín loài chúng sanh trong một thân đầy đủ, tùy tạo tùy hành: vô minh là noãn sanh (sanh bằng trứng), ôm ấp phiền não ở trong là thai sanh (sanh bằng bào thai), nước ái thấm ướt là thấp sanh (sanh chỗ ẩm ướt), nóng nảy khởi phiền não là hóa sanh (từ loài này hóa sanh loài khác). Ngộ tức là Phật, mê gọi là chúng sanh. Bồ-tát chỉ lấy tâm sanh niệm niệm làm chúng sanh, nếu rõ tâm ở trên bản tế (nguồn tâm) của mình mà độ lúc chưa hiện bày, chưa hiện bày đều không, tức biết thật không có chúng sanh được diệt độ.

*

Sư thượng đường dạy:

- Các người may mắn tự khéo giữ cái vô sự. Kẻ nhọc nhằn tạo tác là mang cùm sa ngục chớ gì? Mỗi ngày từ sáng đến tối bốn ba nói: “ta tham thiền học đạo, hiểu thấu Phật pháp”. Như thế càng không dính dáng gì, chỉ chạy theo

thanh sắc, biết khi nào dứt. Bần đạo đến tham vấn Hòa thượng ở Giang Tây (Mã Tổ), Hòa thượng dạy: “Kho báu nhà của người đầy đủ tất cả, sử dụng tự tại chẳng nhờ cầu bên ngoài.” Bần đạo từ đây thấy thôi, của báu của mình tùy thân thọ dụng, có thể nói sống thích thú, không một pháp có thể thủ, không một pháp có thể xả, chẳng thấy một pháp tướng sanh diệt, chẳng thấy một vật tướng qua lại, khắp mười phương thế giới không có bằng hạt bụi mà chẳng phải của báu nhà mình. Chỉ tự quan sát kỹ càng, tâm mình một thể Tam Bảo, thường tự hiện trước, không thể nghi ngờ. Chớ suy xét, chớ tìm kiếm, tâm tánh xưa nay thanh tịnh. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tất cả pháp chẳng sanh, tất cả pháp chẳng diệt, nếu hay hiểu như thế, chư Phật thường hiện tiền.” Kinh Tịnh Danh nói: “Quán thân thật tướng, quán Phật cũng vậy.” Nếu chẳng theo thanh sắc mà động niệm, chẳng theo tướng mạo mà sanh hiểu, tự nhiên vô sự. Đi! Chớ đứng lâu. Trân trọng!

Hôm nay đại chúng nhóm họp mãi không giải tán.

Sư hỏi:

- Các người vì cớ sao ở đây mãi không đi? Bần đạo đã đối diện trình nhau, lại chịu thôi chẳng? Có việc gì khả nghi? Chớ lằm dưng tâm uống phí khí lực. Nếu có nghi ngờ, các người tùy ý thưa hỏi.

Có vị Tăng hỏi:

- Thế nào là Phật? Thế nào là Pháp? Thế nào là Tăng? Thế nào là một thể Tam Bảo?

Sư đáp:

- Tâm là Phật, chẳng cần đem Phật cầu Phật, tâm là Pháp, chẳng cần đem pháp cầu pháp, Phật Pháp hòa hợp không hai là Tăng, tức là một thể Tam Bảo. Kinh nói: “Tâm, Phật, Chúng sanh cả ba không khác.” Thân khẩu ý thanh tịnh gọi là Phật ra đời, ba nghiệp thanh tịnh gọi là Phật diệt độ. Dụ như khi giận thì không vui, khi vui thì không giận. Chỉ là một tâm, thật không hai thể. Bản trí sẵn vậy, vô lậu hiện tiền, như rấn hóa thành rồng không đổi vảy, chúng sanh hồi tâm thành Phật chẳng đổi mặt. Tánh vốn thanh tịnh chẳng đợi tu hành, có chứng có tu tức đồng người tăng thượng mạn. Chân không chẳng kẹt, ứng dụng không cùng, không thủy không chung. Người lợi căn đốn ngộ dụng không thứ bậc, tức là A-nậu-bồ-đề (Vô thượng chánh giác). Tâm không hình tướng tức là Sắc thân vi diệu. Không tướng là thật tướng pháp thân. Thể tánh tướng đều không tức là thân hư không vô biên. Muôn hạnh trang nghiêm tức là công đức Pháp thân. Pháp thân này là gốc của muôn hóa, tùy chỗ đặt tên: trí dụng không hết gọi là Vô tận tạng (kho không hết), hay sanh muôn pháp gọi là Bản pháp tạng (kho gốc các pháp), đủ tất cả trí gọi là Trí tuệ tạng (kho trí tuệ), muôn pháp về như gọi là Như lai tạng (kho như lai). Kinh nói: “như lai đó, tức nghĩa

như của các pháp”, lại nói: “Tất cả pháp sanh diệt thế gian, không có một pháp chẳng về như.”

*

Sư thọ bao nhiêu tuổi, tịch lúc nào và nơi nào, chẳng thấy ở đâu ghi.

*

16. THIÊN SƯ ẨN PHONG

(Đặng Ẩn Phong)

Sư họ Đặng, quê ở Thiên Võ, Phước Kiến. Trước Sư đến tham vấn Mã Tổ mà chưa nhận được chỗ huyền áo, Sư lại đến Thạch Đầu đôi ba phen vẫn không thấy đạo.

Lúc ở chỗ Thạch Đầu, Sư hỏi:- Làm sao được hội đạo?

Thạch Đầu bảo:- Ta cũng chẳng hội đạo.

- Cứu kính thế nào?

- Người bị cái ấy bao vây rồi!

Một hôm, Hòa thượng Thạch Đầu hốt cỏ. Sư khoanh tay đứng bên trái. Thạch Đầu xoay nhanh chiếc kéo sang trước mặt Sư hốt một gốc cỏ.

Sư thưa:

- Hòa thượng chỉ hốt được cái ấy, không hốt được cái này.

Thạch Đầu đưa chiếc kéo lên. Sư nắm chiếc kéo, làm thế hốt.

Thạch Đầu bảo:

- Người chỉ hốt được cái này, không hốt được cái ấy.

Sư không đáp được.

Sau, nơi Mã Tổ một câu nói, Sư ngộ đạo.

Một hôm, Sư đẩy xe đất, Mã Tổ ngồi duỗi chân trên đường.

Sư thưa:- Thỉnh Thầy rút chân.

Mã Tổ bảo:- Đã duỗi thì không rút.

- Đã tiến thì không lùi.

Sư bèn đẩy xe qua, cán chân Mã Tổ bị thương. Mã Tổ vào pháp đường cầm chiếc búa gọi:

- Vừa rồi ai đẩy xe cán chân Lão tăng bị thương, hãy ra đây!

Sư bước ra đưa cổ trước Mã Tổ. Mã Tổ liền dẹp búa.

*

Sư đến chỗ Nam Tuyên Phổ Nguyệt, thấy chúng Tăng đang thẩm vấn. Nam Tuyên chỉ tịnh bình bảo:

- Bình đồng (bình bằng đồng) là cảnh, trong bình có nước, chẳng được động đến cảnh, đem nước đến cho Lão tăng.

Sư bèn nắm tịnh bình đem đến trước mặt Nam Tuyên đổ nước.
Nam Tuyên bèn thôi.

*

Sư đến Qui Sơn vào nhà Tăng, cổi y bát bỏ chỗ Thượng tọa. Qui Sơn nghe Sư thúc đến, sửa soạn oai nghi vào nhà Tăng chào. Sư thấy Qui Sơn đến bèn làm thế nằm ngủ. Qui Sơn trở về phương trượng. Sư ra đi giây lâu, Qui Sơn hỏi thị giả:

- Sư thúc còn đó chẳng?

Thị giả thưa:- Đã đi.

- Khi đi có nói lời gì chẳng?

- Không nói lời nào.

- Chớ nói không nói lời nào, tiếng kia vang như sấm.

*

Sư mùa Đông ở Hoàn Nhạc, mùa Hạ dừng nơi Thanh Lương. Đời Đường khoảng niên hiệu Nguyên Hòa (806-821 T.L.), Sư định lên Ngũ Đài Sơn, đi đường đến Hoài Tây gặp Ngô Nguyên Tế khởi binh chống triều đình. Quân hai bên đang đánh nhau chưa phân hơn thua. Sư nghĩ: “ta phải cứu nạn này”, bèn ném tích trượng trong hư không, phi thân bay qua. Tướng sĩ hai bên trông thấy, tâm tranh đấu dứt sạch, liền rút quân. Sư đã dùng phép lạ, ngại làm mê hoặc quần chúng, bèn vào Ngũ Đài Sơn nơi hang Kim Cang thị tịch.

Trước khi thị tịch, Sư hỏi chúng:

- Tôi thường thấy các vị tiền bối khi tịch hoặc ngồi, hoặc nằm, có vị nào đứng tịch chẳng?

Chúng thưa:- Có.

Sư hỏi:- Có vị nào lộn ngược tịch chẳng?

- Chưa từng thấy.

Sư bèn lộn ngược mà tịch, nhưng y phục vẫn nguyên vẹn như đứng. Chúng định để vào áo quan trà-tỳ, mà xô không lung lay. Dân chúng xa gần đồn đãi nhau kéo đến xem đông vô số. Sư có người em gái xuất gia làm Ni cũng có mặt tại đây. Cô Ni ấy nắm thân Sư, vừa trách:

- Lão huynh ngày trước chẳng giữ luật, khi chết lại làm mê hoặc người.

Trách xong, cô xô một cái, thân Sư ngã xuống.

Chúng đem trà-tỳ lấy xá-lợi.

*

17. THIÊN SƯ HUỆ TẠNG

(Thạch Củng)

Lúc còn tại gia, Sư chuyên nghề săn bắn, không thích gặp các nhà tu. Một hôm, nhân đuổi bầy nai chạy qua trước am Mã Tổ, gặp Mã Tổ đứng trước.

Sư hỏi:- Hòa thượng thấy bầy nai chạy qua đây chẳng?

Mã Tổ hỏi lại:- Chú là người gì?

- Thợ săn.

- Chú bắn giỏi không?

- Bắn giỏi.

- Một mũi tên chú bắn được mấy con?

- Một mũi bắn được một con.

- Chú bắn không giỏi.

- Hòa thượng bắn giỏi không?

- Bắn giỏi.

- Một mũi tên Hòa thượng bắn được mấy con?

- Một mũi tên bắn được một bầy.

- Sanh mạng chúng nó, đâu nên bắn một bầy.

- Chú đã biết như thế, sao không tự bắn?

- Nếu dạy tôi bắn tức không có chỗ hạ thủ.

- Chú này phiền não vô minh nhiều kiếp, ngày nay chóng dứt.

Ngay khi đó, Sư ném cung bẻ tên, tự lấy dao cạo tóc, theo Mã Tổ xuất gia.

*

Một hôm, Sư làm việc ở nhà trù, Mã Tổ xuống hỏi:

- Làm việc gì?

Sư thưa:- Chăn trâu.

- Làm sao chăn?

- Một khi vào cỏ, bèn nắm mũi kéo lại.

- Con thật là chăn trâu.

*

Sư cùng Trí Tạng (Tây Đường) đi dạo chơi. Sư hỏi Trí Tạng:

- Sư đệ biết bắt hư không chẳng?

Trí Tạng đáp:- Biết bắt.

- Làm sao bắt được?

Trí Tạng lấy tay chụp hư không.

Sư bảo:- Làm thế ấy đâu bắt được hư không!

- Sư huynh làm sao bắt được?

Sư liền nắm mũi Trí Tạng kéo mạnh.

Trí Tạng đau quá la:- Giết chết lỗ mũi người ta! buông ngay!

Sư bảo:- Phải làm như thế mới bắt được hư không.

Trí Tạng về đến khuya mới nhận ra ý chỉ ấy.

*

Về sau, Sư trụ trì, thường dùng cung tên để tiếp độ người. Chúng Tăng đến tham vấn, Sư hỏi:

- Vừa rồi ở chỗ nào?

Vị Tăng thưa:- Ở.

- Ở chỗ nào?

Tăng khảy móng tay một tiếng, đến lễ bái Sư.

Sư hỏi:- Đem được cái này đến chăng?

- Đem được.

- Ở chỗ nào?

Tăng khảy móng tay ba tiếng, hỏi Sư:

- Thế nào khỏi được sanh tử?

- Dùng khỏi làm gì?

- Thế nào khỏi được?

- Đến ấy không sanh tử.

*

Không hiểu Sư tịch lúc nào và ở đâu.

*

18. THIỀN SƯ TRÍ TẠNG

Tây Đường - (735 - 814)

Sư họ Liệu, quê ở Kiên Hóa, xuất gia lúc tám tuổi, hai mươi lăm tuổi thọ giới cụ túc. Có ông thầy tướng thấy tướng Sư nói: “Thầy cốt cách phi phàm sẽ làm phụ tá cho vị Pháp vương.”

Sư tìm đến tham vấn Mã Tổ, được Mã Tổ chấp nhận chỉ dạy. Sư đồng nhập thất với Thiền sư Hoài Hải v.v... cũng đồng được ấn ký. Mã Tổ sai Sư đến Trường An dâng thơ cho Quốc sư Huệ Trung.

Quốc sư hỏi:- Thầy người nói pháp gì?

Sư từ bên Đông sang bên Tây đứng.

Quốc sư hỏi:- Chỉ cái ấy hay còn gì khác?

Sư trở lại bên Đông đứng.

Quốc sư bảo:- Cái đó là của Mã sư, còn người thế nào?

Sư thưa:- Đã trình tương tự với Hòa thượng.

*

Mã Tổ hỏi Sư:- Sao con chẳng xem kinh?

Sư thưa:- Kinh đâu có khác.

-Tuy nhiên như thế, song con về sau vì người cần phải xem.

- Con bệnh cần phải trị dưỡng, đâu dám nói vì người.
- Con lúc lớn tuổi sẽ làm Phật pháp hưng thịnh ở đời.

*

Sau khi Mã Tổ tịch, chúng thỉnh Sư khai đường giáo hóa, nhằm năm thứ bảy niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường (791 T.L.).

Thượng thư Lý Tường thường hỏi Tăng chúng:

- Mã Tổ có dạy pháp gì?

Tăng chúng đáp:

- Hoặc nói tức tâm tức Phật, hoặc nói phi tâm phi Phật.

Lý Tường nói:- Đều sai, bên ấy.

Lý Tường đến hỏi Sư:- Mã Tổ có dạy pháp gì?

Sư gọi:- Lý Tường!

Lý Tường đáp:- Dạ.

Sư bảo:- Gốc trống động.

*

Sư thượng đường dạy chúng:

- Nhân quả rõ ràng, phải làm sao, phải làm sao?

Có vị Tăng bước ra, lấy tay bôi dưới đất.

Sư hỏi:- Làm gì?

Tăng thưa:- Cứu nhau, cứu nhau.

Sư bảo:- Đại chúng! vị Tăng này vẫn còn chút ít so sánh.

Vị Tăng ấy phải áo chạy đi.

Sư bảo:- Trùng trong thân sư tử tự ăn thịt sư tử.

*

Có người thế tục đến hỏi Sư:

- Có thiên đường, có địa ngục chăng?

Sư đáp:- Có.

- Có Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo chăng?

- Có.

Người ấy hỏi nhiều vấn đề nữa, Sư đều đáp có. Người ấy thưa:

- Hòa thượng nói thế e lầm chăng?

- Ông đã hỏi vị tôn túc nào rồi mới đến đây chăng?

- Con đã hỏi Hòa thượng Cảnh Sơn.

- Hòa thượng Cảnh Sơn nói với ông thế nào?

- Ngài nói tất cả đều không.

- Ông có vợ chăng?

- Có.

- Hòa thượng Cảnh Sơn có vợ chăng?

- Không.

- Hòa thượng Cảnh Sơn nói không là phải.

Người ấy lẽ tạ lui ra.

Niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ chín (814 T.L.) ngày mùng tám tháng tư, Sư qui tịch, thọ tám mươi tuổi.

Vua Hiến Tông sắc ban hiệu là Đại Tuyên Giáo Thiên sư, tháp hiệu Nguyên Hòa Chứng Chơn.



19. THIÊN SƯ TRÍ THƯỜNG

(Qui Tông)

Lúc còn tại gia không rõ danh tánh và quê quán ở đâu. Người ta chỉ biết Sư đến tham vấn Mã Tổ, được đại ngộ. Sau từ giã Mã Tổ, Sư đi tìm nơi an trụ. Lúc Sư ra đi đồng thời với Sư Phổ Nguyện, Trí Kiên...

Sau, Sư an trụ tại chùa Qui Tông, ở Lô Sơn.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Các bậc cổ đức từ trước không phải chẳng hiểu biết, các ngài là bậc cao thượng chẳng đồng hạng thường. Người thời nay không thể tự thành tự lập, để thảng ngày qua sông. Các người chớ lằm dục tâm, không ai thế được người, cũng không có chỗ người dụng tâm. Chớ đến người khác tìm, từ trước chỉ nương người khác mà hiểu, nói ra đều kẹt, ánh sáng không thấy suốt, chỉ vì trước mắt có vật.

*

Có vị Tăng hỏi:- Thế nào là huyền chỉ?

Sư đáp:- Không người hay hội.

- Người hướng về thì sao?

- Có hướng tức trái.

- Người chẳng hướng về thì sao?

- Ai cầu huyền chỉ?

- Đi! Không có chỗ người dụng tâm.

- Đâu không có cửa phương tiện khiến học nhân được vào?

- Quan Âm sức diệu trí hay cứu khổ thế gian.

- Thế nào là sức diệu trí Quan Âm?

Sư gõ cái đỉnh ba tiếng, hỏi:- Người nghe chẳng?

- Nghe.

- Sao ta chẳng nghe?

Tăng không đáp được.

Sư cầm gậy đuổi ra.

*

Đại Ngu đến từ biệt Sư.

Sư hỏi:- Đi đâu?

- Đi các nơi học ngũ vị thiền.

- Các nơi có ngũ vị thiền, ta trong ấy chỉ có nhất vị thiền.

- Thế nào là nhất vị thiền?

Sư liền đánh.

Đại Ngu bỗng nhiên đại ngộ, thưa:- Ngưng, con hội rồi.

- Nói! nói!
Đại Ngu vừa nghĩ trả lời.
Sư lại đánh đuổi ra.

*

Sau, Đại Ngu đến Hoàng Bá đem việc này thuật lại, Hoàng Bá thượng đường dạy chúng:

- Mã đại sư sanh ra tám mươi bốn vị thiện tri thức, hỏi đến cái tiêu chảy, tiêu chảy đầy đất chỉ có Qui Tông.

*

Sư vào vườn hái rau, bèn vẽ một vòng tròn quanh bụi rau, bảo chúng: “Không được động đến cái này.” Toàn chúng đều không dám động. Giây lâu, Sư lại đến xem bụi rau, thấy còn nguyên, Sư bèn cầm gậy đuổi chúng Tăng bảo: “Cả bọn mà không có một người trí tuệ.”

*

Vân Nham đến tham vấn, Sư làm thế kéo cung. Vân Nham giây lâu mới làm thế rút kiếm. Sư bảo:

- Sao đến rất chậm?

*

Có vị Tăng đến từ già, Sư bảo:

- Lại gần đây, ta vì người nói Phật pháp.

Tăng đến gần.

Sư bảo:

- Các người trọn còn việc, người khi khác lại đến, trong ấy không người biết người. Trời lạnh trên đường khéo mà đi.

*

Sư thượng đường bảo:

- Nay tôi muốn nói thiền, các người tất cả lại gần đây.

Đại chúng tiến đến gần.

Sư bảo:- Các người nghe, hạnh Quan Âm khéo hiện các nơi chốn.

Tăng hỏi:- Thế nào là hạnh Quan Âm?

Sư khảy móng tay, hỏi:- Các người có nghe chăng?

- Nghe.

- Một bọn hưởng trong ấy tìm cái gì?

Sư cầm gậy đuổi ra, rồi cười lớn, vào phương trượng.

*

Thích sử Giang Châu là Lý Bột đến hỏi Sư:

- Trong kinh nói: “hạt cải để trong núi Tu-di”, Bột không nghi. Lại nói: “núi Tu-di để trong hạt cải”, phải là nói dối chăng?

Sư gạn lại:

- Người ta đồn Sử quân đọc hết muôn quyển sách phải chăng?

- Đúng vậy.

- Rờ từ đầu đến chân bằng cây dũa lớn, muôn quyển sách để chỗ nào?

Lý Bật cúi đầu lặng thinh.

*

Sư có làm bài tụng:

Qui Tông sự lý tuyệt

Nhật luân chánh đương ngộ

Tự tại như sư tử

Bất dữ vật y cổ

Độc bộ tứ sơn đánh

Ưu du tam đại lộ

Khiếm khư phi cầm trụ

Tần thân chúng tà bố

Cơ thụ tiền dị cập

Ảnh một thủ nan phú

Thi trượng nhược công kỹ

Tài tiền như xích độ

Xảo lữ vạn ban danh

Qui Tông hườn tợ thổ

Ngữ mặc âm thanh tuyệt

Chỉ diệu tình nan thố

Khí cá nhãn hườn huy

Thủ cá nhĩ hườn cổ

Nhất thốc phá tam quan

Phân minh tiền hậu lộ

Khả lân đại trượng phu

Tiên thiên vi tâm tổ.

Dịch:

Qui Tông sự lý bất

Mặt trời đứng giữa trưa

Tự tại như sư tử

Chẳng tựa nương nơi vật.

Riêng lên chót bốn núi

Dạo chơi ba đường lớn

Tiếng gầm chim thú rớt

Hầm hừ bọn tà kinh.

Máy dựng tên dễ đến
Bóng lặn tay khó che
Bày ra đường thợ khéo
Cắt xén thợ thước đo.
Chạm khéo muôn thứ tên
Qui Tông lại giống đất
Nói nín tiếng tâm dứt
Diệu chỉ tình khó dò.
Bỏ mắt kia thành điếc
Lấy tai nọ thành mù
Một dùi phủng ba cổng
Rõ ràng đường tên sau.
Đáng thương đại trượng phu!
Tiên thiên là tâm tổ.

*

Sau khi Sư tịch, vua ban sắc hiệu là Chí Chơn Thiên sư.

*

20. THIÊN SƯ PHÁP THƯỜNG

Đại Mai - (752 - 839)

Sư họ Trịnh, quê ở Tương Dương, lúc nhỏ xuất gia theo thầy ở chùa Ngọc Tuyền, Kinh Châu.

Ban sơ đến tham vấn Mã Tổ, Sư hỏi:- Thế nào là Phật?

Mã Tổ đáp:- Tức tâm là Phật.

Sư liền đại ngộ.

*

Đời Đường khoảng niên hiệu Trinh Nguyên (785-805 T.L.), Sư đến núi Đại Mai cách xa huyện Ngân bảy mươi dặm, kết cỏ làm am, ở ẩn trong rừng mai.

Trong hội Diêm Quan (chỗ giáo hóa của Thiên sư Tề An) có vị Tăng vào núi tìm cây gậy, lạc đường đến am Sư. Vị Tăng hỏi:

- Hòa thượng ở núi này được bao lâu?

Sư đáp:- Chỉ thấy bốn núi xanh lại vàng.

- Ra núi đi đường nào?

- Đi theo dòng suối.

Vị Tăng về thuật lại cho Thiên sư Tề An nghe, Tề An nói:

- Ta hồi ở chỗ Mã Tổ từng thấy một vị Tăng, sau này không biết tin tức gì, có phải là vị Tăng này chăng?

Tề An bèn sai vị Tăng ấy đi thỉnh Sư xuống núi.

Sư có bài kệ đáp:

Tồi tàn khô mộc ỷ hàn lâm
Kỷ độ phùng xuân bất biến tâm
Tiêu khách ngộ chi du bất cố
Dĩnh nhân na đắc khổ truy tâm.

Dịch:

Cây khô gãy mục tựa rừng xanh
Mấy độ xuân về chẳng đổi lòng
Tiêu phu trông thấy nào đoái nghĩ
Dĩnh khách thôi thì chớ kiếm tìm.

*

Mã Tổ nghe Sư ở núi bèn sai một vị Tăng đến thăm dò.

Tăng đến hỏi Sư:

- Hòa thượng gặp Mã Tổ đã được cái gì? về ở núi này?

Sư đáp:

- Mã Tổ nói với tôi: “tức tâm là Phật”, tôi bèn đến ở núi này.

- Gần đây Mã Tổ lại nói “phi tâm phi Phật”.

- Ông già mê hoặc người chưa có ngày xong, mặc ông phi tâm phi Phật, tôi chỉ biết “tức tâm là Phật”.

Vị Tăng trở về thưa lại Mã Tổ những lời Sư nói.

Mã Tổ nói với đại chúng:- Đại chúng! trái Mai đã chín.

Từ đây nhiều vị Thiền khách đến tham vấn Sư.

*

Cư sĩ Long Uẩn muốn thí nghiệm Sư, tìm đến phỏng vấn, vừa gặp Sư ông liền hỏi:

- Nghe danh Đại Mai đã lâu, chẳng biết trái Mai chín chưa?

Sư đáp:- Chín! Ông nhằm chỗ nào mà hỏi?

- Trăm thứ vụn vặt lẫn lộn.

Sư duỗi tay bảo:- Trả hạt trái cho ta.

Cư sĩ im lặng.

Sư thượng đường dạy chúng:

Tất cả các người mỗi người tự xoay tâm lại tận nơi gốc, chớ theo ngọn của nó. Chỉ được gốc thì ngọn tự đến. Nếu muốn biết gốc cần rõ tâm mình. Tâm này nguyên là cội gốc tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, tâm sanh thì

các thứ pháp sanh, tâm diệt thì các thứ pháp diệt. Tâm chẳng tựa tất cả thiện ác, mà sanh muôn pháp, vốn tự như như.

*

Hiệp Sơn cùng Định Sơn đồng đi đường cùng nói chuyện với nhau.

Định Sơn nói:- Trong sanh tử, không Phật tức phi sanh tử.

Hiệp Sơn nói:- Trong sanh tử, có Phật tức chẳng mê sanh tử.

Hai người lên núi lễ vấn Sư. Hiệp Sơn đem câu nói của hai người thuật lại Sư nghe và hỏi Sư:

- Chưa biết chỗ thấy của hai người ai được thân (gần gũi)?

Sư bảo:- Một thân một sơ.

- Ai được thân?

- Hãy đi sáng mai lại.

Sáng hôm sau Hiệp Sơn lại đến hỏi Sư.

Sư bảo:- Người thân thì chẳng hỏi, người hỏi thì chẳng thân.

*

Bên núi Đại Mai có một pho đá, tương truyền là chỗ để thuốc của thần tiên. Một đêm, Sư nằm mộng thấy có thần nhân đến bảo:

- Thầy không phải phạm phu, trong pho đá có quyển sách thánh, người nhận được là chủ cõi này, chẳng thế cũng là bực đế vương.

Ngay trong mộng Sư đáp:

- Xưa Tăng Trù không màng đến kinh tiên thì quyển kinh ấy tự mất. Tôi lấy Niết-bàn tự vui, tuổi thọ kia đâu thể cùng trời đồng ư?

Thần nói:- Đất này là linh phủ, người thế tục ở đây liên sanh tai biến.

Sư bảo:- Tôi tạm ẩn nơi làng Mai Úy, chẳng phải chiếm lâu.

*

Chợt một hôm, Sư gọi đồ chúng đến bảo:

- Đến không thể kèm, đi không thể tìm.

Sư thản nhiên lạng lẽ, nghe tiếng chuột kêu, Sư lại hỏi:

- Tức vật này không phải vật khác, các người phải khéo gìn giữ. Nay ta đi đây.

Nói xong, Sư thị tịch, thọ tám mươi tám tuổi.

PHỤ.

Sau này Thiền sư Trí Giác có làm bài tán Diên Thọ rằng:

Sư sơ đắc đạo

Tức tâm thị Phật

Tối hậu thị đồ

Vật phi tha vật

Cùng vạn pháp nguyên

Triệt thiên thánh cốt
Chân hóa bất di
Hà phòng xuất một

Dịch:

Sư mới được đạo
Tức tâm là Phật
Rốt sau dạy chúng
Vật chẳng vật khác.
Tốt nguồn muôn pháp
Thấu xương muôn thánh
Hóa thật chẳng đời
Ngại gì còn mất.

*

21. THIÊN SƯ VÔ NGHIỆP

(760 - 821)

Sư họ Đỗ, quê ở Thượng Lạc, Thương Châu. Mẹ Sư họ Lý, một hôm bà nghe trong hư không có tiếng nói “cho ở nhờ được chẳng”, bà liền biết có thai. Sư lọt lòng mẹ nhằm lúc ban đêm, có hào quang sáng đầy nhà. Được bốn năm tuổi mà Sư đi thì nhìn thẳng, ngồi thì tréo kiết già.

Đến chín tuổi, Sư theo Thiên sư Chí Bản ở chùa Khai Nguyên học kinh Đại thừa. Năm mười hai tuổi, Sư cạo tóc xuất gia. Hai mươi tuổi, Sư thọ giới cụ túc với Luật sư U ở Nhưỡng Châu. Sư học luật Tứ phần vừa xong, liền vì chúng diễn giảng. Sư giảng kinh Đại Niết-bàn suốt mùa hạ mùa đông chẳng dừng.

*

Nghe tiếng Mã Tổ, Sư tìm đến yết kiến.

Mã Tổ thấy tướng mạo Sư kỳ đặc, tiếng nói thanh như chuông, bèn bảo:

- Cao lớn nghiêm chỉnh mà trong ấy không Phật.

Sư lễ bái, quì thưa:

- Về kinh điển con hiểu biết đơn sơ, thường nghe thiên môn “tức tâm là Phật” thật chưa hiểu thấu.

- Chỉ cái tâm chưa hiểu đó là phải, lại không có vật khác.

- Thế nào là mật truyền tâm ấn của Tổ sư từ Ấn Độ sang?

- Đại đức chính đang ồn. Hãy đi! Khi khác lại.

Sư vừa đi, Mã Tổ gọi:- Đại đức!

Sư xoay đầu lại.

Mã Tổ hỏi:- Là cái gì?

Sư liền lãnh hội, lễ bái.

Mã Tổ bảo:- Kể độn, lễ bái làm gì?

*

Sau khi nhận được ý chỉ, Sư tìm đến Tào Khê lễ tháp Lục Tổ và đi viếng Lô Sơn, Thiên Thai... các thánh tích. Sư lại đến Thanh Lương, dừng ở chùa Kim Các tám năm để xem Đại Tạng Kinh. Sau đó, Sư sang phương Nam đến Tây Hà gặp Thích sử Đồng Thúc Triền thỉnh Sư ở lại tịnh xá Khai Nguyên.

Sư nói:- Duyên của ta ở đây vậy.

Ở đây hơn hai mươi năm, Sư xiển dương thiền học, các nơi đều nghe tiếng, người học đạo tìm đến càng ngày càng đông. Đáp những câu hỏi của người, Sư thường nói câu:

- Chớ vọng tưởng.

*

Sư dạy chúng:

- Chư Phật chưa từng ra đời, cũng không có một pháp dạy người, chỉ tùy bệnh cho thuốc nên có mười hai phân giáo, như lấy chuỗi ngọc nhét thuốc đắng vào, cốt gột sạch gốc nghiệp cho các người.

Những vị cổ đức xưa, sau khi hội được ý chỉ, bèn cất am tranh hoặc ở thất đá, nấu cơm bằng lò bễ, như vậy trải hơn hai, ba mươi năm, danh lợi không bận lòng, tiền của chẳng phiến nghĩ, quên cả người đời, ở ẩn chốn núi rừng, vua chúa mời chẳng đến, chư hầu thỉnh cũng chẳng đi. Đâu như chúng ta ngày nay, tham danh mến lợi, chìm đắm trong bụi đời, như bọn con buôn.

Bồ-tát học Bát-nhã không được khinh mạn, như đi trên băng, như chạy trên kiếm bén. Khi lâm chung một mảy tình phàm lượng thánh chưa sạch, chút bụi tư niệm chưa quên liền tùy niệm thọ sanh, thọ thân năm ấm nặng hay nhẹ, đến trong thai lứa bụng ngựa, hoặc gá sanh trong địa ngục chịu vạc dầu sôi, đồng cháy quán mình. Từ trước những ghi nhớ nghĩ tưởng, hiểu biết trí tuệ thủy đều một thời mất hết. Sau đó lại sanh làm trùng, kiến, làm muỗi mòng. Tuy là nhân lành mà mắc quả dữ, lại mong điều gì?

Huynh đệ! chỉ vì tham dục thành tánh nên hai mươi lăm cõi ràng buộc chân mình, không biết chừng nào xong xuôi. Tổ sư xem chúng sanh cõi này (Trung Hoa) có căn tánh Đại thừa nên chỉ truyền tâm ấn để dạy mê tình. Người được đó chẳng chọn phàm thánh, ngu hay trí, vả lại nhiều rộng, không bằng ít thật. Kể đại trượng phu hiện nay thẳng đó liền hết sạch, chóng dứt muôn duyên, vượt khỏi dòng sanh tử, ra ngoài tánh cách tầm thường. Linh quang riêng chiếu, vật không thể buộc, vôi vôi rờ rờ riêng đi trong tam giới. Đâu chỉ thân cao trượng sáu vàng ròng chói sáng, cổ đeo vòng bóng, tướng lưỡi rộng dài. “Nếu lấy sắc thấy ta là hành đạo tà.” Dù có quyến thuộc, chẳng cầu mà tự được, quả

đất núi sông chẳng ngại mắt sáng, được đại tổng trì, một nghe ngàn ngộ, trọn chẳng cần giá trị bằng bữa ăn.

Các người nếu chẳng như thế, Tổ sư đến cõi này chẳng phải thường, có tổn mà có ích. Có ích là trong ngàn người chọn lọc được một người, nửa người là pháp khí. Có tổn, như đoạn trước đã nói. Theo kinh điển ba thừa tu hành chẳng ngại được tứ quả tam hiền, có phần tiến tu. Sở dĩ tiên đức nói: “Liều tức nghiệp chướng xưa nay không, chưa liễu trở lại đền nợ trước.”

*

Vua Hiến Tông nhà Đường nhiều phen thỉnh Sư, Sư đều lấy lý do bệnh từ chối không đến. Đến Mục Tông lên ngôi lại sai Lương nhai Tăng lục là Linh Phụ v.v... đến thỉnh Sư. Những vị này đến làm lễ thưa:

- Hoàng thượng ân chỉ phen này chẳng giống lúc thường, xin Hòa thượng hãy thuận thiên tâm, không nên nói bệnh.

Sư cười chúm chím nói:

- Bần đạo có đức gì làm phiền Thế chủ. Mời các Ngài đi trước, tôi sẽ đi đường riêng.

Sư bèn tắm gội, đến nửa đêm bảo đệ tử Huệ Âm v.v...

- Các người! tánh thấy nghe hiểu biết cùng hư không đồng tuổi, chẳng sanh chẳng diệt, tất cả cảnh giới vốn tự không lặng, không một pháp có thật, người mê không hiểu bị cảnh làm lầm, trôi lăn không cùng. Các người phải biết, tâm tánh vốn tự có, chẳng phải do tạo tác, ví như Kim cang không thể phá hoại. Tất cả pháp như bóng như vang không có thật. Cho nên kinh nói: “Chỉ đây một việc thật, ngoài hai thì chẳng chân.” Thường hiểu tất cả không, không một vật hợp tình, là chỗ chư Phật dụng tâm. Các người cố gắng thật hành!

Nói xong, Sư ngồi kiết già thị tịch. Ngày thiêu Sư, có mây lành năm sắc, mùi hương lạ khắp bốn phương, được xá-lợi như ngọc sáng. Sư thọ sáu mươi hai tuổi, bốn mươi hai tuổi hạ. Vua sắc ban hiệu là Đại Đạt Quốc sư, tháp hiệu Trường Nguyên.

*

22. THIÊN SƯ ĐẠO NGỘ

Thiên Vương Đạo Ngộ - (716 - 808)

Sư xuất gia lúc mười lăm tuổi, đến hai mươi ba tuổi thọ giới cụ túc. Năm ba mươi tuổi, Sư yết kiến Thạch Đầu, được nhiều lần chỉ dạy mà Sư không khế hội. Kế đó, Sư đến yết kiến Quốc sư Huệ Trung. Năm ba mươi bốn tuổi, Sư cùng thị giả Ứng Chơn đến yết kiến Mã Tổ.

Mã Tổ bảo:

- Nhận biết tâm mình xưa nay là Phật, chẳng thuộc thứ lớp, chẳng nhờ tu hành, thể tự nó như, muôn đức tròn đầy. Ngay câu nói này Sư đại ngộ.

Mã Tổ dặn:- Nếu trụ trì, người chớ rời chỗ cũ.

*

Sư nhờ chỉ dạy rồi, trở về Kinh Châu cất một am tranh ở ngoài thành không xa.

Tiết sử họ Lư đến phỏng vấn Sư, Sư không đáp lễ. Tiết sử nổi nóng bắt Sư đem ném xuống sông. Tiết sử về đến nha môn thấy khắp nhà đều phát hỏa, lại nghe trong hư không có tiếng quả trách của thần Thiên Vương. Tiết sử lễ tạ xin sám hối, phút chốc lửa tắt, nha môn vẫn còn nguyên, Tiết sử đích thân đi đến bờ sông rước Sư, thấy Sư ở trong nước mà không ướt y, ông càng thêm quý kính. Ông tạo ngôi chùa Thiên Vương ở phía tây phủ, cúng dường cho Sư.

*

Sùng Tín hỏi:- Từ trước việc truyền trao thế nào?

Sư đáp:- Chẳng phải sáng, chỗ người đến chẳng được.

- Con mắt ấy, mấy người được đủ?

- Cỏ úa đổi thành lâu đài.

*

Có vị Tăng hỏi:- Thế nào là nói huyền diệu?

Sư bảo:- Chớ bảo ta hiểu Phật pháp là tốt.

- Nỡ để học nhân ôm nghi mãi sao?

- Sao chẳng hỏi Lão tăng?

- Hiện nay đã hỏi.

- Đi! không phải chỗ người nương tựa.

*

Thường ngày, Sư hay nói: “Sống vui! sống vui!” Đến khi sắp qui tịch, Sư kêu: “khổ! khổ!” lại nói “Diêm vương đến bắt ta”.

Viện chủ hỏi:

- Đương thời Hòa thượng bị Tiết sử ném xuống sông mà thân sắc chẳng động, hôm nay sao lại thế ấy?

Sư đưa chiếc gối lên, bảo:- Người nói đương thời phải, hôm nay phải?

Viện chủ không đáp được.

*

Sư nhập diệt ngày mười ba tháng mười niên hiệu Nguyên Hòa thứ ba (808 T.L.), thọ tám mươi hai tuổi, sáu mươi ba tuổi hạ.

*

23. THIÊN SỬ LINH MẶC

(747 - 818)

Sư họ Tuyên, quê ở Tỳ Lăng. Ban sơ Sư đến yết kiến Mã Tổ, nhân đây hiểu đạo mới cạo tóc xuất gia thọ giới cụ túc.

Sư đến yết kiến Thạch Đầu, tự hứa nếu một câu khế hợp thì ở, chẳng hợp liền đi. Nhưng khi thưa hỏi, Sư vẫn không khế hợp. Sư bèn ra đi. Thạch Đầu theo sau đến cửa ngoài, liền gọi:

- Xà-lê!

Sư xoay đầu lại.

Thạch Đầu bảo:

- Từ sanh đến tử chỉ là cái ấy, xoay đầu chuyển não làm gì?

Sư nhân câu nói này liền đại ngộ, dừng lại đây hai năm.

*

Đời Đường niên hiệu Trinh Nguyên năm đầu (785 T.L.), Sư vào núi Thiên Thai ở đạo tràng Bạch Sa, lại đến Ngũ Duệ.

Có vị Tăng hỏi:- Có vật gì lớn trùm trời đất?

Sư đáp:- Không người biết được y.

- Lại có thể đục giữa chằng?

- Người thử hạ thủ xem.

- Cái nấy trong thiên môn, việc trước sau, thế nào?

- Người nói trước mắt, từ thành đến nay bao lâu?

- Học nhân chẳng hội.

- Ta khoảng này không có người hỏi.

- Hòa thượng đâu không có chỗ tiếp người?

- Đợi người cần tiếp ta sẽ tiếp.

- Thỉnh Hòa thượng tiếp.

- Người thiếu thốn chỗ nào?

- Làm sao được không tâm?

- Dời non lấp biển vẫn an nhiên lặng lẽ, động đất vẫn ngủ yên, đâu lay động được y.

*

Niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ mười ba (818 T.L.), ngày hai mươi ba tháng ba, Sư tắm gội xong, thấp hương ngồi ngay thẳng, bảo chúng:

- Pháp thân hoàn toàn lặng lẽ, thị hiện có đến đi, ngàn thánh đồng nguồn, vạn linh về một. Nay ta bặt tan đâu bởi hưng suy, không tự nhọc thân phải giữ chánh niệm. Nếu tuân lời dạy này là đền ơn ta, bằng cố trái lời chẳng phải con ta.

Có vị Tăng hỏi:- Hòa thượng đi về đâu?
Sư bảo:- Không có chỗ đi.
- Sao con chẳng thấy?
- Chẳng phải chỗ mắt thấy.
Nói xong, Sư an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi hai tuổi, bốn mươi một tuổi hạ.

*

24. THIỀN SƯ DUY KHOAN

(755 - 817)

Sư họ Chúc, quê ở Tín An, Cù Châu. Lúc mười ba tuổi Sư thấy người sát sanh, bất nhẫn không nỡ ăn thịt, cầu xin xuất gia. Xuất gia rồi, lúc đầu Sư học Luật, kế tập tu chỉ quán. Sau, Sư tìm đến yết kiến Mã Tổ, nơi đây Sư ngộ được tâm yếu.

Đời Đường niên hiệu Trinh Nguyên thứ sáu (790 T.L.), Sư đi du phương. Sau này, Sư dừng ở chùa Thiếu Lâm tại Tung Sơn.

Có vị Tăng đến hỏi: - Thế nào là đạo?

Sư đáp:- Núi rất tốt.

- Con hỏi đạo, sao Thầy nói núi tốt?

- Người chỉ biết núi tốt đâu từng đạt đạo?

*

Vị Tăng khác hỏi:- Con chó có Phật tánh không?

Sư đáp:- Có.

- Hòa thượng có chăng?

- Ta không.

- Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tại sao riêng Hòa thượng lại không?

- Ta chẳng phải tất cả chúng sanh.

- Đã chẳng phải chúng sanh, là Phật chăng?

- Chẳng phải Phật.

- Cứu kính là vật gì?

- Cũng chẳng phải vật.

- Có thể thấy, có thể nghĩ chăng?

- Nghĩ đó chẳng đến, bàn đó chẳng được. Cho nên nói: “Không thể nghĩ bàn.”

*

Niên hiệu Nguyên Hòa thứ tư (809 T.L.), vua Hiến Tông thỉnh Sư về kinh đô. Bạch Cư Dị thường đến thăm hỏi Sư.

Bạch Cư Dị hỏi:- Đã nói Thiền sư sao lại thuyết pháp?

Sư đáp:

- Vô thượng Bồ-đề, trùm nơi thân là Luật, nói ra miệng là Pháp, hành nơi tâm là Thiền. Ứng dụng thì có ba, chỗ tốt cùng chỉ có một. Ví như sông Hồ, sông Hán, sông Hoài tùy chỗ đặt tên, tên tuy chẳng phải một, mà tánh nước không hai. Luật tức là Pháp, Pháp chẳng lìa Thiền, sao trong đó vọng khởi phân biệt?

- Đã không phân biệt lấy gì tu tâm?

- Tâm vốn không tổn thương, tại sao cầu tu sửa? Không luận nhơ cùng sạch, tất cả chớ khởi niệm.

- Nhơ tức không nên niệm, sạch không niệm được sao?

- Như trong tròng con mắt người, không thể dính một vật gì, mặt vàng tuy quý báu, dính cũng thành bệnh.

- Không tu không niệm thì đâu khác phạm phu?

- Phạm phu thì vô minh, Nhị thừa thì chấp trước, lìa hai bệnh này gọi là chân tu. Người chân tu không được chăm chú, không được quên lãng, chăm chú thì gần chấp trước, quên lãng liền rơi vào vô minh. Đây là tâm yếu vậy.

*

Tăng hỏi:- Đạo ở chỗ nào?

Sư đáp:- Ở trước mắt.

- Sao con không thấy?

- Vì người có ngã nên không thấy.

- Con có ngã nên không thấy, Hòa thượng thấy chẳng?

- Có người có ta nên rồi cũng chẳng thấy.

- Không con không Ngài lại thấy chẳng?

- Không người không ta còn ai cần thấy?

*

Niên hiệu Nguyên Hòa thứ mười một (817 T.L.), ngày ba mươi tháng hai, Sư thăng đường thuyết pháp xong liền thị tịch, thọ sáu mươi ba tuổi, hai mươi chín tuổi hạ. Vua sắc ban hiệu là Đại Triệt Thiền sư, tháp hiệu Nguyên Hòa Chánh Chơn.

*

25. THIÊN SƯ NHƯ HỘI

(742 - 821)

Sư quê ở Thủy Hưng, Khúc Giang. Ban sơ đến tham vấn Cảnh Sơn, sau mới đến yết kiến Mã Tổ. Nơi Mã Tổ, Sư ngộ yếu chỉ Thiền tông.

Về sau, Sư trụ trì Đông Tự, học chúng rất đông đến nỗi nhà Tăng giường chõng gãy vẹo, thời nhân gọi “hội giường gãy”.

Mã Tổ tịch rồi, Sư thường lo môn đồ lấy câu “tức tâm tức Phật” học thuộc lòng tụng mãi. Vì thế Sư bảo: Nói Phật trụ ở đâu, mà sao “tức tâm”. Tâm như ông thợ vẽ, mà sao “tức Phật”? Sư bèn dạy chúng:

- Tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo. Kiếm rơi đã lâu, người mới khắc dấu thuyền.

*

Tướng quốc Thôi Công Quần bị đỗi ra Hồ Nam làm Quán sát sử, đến yết kiến Sư, hỏi:

- Thầy lấy gì được?

Sư đáp:- Thấy tánh là được.

Ít lâu sau, Sư bị bệnh con mắt. Thôi Công Quần ngạo rằng:

- Đã nói thấy tánh, tại sao con mắt như thế?

Sư bảo:- Thấy tánh không phải do mắt, con mắt bệnh có hại gì?

Thôi Công Quần lễ tạ sám hối.

*

Sư hỏi Nam Tuyên: - Vừa rồi chỗ nào đến?

- Giang Tây.

- Đem được hình Mã đại sư đến chăng?

- Chỉ thế ấy.

- Sau lưng rồi.

Nam Tuyên không đáp.

*

Ngưỡng Sơn (Huệ Tịch) đến tham vấn.

Sư hỏi:- Người người ở đâu?

Ngưỡng Sơn thưa:- Người Quảng Nam.

- Ta nghe ở Quảng Nam có hạt minh châu trấn hải phải chăng?

- Phải.

- Hạt châu ấy thế nào?

- Ba mươi thì ẩn, rằm thì hiện.

- Lại đem đến được chăng?

- Đem đến được.

- Sao chẳng trình tương tự cho Lão tăng?

Ngưỡng Sơn khoanh tay đến gần thưa:

- Vừa đến Qui Sơn cũng bị đòi hạt châu này, bèn được không lời có thể
đáp, không lý có thể bày.

Sư khen:- Thật là sư tử con rồng rất giỏi!

Ngưỡng Sơn lễ bái.

*

Có người hỏi Sư:

- Con tính thỉnh Hòa thượng khai đường (mở cửa giáo hóa) được chăng?

Sư đáp:- Đợi đem vật vùi trong hòn đá mà nóng thì được.

Vị ấy không thể đáp.

*

Niên hiệu Trường Khánh (821 T.L.), ngày mười chín tháng tám năm Quý
Mão, Sư qui tịch, thọ tám mươi tuổi. Vua sắc phong hiệu là Truyền Minh Đại
sư, thụy hiệu Vĩnh Tế.

*

26. THIÊN SƯ BẢO TRIỆT

(Ma Cốc)

Một hôm, theo Mã Tổ đi dạo, Sư hỏi Mã Tổ:

- Thế nào là Đại Niết-bàn?

Mã Tổ đáp:- Gấp!

- Gấp cái gì?

- Xem nước.

*

Sư cùng Nam Tuyền, Qui Tông đến yết kiến Cảnh Sơn, đi đường gặp
một bà già. Sư hỏi:

- Cảnh Sơn đi đường nào bà?

Bà già đáp:- Đi thẳng.

- Đầu trước nước sâu qua được chăng?

- Chẳng ướt gót chân.

- Bờ trên lúa trúng gai tốt, bờ dưới lúa trúng gai gầy?

- Thủy bị cua ăn hết.

- Nếp thơm ngon.

- Hết mùi hơi.

- Bà ở chỗ nào?

- Chỉ ở trong ấy.

Ba người đồng vào quán ngồi. Bà già nấu một bình trà, bưng ba chén
chung đến hỏi:

- Hòa thượng có thần thông thì uống trà?
Ba người nhìn nhau chưa nói câu nào.
Bà già liền bảo:- Xem kẻ già này trình thần thông đây.
Nói xong bà cầm chung nghiêng bình rót trà, rồi đi.

*

Sư cùng Đơn Hà đi dạo núi, thấy cá lội trong nước, Sư lấy tay chỉ. Đơn Hà nói:

- Thiên nhiên! Thiên nhiên!
Đến hôm sau, Sư hỏi Đơn Hà:- Hôm qua ý thế nào?
Đơn Hà nháy tới làm thế nằm.
Sư nói:- Trời xanh.

*

Sư cùng Sơn Hà đi đến núi Ma Cốc. Sư hỏi:
- Tôi đến trong đó trụ.
Đơn Hà nói:- Trụ tức lại trở về, có cái này không?
Sư nói:- Trân trọng!

*

Có vị Tăng đến hỏi:
- Mười hai phần giáo con chẳng nghi. Thế nào ý Tổ sư từ Ấn Độ qua?
Sư bèn đứng dậy lấy trượng xoay quanh thân một vòng, đứng một chân,
bảo:

- Hội chăng?
Tăng thưa:- Không hội.
Sư liền đánh.

*

Tăng hỏi:- Thế nào là đại ý Phật pháp?
Sư lặng thinh.

*

Đam Nguyên hỏi:- Quan Âm mười hai mặt là phàm là thánh?
Sư đáp:- Là thánh.
Đam Nguyên liền đánh Sư một cái.
Sư bảo:- Biết ông chẳng đến cảnh giới ấy.

*

27. THIÊN SƯ TỀ AN

Sư họ Lý, quê ở quận Hải Môn. Khi Sư ra đời có hào quang chiếu đầy nhà, lại có vị Tăng lạ đến nói: “Sứ giả dựng cờ vô thắng, xoay mặt trời Phật soi

trở lại, đâu không phải người này?” Lớn lên, Sư xuất gia với Thiền sư Vâng Tông tại bản quận.

Sau, Sư nghe Mã Tổ giáo hóa ở núi Cung Công, bèn tìm đến yết kiến. Mã Tổ thấy Sư có tướng lạ liền thân nhận và cho vào thất thâm dạy chánh pháp.

*

Về sau, Sư trụ viện Hải Xương tại Diêm Quan Trấn Quốc ở Hàng Châu để hoằng hóa. Thời nhân gọi là hội Diêm Quan.

Có vị Tăng đến hỏi: - Thế nào là bản thân Phật Lô-xá-na?

Sư bảo:- Đem cái bình đồng kia đến cho ta.

Vị Tăng liền lấy tịnh bình đem lại.

Sư bảo:- Đem để lại chỗ cũ.

Vị Tăng đem bình để lại chỗ cũ rồi, bèn hỏi lại câu trước.

Sư bảo:- Phật xưa đã quá khứ lâu rồi.

*

Có vị Giảng sư đến tham vấn.

Sư hỏi:- Tọa chủ chứa chất sự nghiệp gì?

Giảng sư đáp:- Giảng kinh Hoa Nghiêm.

- Có mấy thứ pháp giới?

- Nói rộng thì có lớp lớp không cùng, nói lược có bốn thứ pháp giới.

Sư dựng đứng cây phát tử, hỏi:

- Cái này là pháp giới thứ mấy?

Giảng sư trầm ngâm lựa lời để đáp.

Sư bảo:

- Suy mà biết, nghĩ mà hiểu là kẻ sống nhà quỉ, ngọn đèn côi dưới trời quả nhiên mất chiếu.

*

Có vị Tăng hỏi Đại Mai (Pháp Thường):

- Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ qua?

Đại Mai đáp: - Tổ sư từ Ấn Độ qua không ý.

Sư nghe câu chuyện này bèn nói: “Một cái quan tài, hai cái tử thi.”

*

Sư gọi thị giả:- Đem cái quạt tê ngưu lại đây.

Thị giả thưa:- Rách rồi.

- Quạt đã rách, trả con tê ngưu lại cho ta!

Thị giả không đáp được.

*

Một hôm, Sư bảo chúng:

- Hư không là trống, Tu-di là dùi, người nào đánh được?

Chúng đều không đáp được.

*

Có Thiền sư Pháp Không đến thưa hỏi những nghĩa lý trong kinh, mỗi mỗi Sư đáp xong, Sư bèn bảo:

- Từ Thiền sư lại đến giờ, bản đạo thầy đều không được làm chủ nhân.

Pháp Không thưa:- Thỉnh Hòa thượng làm chủ nhân lại.

Sư bảo:

- Ngày nay tối rồi hãy về chỗ cũ nghỉ ngơi, đợi sáng mai sẽ đến.

Sáng sớm hôm sau, Sư sai Sa-di đi mời Thiền sư Pháp Không. Pháp Không đến, Sư nhìn Sa-di bảo:

- Bậy! Ông Sa-di này không hiểu việc, dạy mời Thiền sư Pháp Không, lại mời cái người giữ nhà đến!

Pháp Không chẳng đáp được.

*

Viện chủ Pháp Hân đến tham vấn.

Sư hỏi:- Ông là ai?

- Pháp Hân.

- Tôi không biết ông.

Pháp Hân không đáp được.

*

Sau, Sư không bệnh ngồi an nhiên thị tịch. Vua sắc phong hiệu Ngô Không Thiền sư.

*

28. CỬ SĨ LONG UẨN

Ông người huyện Hành Dương, Xung Châu, tự là Đạo Huyền, gia thế chuyên nghiệp Nho, đời sống rất thanh đạm, hiểu ngộ ít phần trần lao, quyết chí cầu giải thoát.

Đời Đường niên hiệu Trinh Nguyên năm đầu (785 T.L.), ông đến yết kiến Hòa thượng Thạch Đầu, hỏi:

- Chẳng cùng muôn pháp làm bạn là người gì?

Thạch Đầu lấy tay bụm miệng ông. Ông bỗng nhiên tỉnh ngộ.

Một hôm Thạch Đầu hỏi:

- Từ ngày ông thấy Lão tăng đến nay hằng ngày ông làm việc gì?

Ông thưa:

- Nếu hỏi việc làm hằng ngày tức không có chỗ mở miệng.

Ông liền trình một bài kệ:

Nhật dụng sự vô biệt
Duy ngô tự ngẫu hài
Đầu đầu phi thủ xả
Xứ xứ vật tương oai
Châu tử thù vi hiệu
Khứ sơn tuyết điểm ai
Thần thông tịnh diệu dụng
Vận thủy cập ban sai.

Dịch:

Hằng ngày không việc khác
Chỉ tôi tự biết hay
Vật vật chẳng bỏ lấy
Chỗ chỗ nào trái bày
Đổ tí gì làm hiệu
Núi gò bật trần ai
Thần thông cùng diệu dụng
Gánh nước bữa củi tài.

Thạch Đầu hứa khả, bảo:- Ông làm cư sĩ hay làm xuất gia?

Ông thưa:- Xin cho con theo sở nguyện không cạo tóc xuất gia.

Ông đến tham vấn Mã Tổ, hỏi:

- Chẳng cùng muôn pháp làm bạn là người gì?

Mã Tổ bảo:

- Đợi miệng ông hút hết nước Giang Tây, ta sẽ nói với ông.

Ngay câu nói này, ông ngộ được huyền chỉ. Ông dừng ở chỗ Mã Tổ hai năm.

*

Sau khi đốn ngộ, ông về nhà lấy thuyền chở của cải đem đổ xuống sông Tương. Ông chỉ cất một cái thất nhỏ ở tu hành. Có người con gái tên Linh Chiếu thường theo hầu hạ, chuyên việc chẻ tre bện sáo bán nuôi cha.

Ông có làm bài kệ:

Hữu nam bất thú
Hữu nữ bất giá
Đại gia đoàn biến đầu
Cộng thuyết vô sanh thoại.

Dịch:

Có trai không cưới

Có gái không gả
Cả nhà chung hội họp
Đồng bàn lời vô sanh.

Ông nói năng lanh lợi, các nơi đều nghe tiếng. Ông thường đến các chỗ giảng kinh phát tâm tùy hỷ.

Có vị Sư giảng kinh Kim Cang đến chỗ “vô ngã vô nhân”. Ông bèn hỏi:
- Tọa chủ đã “vô ngã vô nhân” (không ta không người), vậy ai giảng ai nghe?

Tọa chủ không đáp được.

Ông nói:- Tuy tôi là người tục cũng tin biết thô thiển.

Tọa chủ hỏi:- Theo cư sĩ ý thế nào?

Ông bèn giải bằng bài kệ:

Vô ngã phục vô nhân
Tác ma hữu sơ thân
Khuyến quân hưu lịch tọa
Bất tợ trực cầu chân
Kim Cang Bát-nhã tánh
Ngoại tuyệt nhất tim trần
Ngã văn tịnh tín thọ
Tổng thị giả danh trần.

Dịch:

Không ngã lại không nhân
Làm gì có thân sơ
Khuyên ông đừng ngồi mãi
Đâu bằng thẳng cầu chân
Tánh Kim Cang Bát-nhã
Chẳng dính một mảy trần
Tôi nghe với tin nhận
Thấy đều giả danh trần.

Tọa chủ nghe kệ rồi, vui vẻ khen ngợi:

- Chỗ cư sĩ đến phần nhiều các bậc lão túc đã qua.

*

Ông đến viếng Đơn Hà. Đơn Hà làm thế chạy.

Ông nói:- Vẫn là thế phóng thân, thế nào là thế tần thân?

Đơn Hà liền ngồi.

Ông lấy gậy vẽ dưới đất chữ Thất.

Đơn Hà vẽ đáp chữ Nhất.

Ông nói:- Nhân bảy thấy một, thấy một quên bảy.

Đơn Hà đứng dậy đi.

Ông gọi:- Hãy ngồi nán một chút, vẫn còn câu thứ hai.

Đơn Hà bảo: - Trong ấy nói được sao?

Ông bèn khóc ra đi.

*

Một hôm, ngồi trong am, ông chợt nói:

- Khó khó mười tạ dầu mè trên cây vuốt. (Nan nan thập thạch du ma thọ thượng than.)

Long bà đáp:

- Dễ dễ trên đầu trăm cỏ ý Tổ sư. (Dị dị bách thảo đầu thượng Tổ sư ý.)

Linh Chiếu tiếp:

- Cũng chẳng khó cũng chẳng dễ, đói đến thì ăn, mệt ngủ khò. (Dã bất nan, dã bất dị, cơ lai khiết phạm khốn lai thù.)

*

Ông ngồi hỏi Linh Chiếu:

- Cổ nhân nói: “sáng sáng đầu trăm cỏ, sáng sáng ý Tổ sư” (minh minh bách thảo đầu, minh minh Tổ sư ý) là sao?

Linh Chiếu thưa:

- Lớn lớn già già thốt ra lời nói ấy. (Lão lão đại đại tác giá cá ngữ thoại.)

Ông hỏi:- Con thế nào?

- Sáng sáng đầu trăm cỏ, sáng sáng ý Tổ sư.

Ông bèn cười.

*

Ông có làm bài kệ:

Tâm như cảnh diệc như

Vô thật diệc vô hư

Hữu diệc bất quản

Vô diệc bất cư

Bất thị Hiền Thánh

Liễu sự phạm phu

Dị phục dị

Tức thử ngũ uẩn hữu chân trí

Thập phương thế giới nhất thừa đồng

Vô tướng pháp thân khởi hữu nhị Nhược xả phiền não nhập Bồ-đề

Bất tri hà phương hữu Phật địa.

Dịch:

Tâm như cảnh cũng như

Không thật cũng không hư

Có cũng chẳng quản
Không cũng chẳng cư
Chẳng phải hiền thánh
Xong việc phàm phu
Dễ lại dễ
Tức năm uẩn này có chân trí
Thế giới mười phương đồng một thừa
Pháp thân không tướng nào có nhị
Nếu bỏ phiền não vào Bồ-đề
Chẳng biết nơi nào có Phật địa?

Lại có bài kệ:

Hộ sanh tu thị sát
Sát tận thủy an cư
Hội đắc cá trung ý
Thiết truyền thủy thượng phù.

Dịch:

Hộ sanh cần phải giết
Giết hết mới ở yên
Hiểu được ý trong đó
Thuyền sắt nổi phao phao.

*

Sắp tịch, ông bảo Linh Chiếu ra xem mặt trời đúng Ngọ vô cho ông hay.
Linh Chiếu ra xem vào thưa:

- Mặt trời đã đúng Ngọ, mà có nguyệt thực.

Ông ra cửa xem.

Linh Chiếu lên tòa cửa ông ngồi kiết già chấp tay thị tịch.

Ông vào xem thấy cười, nói:- Con gái ta lanh lợi quá!

Ông bèn chậm lại bảy ngày sau.

*

Châu mục Vu Công đến thăm bệnh ông.

Ông bảo:

- Chỉ mong các cái có đều không, dè dặt các cái không đều thật, khéo ở thế gian đều như bóng vang.

Nói xong, ông nằm gác đầu trên gối Vu Công mà thị tịch.

*

Tin ông tịch đưa về nhà cho bà hay.

Bà nói:

- Con gái ngu si với ông già vô tri, không báo tin mà đi, sao đành vậy?

Bà ra báo tin cho con trai đang làm ngoài đồng. Bà nói:

- Long công với Linh Chiếu đi rồi con!

Người con trai đang bừa đáp:- Dạ!

Rồi lặng thinh giây lâu bèn đứng mà tịch.

Bà nói:- Thằng này sao ngu si lắm vậy!

Lo thiêu con xong, bà đi từ biệt thân thuộc rồi biệt tích.

*

Ông Long Uẩn có làm thi kệ hơn ba trăm thiên còn lưu truyền ở đời.



ĐỜI THỨ TƯ SAU LỤC TỔ

A. PHÁI HÀNH TƯ

NỐI PHÁP THIÊN SƯ DUY NGHIÊM (Dược Sơn)

- 1- Thiên sư Đàm Thạnh (Vân Nham)
- 2- Thiên sư Đức Thành
- 3- Thiên sư Huệ Tĩnh
- 4- Sa-di Cao
- 5- Thiên sư Minh Triết
- 6- Thiên sư Viên Trí
- 7- Thiên sư Quang Mật
- 8- Thiên sư Lạc Hà
- 9- Thiên sư Quì
- 10- Thích sử Lý Tường

NỐI PHÁP THIÊN SƯ THIÊN NHIÊN (Đơn Hà)

- 1- Thiên sư Vô Học
- 2- Thiên sư Nghĩa An
- 3- Thiên sư Tánh Không
- 4- Thiên sư Bản Đồng
- 5- Thiên sư Mễ Thương
- 6- Thiên sư Đại Ẩn
- 7- Thiên sư Huệ Cần

NỐI PHÁP THIÊN SƯ ĐẠI ĐIÊN

- 1- Thiên sư Nghĩa Trung
- 2- Hòa thượng Thự Sơn

*

29. THIÊN SƯ ĐÀM THẠNH

Vân Nham - (782 - 841)

Sư họ Vương, quê ở Kiến Xương, Chung Lăng. Lúc nhỏ, Sư xuất gia tại Thạch Môn. Ban đầu, Sư đến tham học với Bá Trượng Hoài Hải ngót hai mươi năm mà chưa ngộ huyền chỉ. Bá Trượng qui tịch, Sư đến tham học với Dược Sơn Duy Nghiễm.

Dược Sơn hỏi:- Ở đâu đến?

Sư thưa:- Ở Bá Trượng đến.

- Bá Trượng có ngôn cú gì để chỉ dạy đồ chúng?

- Thường ngày hay nói “ta có một câu đầy đủ trăm vị”.

- Mặn là vị mặn, lạt là vị lạt, không mặn không lạt là vị thường, thế nào một câu đầy đủ trăm vị?

Sư không đáp được.

*

Hôm khác, Dược Sơn hỏi:- Bá Trượng nói pháp gì?

Sư thưa:

- Có khi Thầy thượng đường đại chúng ngồi yên, cầm gậy đồng thời đuổi tan hết, lại gọi: “Đại chúng!” Chúng xoay đầu lại, Thầy bảo: “Ấy là gì?”

Dược Sơn bảo:

- Sao không sớm nói thế đó? Hôm nay nhân người thuật lại, ta được thấy Hải huynh.

Ngay câu nói ấy Sư tỉnh ngộ, lễ bái.

*

Dược Sơn hỏi:- Ngoài chỗ Bá Trượng người còn đến đâu chẳng?

Sư thưa:- Con từng đến Quảng Nam.

- Ta nghe nói ngoài cửa thành Đông ở Quảng Châu có một hòn đá bị Châu chủ dời đi chẳng?

- Chẳng những Châu chủ, dù hạp tất cả người toàn quốc dời cũng chẳng động.

- Ta nghe người biết làm sư tử múa phải chẳng?

- Phải.

- Múa được mấy xuất?

- Múa được sáu xuất.

- Ta cũng múa được.

- Hòa thượng múa được mấy xuất?

- Ta múa được một xuất.

- Một tức sáu, sáu tức một.

*

Sư đến Qui Sơn Linh Hựu, Qui Sơn hỏi:

- Nghe Trưởng lão ở Dược Sơn làm sư tử múa phải chẳng?

Sư đáp:- Phải.

- Thường múa hay có khi nghỉ?

- Cần múa thì múa, cần nghỉ thì nghỉ.

- Khi nghỉ sư tử ở chỗ nào?

- Nghỉ, nghỉ.

*

Sư nấu trà, Đạo Ngô hỏi:- Nấu trà cho ai?

Sư đáp:- Có một người cần.

- Sao không dạy y tự nấu?
- Nay có tôi ở đây.

*

Thạch Sương Khánh Chư đến.

Sư hỏi:- Ở đâu đến?

Thạch Sương thưa:- Qui Sơn đến.

- Ở trong ấy bao lâu?
- Vừa trải một Đông một Hạ.
- Như thế tức thành núi dài?
- Tuy ở trong đó mà chẳng biết.
- Người khác cũng chẳng hiểu chẳng biết.

Thạch Sương không đáp được.

*

Sau, Sư trụ trì núi Vân Nham huyện Du, Đàm Châu.

Một hôm, Sư bảo chúng:- Có đứa trẻ nhà kia, hỏi đến không có gì nói chẳng được.

Động Sơn Lương Giới hỏi:- Trong ấy có kinh sách nhiều ít?

- Một chữ cũng không.
- Sao được biết nhiều thế ấy?
- Ngày đêm chưa từng ngủ.
- Làm một việc được chẳng?
- Nói được lại chẳng nói.

*

Sư hỏi vị Tăng:- Ở đâu đến?

Tăng thưa:- Thêm hương rồi đến.

- Thấy Phật chẳng?
- Thấy.
- Thấy ở đâu?
- Thấy ở hạ giới.
- Phật xưa! Phật xưa!

*

Đạo Ngô hỏi:- Đại Bi ngàn tay mắt, mắt nào là mắt chánh?

Sư bảo:- Như người ban đêm với tay lại sau mò chiếc gối.

- Tôi hội rồi.
- Hội thế nào?
- Khấp thân là tay mắt.
- Nói tột cùng lời nói, chỉ nói được tám phần.
- Sư huynh thế nào?

- Khấp thân là tay mắt.

*

Sư ngồi bện giày cỏ, Động Sơn Lương Giới đến trước thưa:

- Xin Thầy trông mắt được chăng?

Sư bảo:- Người đi với ai?

- Lương Giới không.

- Giả sử có, người nhằm để chỗ nào?

Lương Giới không đáp được.

Sư bảo:- Xin trông mắt là mắt chăng?

- Chẳng phải mắt.

Sư nạt đuổi ra.

*

Tăng hỏi:- Khi một niệm chợt khởi liền rơi vào ma giới, là thế nào?

Sư bảo:- Người nhân đâu từ Phật giới đến?

Tăng không đáp được.

Sư hỏi:- Hội chăng?

- Chẳng hội.

- Chớ bảo hội chẳng được, giả sử hội được cũng chỉ là bên trái bên phải.

*

Đời Đường niên hiệu Hội Xương năm đầu (841 T.L.), tháng mười ngày hai mươi sáu, Sư có chút ít bệnh, tắm gội xong, kêu chủ sự bảo: “Sắm sửa trai, ngày mai có Thượng tọa đi.” Đến tối đêm hai mươi bảy, Sư qui tịch, thọ sáu mươi tuổi. Trà-tỳ được xá-lợi rất nhiều.

*

30. THIÊN SƯ VIÊN TRÍ

Đạo Ngô - (768 - 835)

[Trong Truyền Đăng Lục thì để Viên Trí, trong Chỉ Nguyệt Lục để Tông Trí.]

Sư họ Trương, quê ở Hải Hôn, Dự Chương. Lúc nhỏ, Sư theo Hòa thượng Bàn xuất gia và thọ giới. Sau, Sư đến pháp hội Dục Sơn thăm được tâm ấn.

Một hôm, Dục Sơn hỏi Sư:- Người đi đâu về?

Sư thưa:- Đi đạo núi về.

Dục Sơn bảo:- Chẳng rời thất này, đem gì về, nói mau!

Sư thưa:

- Trên núi chim con đầu tợ tuyết,

Đáy khe cá lội lo chẳng cùng.
(Sơn thượng điều nhi đầu tợ tuyết,
Gián để du ngư mang bất triệt.)

*

Sư cùng Đàm Thạnh đứng hầu Dực Sơn. Dực Sơn bảo:
- Chỗ trí chẳng nghĩ đến, tối kỵ nói tối, nói tối tức đầu mọc sừng, Trí
đầu-đà (chỉ Sư) hiểu thế nào?

Sư liền đi ra.

Đàm Thạnh hỏi Dực Sơn:

- Sư huynh Trí vì sao không đáp lời Hòa thượng?

Dực Sơn bảo:

- Hôm nay ta đau lưng, y đã hỏi, người hỏi lấy y.

Đàm Thạnh đến hỏi Sư:

- Vừa rồi, sao sư huynh không đáp lời Hòa thượng?

Sư bảo:- Huynh đến hỏi Hòa thượng đi.

*

Qui Sơn Linh Hựu hỏi Vân Nham Đàm Thạnh:

- Bồ-đề lấy gì làm tòa?

Đàm Thạnh đáp:- Lấy vô vi làm tòa.

Đàm Thạnh lại hỏi Linh Hựu câu ấy.

Linh Hựu đáp:- Lấy các pháp không làm tòa.

Linh Hựu lại đem câu ấy hỏi Sư.

Sư đáp:

- Ngồi thì cho y ngồi, nằm thì cho y nằm. Có một người chẳng ngồi
chẳng nằm, hãy nói mau! nói mau!

*

Linh Hựu hỏi Sư:- Ở đâu đến?

Sư đáp:- Khán bệnh đến.

- Có bao nhiêu người bệnh?

- Có người bệnh có người chẳng bệnh.

- Có người không bệnh đâu không phải Trí đầu-đà?

- Bệnh cùng chẳng bệnh đều không can hệ việc nó, nói mau! nói mau!

*

Thấy Đàm Thạnh bệnh, Sư hỏi:

- Lìa cái vỏ lưng này đến chỗ nào thấy nhau?

- Đến chỗ chẳng sanh chẳng diệt thấy nhau.

- Sao không nói chỗ phi chẳng sanh chẳng diệt, cũng chẳng cầu thấy
nhau.

*

Đàm Thanh vá lại đôi giày cỏ, Sư thấy hỏi:

- Làm gì?

- Đem bại hoại vá bại hoại.

- Sao không nói tức bại hoại phi bại hoại.

*

Sau, Sư đến núi Đạo Ngô an trụ ở đây, Tăng chúng đến tham vấn rất đông.

Có vị Tăng hỏi:- Thế nào là chỗ đặc lực hiện giờ?

Sư đáp:

- Ngàn muôn người gọi mà chẳng xoay đầu, mới có ít phần tương ứng.

- Chợt gặp lửa cháy thì sao?

- Đốt cả quả đất.

Sư lại hỏi vị Tăng ấy:- Dẹp than và lửa, cái gì là lửa?

- Chẳng phải lửa.

*

Thạch Sương Khánh Chư hỏi:

- Trăm năm sau có người hỏi việc pháp tắc cùng tột, làm sao nói với họ?

Sư gọi:- Sa-di!

Sa-di đáp:- Dạ!

Sư bảo:- Thêm nước trong tịnh bình.

Giây lâu, Sư lại hỏi Khánh Chư:- Vừa rồi hỏi gì?

Khánh Chư lặp lại câu trước.

Sư đứng dậy đi.

*

Hôm khác, Khánh Chư hỏi:

- Một mảnh xương của Hòa thượng gõ in tiếng đồng, đi về chỗ nào?

Sư gọi:- Thị giả!

Thị giả đáp:- Dạ!

Sư bảo:- Năm lừa đi.

*

Sư mắc bệnh, Tăng chúng đến thăm hỏi.

Sư bảo:- Có nhận chẳng đến, các người biết nó chẳng?

Chúng đều buồn thảm.

Sư bảo:- Ta sẽ đi xa bên tây, lý không rời bên đông.

Đến ngày mùng mười tháng chín niên hiệu Thái Hòa năm thứ chín (835 T.L.) đời Đường, Sư qui tịch, thọ sáu mươi bảy tuổi.

Vua sắc ban là Tu Nhất Đại sư, tháp hiệu Bảo Tướng.

*

31. THIÊN SƯ ĐỨC THÀNH

(Hoa Đình Thuyền Tử)

Sư người tiết tháo tuyệt vời, độ lượng xuất chúng. Nơi Dược Sơn, Sư được tâm ấn, cùng Đàm Thạnh, Viên Trí là bạn đồng học thâm giao.

Khi rời Dược Sơn, Sư bảo hai bạn:

- Hai huynh mỗi người sẽ ở một nơi để dựng lập tông chỉ Dược Sơn, riêng tôi tánh tình quê mùa, chỉ ưa sơn thủy làm vui thú, không có tài năng. Ngày sau, hai huynh biết tôi dừng ở đâu, có gặp vị tọa chủ nào lạnh lợi mách cho một người đến, nếu kham chỉ bảo tôi sẽ đem chỗ bình sanh thọ nhận trao lại, gọi là đền đáp ơn của Tiên sư.

Chia tay nhau, Sư đi đến Tú Châu nơi sông Ngô, bến Hoa Đình, sắm một chiếc thuyền nhỏ tiếp chúng bốn phương qua lại, tùy duyên độ nhật. Người thời ấy không biết tung tích Sư, bèn gọi Sư là Thuyền Tử Hòa thượng.

*

Một hôm, thuyền đậu bên bờ, Sư ngồi rảnh rang, có vị quan hỏi:

- Thế nào là việc hằng ngày của Hòa thượng?

Sư dựng đứng cây chèo, bảo:- Hội chăng?

Vị quan thưa:- Không hội.

Sư bảo:

- Chèo tạt sóng xanh, cá vàng ít gặp. (Trạo bát thanh ba, kim lân hãn ngộ.)

*

Sau này, Thiên sư Viên Trí có dịp đi đến Kinh Khẩu, gặp lúc Thiên sư Thiện Hội thượng đường. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là pháp thân?” Thiện Hội đáp: “Pháp thân không tướng.” Tăng hỏi: “Thế nào là pháp nhãn?” Thiện Hội đáp: “Pháp nhãn không vết.” Viên Trí bất chợt phát cười.

Thiện Hội xuống tòa, hỏi Viên Trí:

- Tôi vừa đáp câu hỏi của Tăng, chắc có chỗ không đúng khiến Thượng tọa phát cười, xin Thượng tọa từ bi chỉ dạy.

Viên Trí bảo:

- Hòa thượng nhất đẳng (bậc nhất) là đúng, về xuất thế thì chưa có thầy.

Thiện Hội thưa:

- Chỗ nào tôi không đúng, mong Thượng tọa vì nói để phá.

- Tôi hoàn toàn không nói, mời Hòa thượng đi đến chỗ Hoa Đình Thuyền Tử.

- Người ấy như thế nào?

- Người ấy trên không có miếng ngói, dưới không có mũi dùi. Hòa thượng muốn đi xin đổi y phục mà đến.

Thiện Hội bèn giải tán chúng, sửa sang hành lý, đi thẳng đến Hoa Đình Thuyền Tử.

*

Vừa thấy Thiện Hội đến, Sư liền hỏi:

- Đại đức trụ trì chùa nào?

Thiện Hội thưa:- Chùa tức chẳng trụ, trụ tức chẳng giống.

- Chẳng giống, giống cái gì?

- Chẳng pháp trước mắt.

- Ở đâu học được nó?

- Chẳng phải chỗ mắt tai đến.

Sư cười bảo:

- Một câu hợp đầu ngữ, muôn kiếp cọc cột lừa. Thả ngàn thước tơ ý ở đầm sâu, lừa lưỡi câu ba tấc, nói mau! nói mau!

Thiện Hội vừa mở miệng, bị Sư đánh một chèo té xuống nước. Thiện Hội mới leo lên thuyền, Sư lại thúc:

- Nói! Nói!

Thiện Hội vừa mở miệng, lại bị Sư đánh. Thiện Hội hoát nhiên đại ngộ, bèn gật đầu ba cái.

Sư bảo:

- Sợ nợ đầu sào mặc người đùa, chẳng chạm sóng xanh ý tự khác. (Can đầu ty tuyến từng quân lộng, bất phạm thanh ba ý tự thù.)

Thiện Hội bèn hỏi:

- Thả nợ buông câu ý Thầy thế nào?

- Nợ tơ nổi trên mặt nước biếc.

- Lời kèm huyền mà không đờng, đầu lưỡi nói mà không nói.

- Câu khắp dòng sông mới gặp cá vàng.

Thiện Hội bịt tai.

Sư bảo:- Như thế! như thế!

Sư phó chúc rằng:

- Người ra đi phải tìm chỗ ẩn thân mất dấu vết, chỗ mất dấu vết chớ ẩn thân. Ta ba mươi năm ở Dục Sơn chỉ sáng tỏ việc này. Nay người đã được nó, sau chớ ở chỗ xóm làng thành thị, nên vào trong núi sâu bên cạnh đồng để tìm lấy một cái, nửa cái tiếp tục không để đoạn dứt.

- Thiện Hội liền từ giã Sư ra đi, tỉnh thoảng ngó lại.

Sư bèn gọi:- Xà-lê!

Thiện Hội quay đầu ngó lại.
Sư liền dựng đứng cây chèo, bảo:
- Người sẽ bảo riêng có.
Nói xong, Sư lật úp thuyền xuống nước mà tịch.

*

32. SA-DI CAO

Không biết tung tích và quê quán của Sư thế nào. Chỉ biết khi Sư mới đến tham vấn Dược Sơn, Dược Sơn hỏi:

- Ở đâu đến?
- Sư thưa:- Ở Nam Nhạc đến.
- Đi lại đâu?
- Đi Giang Lăng thọ giới.
- Thọ giới mong làm gì?
- Mong khỏi sanh tử.
- Có một người không thọ giới cũng khỏi sanh tử, người biết chăng?
- Thế thì giới Phật dùng làm gì?
- Vẫn còn quả môi lưỡi.

Sư lễ bái lui ra.

Đạo Ngô đến đứng hầu, Dược Sơn bảo:

- Vừa rồi có một Sa-di mới đến, có chút khí tức này.

Đạo Ngô thưa:

- Chưa nên toàn tin, cần phải khám phá mới được.

Đến chiều, Dược Sơn thượng đường gọi:

- Sa-di mới đến ở đâu?

Sư ra khỏi chúng đứng im.

Dược Sơn hỏi:

- Ta nghe ở Trường An rất náo loạn, người có biết chăng?

Sư thưa:

- Nước con an ổn.
- Người do xem kinh được hay thưa hỏi được?
- Chẳng do xem kinh được, cũng chẳng do thưa hỏi được.
- Có lắm người chẳng xem kinh, chẳng thưa hỏi, sao chẳng được?
- Chẳng nói họ không được, chỉ vì không chịu thừa nhận.

Dược Sơn ngó Đạo Ngô, Vân Nham, nói:

- Chẳng tin ta nói.

*

Một hôm, Sư từ già Dược Sơn.
Dược Sơn hỏi:- Đi ở đâu?
Sư thưa:
- Con ở trong chúng có ngại, nên đến bên đường cất một am tranh để tiếp đãi nước trà cho khách qua lại.
- Sanh tử là việc lớn, sao người không thọ giới đi?
- Biết thì những việc ấy liền thôi, lại bảo thọ giới làm gì?
- Như thế chẳng được lia xa ta, có khi ta cần gặp người.

*

Sư dầm mưa đến thăm Dược Sơn.
Dược Sơn bảo:- Người mới đến?
- Con mới đến.
- Ướt cả rồi.
- Không đánh cái trống sáo ấy.
Vân Nham nói:- Da cũng không đánh, cái gì là trống?
Đạo Ngô nói:- Trống cũng không đánh, cái gì là da?
Dược Sơn bảo:- Hôm nay rất hay, một trường hòa nhạc.

*

Đến giờ thọ trai, Dược Sơn tự đánh trống, Sư ôm bát múa đi vào trai đường.
Dược Sơn bỏ dùi trống xuống hỏi:- Hòa thứ mấy?
- Hòa thứ hai.
- Thế nào là hòa thứ nhất?
Sư đến thùng cơm lãnh một phần cơm rồi đi ra.

*

33. THIÊN SƯ VÔ HỌC

(Thúy Vi)

Sư đến hỏi Đơn Hà:- Thế nào là thầy chư Phật?
Đơn Hà quở:- Thật tự đáng thương, cần thiết cầm khăn lau làm gì?
Sư lùi ba bước.
Đơn Hà bảo:- Lầm!
Sư tiến tới ba bước.
Đơn Hà bảo:- Lầm! lầm!
Sư dõ một chân, xoay thân một vòng, đi ra.
Đơn Hà bảo:- Được tức được, cô phụ chư Phật khác.
Sư do đây lãnh ngộ ý chỉ, về trụ Thúy Vi tại Chung Nam sơn.

*

Thiền sư Đại Đồng đến hỏi Sư:

- Không biết Nhị Tổ mới thấy Tổ Đạt-ma có sở đắc gì?

Sư bảo:- Nay người thấy ta lại có sở đắc gì?

Đại Đồng đốn ngộ huyền chỉ.

*

Một hôm, Sư đi trong pháp đường, Đại Đồng tiến đến trước lễ, thưa:

- Mật chỉ từ Ấn Độ qua, Hòa thượng dạy người thế nào?

Sư dừng bước một chút.

Đại Đồng lại thưa:- Xin Thầy chỉ dạy.

Sư bảo:- Lại cần cái bầu nước nhỏ thứ hai sao?

Đại Đồng lễ tạ lui ra.

Sư bảo:- Chớ lấp gốc.

Đại Đồng thưa:- Thời tiết đến, gốc mầm tự sanh.

*

Nhân Sư cúng dường La-hán, có vị Tăng hỏi:

- Đơn Hà thiêu tượng Phật gỗ, Hòa thượng vì sao cúng dường La-hán?

Sư bảo:

- Thiêu cũng chẳng thiêu đến, cúng dường cũng một bề cúng dường.

Tăng lại hỏi:- Cúng dường La-hán có đến chẳng?

Sư bảo:- Người mỗi ngày có ăn cơm chẳng?

Tăng không đáp được.

Sư bảo:- Có chút lạnh lợi.

*

34. THIỀN SƯ NGHĨA TRUNG

(Tam Bình)

Sư họ Dương, quê ở Phước Châu. Ban sơ, Sư đến tham vấn Thạch Củng (Huệ Tạng). Thạch Củng chuyên môn giương cung lấp tên để giáo hóa đồ chúng. Sư vào pháp hội, Thạch Củng bảo:

- Xem mũi tên đây!

Sư bèn vạch ngực thưa:

- Đây là mũi tên giết người, mũi tên cứu người lại làm sao?

Thạch Củng gảy dây cung ba cái.

Sư liền làm lễ.

Thạch Củng bảo:

- Ba mươi năm một phen giường cung, một hai mũi tên chỉ bắn được nửa người thánh.

*

Sư đến tham vấn Đại Điền thuật lại việc trên. Đại Điền bảo:

- Đã là mũi tên cứu người, vì sao nhắm trên dây cung mà biệ?

Sư đáp không được.

Đại Điền bảo:

- Ba mươi năm sau cần người nhắc câu này cũng khó được.

Sư hỏi:- Chẳng cần chỉ đông vẽ tây, thỉnh Thầy chỉ thẳng.

- Cửa sông U Châu người đá ngồi xổm.

- Vẫn là chỉ đông vẽ tây.

- Nếu phụng hoàng con không đến bên này bàn.

Sư làm lễ.

Đại Điền bảo:

- Nếu chẳng đặt câu sau thì lời trước cũng khó tròn.

*

Về sau, Sư đến Chương Châu ở núi Tam Bình tiếp độ hậu lai.

Sư dạy chúng:

- Thời nay người học chỉ biết rong ruổi tìm kiếm, tương đương nhơn mục chính mình có chẳng? Các người muốn học cái tương đương ấy chẳng? Chẳng cầu các thứ khác, các người mỗi người có việc bốn phận sao chẳng nhận ngay? Tại sao tâm bực tức, miệng lảm bảm có lợi ích gì? Nói thẳng rằng: Nếu cần con đường tu hành và hóa môn do chư thánh dựng lập thì có ba tạng kinh điển. Nếu là việc trong tông môn (Thiền tông), người cốt không lảm dụng tâm.

Có vị Tăng ra thưa:- Lại có con đường học hay không?

Sư bảo:- Có một con đường trơn như rêu.

- Học nhơn bước nhẹ theo được chẳng?

- Tâm chẳng nghĩ, người tự xem.

*

Có vị Tăng hỏi:- Đâu đen khi chưa nảy mầm là thế nào?

Sư đáp:- Phật cũng chẳng biết.

*

Có vị Giảng sư đến hỏi:

- Ba thừa và mười hai phần giáo tôi không nghi, thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ đến?

Sư bảo:

- Phất tử bằng lông rùa, cây gậy bằng sừng thỏ, Đại đức núp ở chỗ nào?

- Lông rùa sừng thỏ lại là có sao?

- Thệt nặng ngàn cân, trí không cân lường.

*

Sư dạy chúng:

- Các người! Nếu chưa gặp tri thức thì chẳng nên, nếu từng gặp tri thức rồi, phải nhận ngay ý độ ấy, đến trên chót núi, hóc đá, ăn cây, mặc lá, thế ấy mới có ít phần tương ứng. Nếu chạy cầu hiểu biết nghĩa cú, tức là trông quê hương muôn dặm xa vậy.

Trân trọng!



ĐỜI THỨ TƯ SAU LỤC TỔ

B. PHÁI HOÀI NHƯỢNG

I. NỐI PHÁP BÁ TRƯỞNG HOÀI HẢI (30 vị)

- 1- Thiền sư Linh Hựu (Qui Sơn)
- 2- Thiền sư Hy Vận (Hoàng Bá)
- 3- Thiền sư Hoàn Trung
- 4- Thiền sư Phổ Ngạn
- 5- Thiền sư Thường Quán
- 6- Thiền sư Tánh Không
- 7- Thiền sư Đại An
- 8- Thiền sư Thần Tán
- 9- Thiền sư Thông
- 10- Thiền sư Long Vân Đài
- 11- Thiền sư Vệ Quốc Đạo
- 12- Hòa thượng Vạn Tuế
- 13- Hòa thượng Niết-bàn
- 14- Hòa thượng Đông Sơn

II. NỐI PHÁP TÂY ĐƯỜNG TRÍ TẠNG (4 vị)

- 1- Thiền sư Xứ Vi
- 2- Thiền sư Đạo Nghĩa
- 3- Thiền sư Huệ (Tân La quốc)
- 4- Thiền sư Hồng Trực (Tân La quốc)

III. NỐI PHÁP MA CỐC BẢO TRIỆT (2 vị)

- 1- Thiền sư Lương Toại
- 2- Thiền sư Vô Nhiễm (Tân La quốc)

IV. NỐI PHÁP THIỀN SƯ NHƯ HỘI (4 vị)

- 1- Thiền sư Huệ Siêu
- 2- Thiền sư Cảnh Chư
- 3- Thiền sư Quang Triệt
- 4- Thiền sư Sơn Chiêu

V. NỐI PHÁP CHƯỞNG KÍNH HOÀI UẨN (16 vị)

- 1- Thiền sư Hoằng Biện
- 2- Thiền sư Trí Chơn
- 3- Thiền sư Hoài Chánh
- 4- Thiền sư Thao
- 5- Thiền sư Cổ Đệ
- 6- Thiền sư Công Kỳ

VI. NỐI PHÁP NAM TUYỀN PHỔ NGUYỄN (17 vị)

- 1- Thiền sư Cảnh Sầm (Trường Sa)
- 2- Thiền sư Đảm Chiếu
- 3- Thiền sư Vân Tế Sư Tổ
- 4- Thiền sư Nghĩa Đoan
- 5- Thiền sư Tùng Thẩm (Triệu Châu)
- 6- Thiền sư Nhàn
- 7- Thiền sư Lợi Tung
- 8- Hòa thượng Thù Du Sơn
- 9- Hòa thượng Tung Sơn
- 10- Hòa thượng Nhựt Tử
- 11- Hòa thượng Tây Thiên
- 12- Cư sĩ Lục Hoàng
- 13- Cư sĩ Cam Chí

VII. NỐI PHÁP THIÊN VƯƠNG ĐẠO NGỘ (1 vị)

- 1- Thiền sư Long Đàm Sùng Tín

*

35. THIÊN SƯ LINH HỰU

Qui Sơn - (771 - 853)

Sư họ Triệu, quê ở Trường Khê, Phước Châu. Năm mười lăm tuổi, Sư từ thân xuất gia theo Luật sư Pháp Thường ở chùa Kiến Thiện tại bản quận thế phát. Sau, Sư đến chùa Long Hưng ở Hàng Châu thọ giới. Sư học kinh, luật Đại thừa, Tiểu thừa rất uyên thâm.

Năm hai mươi ba tuổi, Sư đến Giang Tây tham học với Bá Trượng Hoài Hải. Bá Trượng vừa thấy Sư liền nhận cho nhập chúng. Trong chúng, Sư là người được cử đứng hàng đầu.

Một hôm, Sư đứng hầu Bá Trượng. Bá Trượng hỏi:- Ai?

Sư thưa:- Con. Linh Hựu!

Bá Trượng bảo:- Người vạch trong lò xem có lửa chăng?

Sư vạch ra, thưa:- Không lửa.

Bá Trượng đứng dậy, đến vạch sâu trong lò được chút lửa, đưa lên chỉ Sư, bảo:

- Người bảo không, cái này là cái gì?

Sư do đây phát ngộ, lễ tạ trình bày chỗ giải ngộ của mình.

Bá Trượng bảo:

- Đây là con đường rẽ tạm thời. Kinh nói: “Muốn thấy Phật tánh phải quán thời tiết nhân duyên, thời tiết đã đến như mê chợt ngộ, như quên được nhớ, mới tỉnh vật của mình không từ bên ngoài được.” Cho nên Tổ sư bảo: “Ngộ rồi đồng chưa ngộ, không tâm cũng không pháp.” Chỉ là không tâm hư vọng phàm thánh v.v..., xưa nay tâm pháp nguyên tự đầy đủ. Nay người đã vậy, tự khéo gìn giữ.

*

Sư theo Bá Trượng làm việc trong núi, Bá Trượng hỏi:

- Đem được lửa đến chảnh?

- Đem được.

- Ở chỗ nào?

Sư cầm một cành cây thối vài cái, đem trao cho Bá Trượng.

Bá Trượng bảo:- Như trùn đục cây.

*

Tư Mã Đầu-đà [là một Thiền sư thông cả địa lý và tướng số.] từ Hồ Nam đến yết kiến Bá Trượng, thưa:

- Qui Sơn là thắng cảnh nên lập đại đạo tràng kết tập bạn pháp.

Bá Trượng hỏi:- Lão tăng muốn đến Qui Sơn nên chảnh?

- Qui Sơn kỳ tuyệt có thể hợp một ngàn năm trăm chúng, nhưng chảnh phải chỗ Hòa thượng ở.

- Sao vậy?

- Hòa thượng là người xương, núi kia là núi thịt, dù có ở, đồ đệ chảnh đầy một ngàn.

- Trong chúng ta có người ở được chảnh?

- Đợi xem qua mới biết.

Bá Trượng sai thị giả gọi đệ nhất tọa đến, tức Thiền sư Hoa Lâm, hỏi:

- Người này thế nào?

Đầu-đà bảo Hoa Lâm tăng hắng một tiếng, đi vài bước, thưa:

- Người này không được.

Bá Trượng sai thị giả gọi Đỉnh tọa đến, tức Sư Linh Hựu.

Đầu-đà thưa:- Đây chính là chủ Qui Sơn.

Tối lại, Bá Trượng gọi Sư vào thất dặn dò:

- Ta hóa duyên tại đây, người sẽ ở thắng cảnh Qui Sơn để nối tiếp tông môn của ta và rộng độ kẻ hậu học.

*

Hoa Lâm nghe tin này đến thưa:

- Con là thượng thủ, tại sao Linh Hựu được trụ trì?

Bá Trượng bảo:

- Nếu ai hay ngay trong chúng này nói được một câu xuất cách, sẽ cho trụ trì.

Bá Trượng liền chỉ tịnh bình hỏi:

- Chẳng được kêu là tịnh bình, người kêu là gì?

Hoa Lâm thưa:- Không thể kêu là cây lủng vậy.

Bá Trượng lại hỏi Sư.

Sư đập nhào tịnh bình rồi đi ra.

Bá Trượng cười bảo:- Đệ nhất tọa thối lui núi này.

Bá Trượng bèn sai Sư đến Qui Sơn.

*

Non Qui cao vót không có bóng người lai vãng, là hang ổ của cọp sói. Sư đến đây cất một am tranh, hằng ngày lượm trái lặt, trái để làm thức ăn nuôi sống.

Đã bảy năm qua, một hôm Sư tự nghĩ: Đạo cốt tiếp vật lợi sanh, ở một mình chẳng phải. Sư bèn đi lần xuống núi, thấy cọp sói, Sư bảo: “Nếu ta có duyên với núi này, các người nên đi tránh chỗ khác. Nếu ta không có duyên ở đây thì các người cứ ăn thịt ta đi.” Sư nói xong, các loài thú dữ đều đi tứ tán, Sư trở về am yên ở như trước.

Không bao lâu, dân cư dưới chân núi từ từ hay biết, họ rủ nhau kéo lên núi cất một ngôi chùa cho Sư. Sau này, Liên soái Lý Cảnh Nhượng tâu vua xin ban hiệu chùa, vua ban hiệu là Đồng Khánh. Kế đến, có Thượng tọa Đại An và một số chúng từ Bá Trượng đến phụ tá Sư. Đại An nói: “Tôi sẽ làm điển tọa cho Hòa thượng.” Số chúng lần lần lên đến cả ngàn. Tướng quốc Bùi Hữu cũng thường tới lui thưa hỏi chỗ huyền ảo.

*

Sư thượng đường dạy chúng:

- Phạm tâm của người học đạo phải ngay thẳng chân thật không dối gạt, không tâm hạnh sau lưng trước mặt, lừa phỉnh, trong tất cả giờ thấy nghe bình thường không có chiều uốn, cũng chẳng phải nhắm mắt bịt tai, chỉ lòng chẳng chạy theo vật là được. Từ trước chư thánh chỉ nói: bên như bợn là lỗi lầm. Nếu không như thế, lòng nhiều nghĩ ác là việc tình kiến tướng tập. Ví như nước mùa thu lóng đứng trong trẻo lạng lẽ không động không ngại, gọi người này là Đạo nhân, cũng gọi là người vô sự.

Khi ấy, có vị Tăng hỏi:- Người được đốn ngộ có tu chăng?

Sư bảo:

- Nếu người khi thật ngộ được gốc thì họ tự biết, tu cùng không tu là lời nói hai đầu. Như nay có người sơ tâm tuy từ duyên được một niệm đốn ngộ chân lý nơi mình, nhưng vẫn còn tập khí (thói quen) nhiều kiếp từ vô thủy chưa có thể

chóng sạch, nên dạy hấn trừ sạch dòng thức tạo nghiệp hiện tại, tức là tu vậy. Không nói có một pháp riêng dạy hấn tu hành thú hưởng. Từ nghe nhập được lý, nghe và lý sâu mâu, tâm tự tròn sáng không ở chỗ mê lầm, hiện thời dù có trăm ngàn diệu nghĩa thẳng trâm, hấn vẫn được ngồi yên mặc áo, tự biết tạo sinh kế. Nói tóm lại, “chỗ lý chân thật không nhận một mảy bụi, trong cửa muôn hạnh chẳng bỏ một pháp” (thật tế lý địa bất thọ nhất trần, vạn hạnh môn trung bất xả nhất pháp). Nếu được như vậy, là một mình cầm đao thẳng vào, lòng phàm thánh sạch, hiện bày chân thường, lý sự không hai, tức Phật như như.

*

Thiền sư Huệ Tịch (Ngưỡng Sơn) hỏi:

- Trăm ngàn muôn cảnh đồng thời đến, phải làm sao?

Sư đáp:

- Xanh chẳng phải là vàng, dài chẳng phải là ngắn, các pháp mỗi pháp ở địa vị của nó, chẳng can hệ đến việc của ta.

- Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ đến?

Sư chỉ lồng đèn bảo:- Lồng đèn rất tốt.

- Đâu chỉ cái ấy là phải sao?

- Cái ấy là cái gì?

- Lồng đèn rất tốt.

- Hấn là chẳng thấy.

*

Sư cùng chúng đi hái trà. Sư bảo Huệ Tịch:

- Trọn ngày hái trà chỉ nghe tiếng con mà chẳng thấy hình con, hãy hiện bản hình cho ta thấy coi.

Huệ Tịch liền đập cây trà.

Sư bảo:- Con chỉ được cái dụng của nó, chẳng được cái thể của nó.

Huệ Tịch thưa:- Chưa biết Hòa thượng thế nào?

Sư im lặng.

- Hòa thượng chỉ được cái thể của nó, không được cái dụng của nó.

- Cho con hai chục gậy.

*

Sư ngồi, Huệ Tịch đi vào, Sư bảo:

- Tịch con! hãy nói mau chớ vào ấm giới.

Huệ Tịch thưa:- Huệ Tịch tin cũng chẳng lập.

- Con tin rồi chẳng lập hay chẳng tin chẳng lập?

- Chỉ là Huệ Tịch lại tin cái gì?

- Nếu thế ấy chỉ là định tánh Thanh văn.

- Huệ Tịch Phật cũng chẳng lập.

*

Sư ngủ vừa thức giấc. Huệ Tịch đến hỏi thăm. Sư liền xây mặt vào vách. Huệ Tịch thưa:

- Hòa thượng đâu được như vậy.

Sư trỗi dậy bảo:

- Vừa rồi ta nằm một điềm chiêm bao, con thử vì ta đem lại xem.

Huệ Tịch lấy thau múc một thau nước đem lại cho Sư rửa mặt. Sư rửa mặt xong, giây lát Trí Nhân (Hương Nghiêm) đến hỏi thăm, Sư bảo:

- Vừa rồi ta nằm một điềm chiêm bao, Huệ Tịch vì ta đem lại xem xong, người lại đem cho ta xem.

Trí Nhân liền đi rót một chung trà bưng đến.

Sư bảo:- Hai con thấy hiểu còn hơn Xá-lợi-phất.

*

Sư hỏi Vân Nham (Đàm Thạnh):

- Nghe huynh ở Dục Sơn lâu lắm phải chăng?

- Phải.

- Tướng Dục Sơn đại nhân thế nào?

- Sau khi Niết-bàn mới có.

- Sau khi Niết-bàn mới có thế nào?

- Nước rưới chẳng dính.

Vân Nham hỏi lại Sư:- Bá Trượng đại nhân tướng thế nào?

- Chẳng chạc vôi vọi, sáng suốt rục rở, trước tiếng chẳng phải tiếng, sau sắc chẳng phải sắc, con muối đậu trên trâu sắt, không có chỗ huynh cắm mỏ.

*

Thấy Trí Nhân, Huệ Tịch làm bánh, Sư bảo:

- Bá Trượng Tiên sư đương thời thân được đạo lý này.

Huệ Tịch, Trí Nhân nhìn nhau nói:

- Người nào đáp được lời này?

Sư bảo:- Có một người đáp được.

Huệ Tịch thưa:- Người nào?

Sư chỉ con trâu bảo:- Nói! nói!

Huệ Tịch chạy lấy một bó cỏ đem lại. Trí Nhân lấy thùng múc một thùng nước đem lại để trước con trâu. Con trâu đang ăn, Sư bảo:

- Cho gì? cho gì? Chẳng cho gì? chẳng cho gì?

Huệ Tịch, Trí Nhân đồng lễ Sư. Sư bảo:

- Hoặc khi sáng, hoặc khi tối.

*

Một hôm, Sư thúc chúng trình ngữ, bảo:

- Ngoài thanh sắc cho ta cùng thấy.
Thượng tọa Giám Huyền trình ngữ:
- Chẳng từ ra đây, người ấy không mất.
Sư chẳng nhận.
Huệ Tịch ba phen trình ngữ:
Lần đầu: - Thấy lấy, chẳng thấy lấy.
Sư bảo:- Nhỏ như chót lông, lạnh tợ sương tuyết.
Lần thứ hai: - Ngoài thanh sắc, ai cầu thấy nhau?
Sư bảo:- Chỉ kẹt Thanh văn, bên ngoài giường hẹp.
Lần thứ ba: - Như hai gương chiếu nhau, ở trong không hình tượng.
Sư bảo:
- Ngữ này chánh, ta phải người chẳng phải, sớm lập hình tượng rồi vậy.
Huệ Tịch hỏi lại Sư:
- Con tinh thần tối tăm, đối đáp vụng về, chẳng biết Hòa thượng hỏi còn ở với Sư ông Bá Trượng trình ngữ thế nào?
Sư bảo:
- Ta hỏi ở với Tiên sư Bá Trượng trình ngữ như vậy: “Như trăm ngàn gương sáng soi sáng hình bóng, chiếu nhau cội cội bụi bụi mỗi mỗi chẳng lầm lẫn.”
Huệ Tịch lễ bái.

*

Sư thượng đường bảo chúng:
- Sau khi Lão tăng trăm tuổi đến dưới núi làm con trâu, hông bên trái viết năm chữ “Qui Sơn Tăng Linh Hựu”. Khi ấy gọi là Qui Sơn Tăng hay gọi là con trâu? Gọi là con trâu hay gọi là Qui Sơn Tăng? Gọi thế nào mới đúng?
Sư truyền bá Thiền giáo hơn bốn mươi năm, người đạt được lý thú không thể kể hết, đệ tử được nhập thất (được truyền tâm) được bốn mươi một người.
Đời Đường niên hiệu Đại Trung năm thứ bảy (853 T.L.), ngày mùng chín tháng giêng, Sư tắm gội xong, ngồi kiết già vui vẻ thị tịch. Sư thọ tám mươi ba tuổi, sáu mươi bốn tuổi hạ.
Vua ban hiệu Đại Viên Thiền sư, tháp hiệu Thanh Tịnh.
Sư có trước tác tập Qui Sơn Cảnh Sách rất được lưu hành trong thiền môn.

*

36. THIÊN SƯ HY VẬN

Hoàng Bá - (? - 850)

Sư người tỉnh Môn (tỉnh Phước Kiến), Hồng Châu, thuở nhỏ xuất gia trên núi Hoàng Bá tại bản châu. Trên trán Sư có cục thịt nổi vun lên như hạt châu, âm thanh trong trẻo, ý chí đăm đạc.

Đi dạo núi Thiên Thai, Sư gặp một vị Tăng nói chuyện với nhau như đã quen biết từ xưa, nhìn kỹ là người Mục quang xạ. Hai người đồng hành, gặp một khe suối nước đầy chảy mạnh, Sư lột mũ chống gậy đứng lại. Vị Tăng kia thúc Sư đồng qua. Sư bảo:

- Huynh cần qua thì tự qua.

Vị Tăng kia liền vén y, bước trên sóng như đi trên đất bằng. Qua đến bờ, vị Tăng kia xây lại hỏi:

- Qua đây! qua đây!

Sư bảo:

- Bậy! Việc ấy tự biết. Nếu tôi sớm biết sẽ chặt bấp đùi huynh.

Vị Tăng kia khen:

- Thật là pháp khí Đại thừa, tôi không bì kịp.

Nói xong, không thấy vị Tăng ấy nữa.

*

Sư đến kinh đô nhờ người mách đến tham vấn Mã Tổ, đến nơi Mã Tổ đã tịch. Sư đến Thạch Môn lễ tháp, rồi tìm đến Bá Trượng.

Bá Trượng hỏi:- Chững chạc to lớn từ đâu đến?

Sư thưa:- Chững chạc to lớn từ Lãnh Nam đến.

- Chững chạc to lớn sẽ vì việc gì?

- Chững chạc to lớn chẳng vì việc khác.

Sư liền lễ bái hỏi:- Từ trước tông thừa chỉ dạy thế nào?

Bá Trượng lặng thinh.

Sư thưa:- Không thể dạy người sau, dứt hẳn mất.

Bá Trượng bảo:- Sẽ nói riêng với người.

Bá Trượng đứng dậy đi vào phương trượng. Sư đi theo sau, thưa:

- Con đến riêng một mình.

Bá Trượng bảo:

- Nếu vậy, người sau sẽ không cô phụ ta.

*

Một hôm, Bá Trượng hỏi:- Ở đâu đến?

Sư thưa:- Nhỏ nắm dưới núi Đại Hùng đến.

- Lại thấy đại trùng chẳng?

Sư làm tiếng cộp rỗng. Bá Trượng cầm búa thủ thế. Sư vỗ vào chân Bá Trượng một cái. Bá Trượng cười to bỏ đi.

Bá Trượng thượng đường bảo chúng:

- Dưới núi Đại Hùng có con đại trùng, các người nên xem. Lão Bá Trương này hôm nay đích thân bồng gập và bị cắn một cái.

*

Sư ở chỗ Nam Tuyên. Một hôm, toàn chúng đi hái trà, Nam Tuyên hỏi:

- Đi đâu?

Sư thưa:- Đi hái trà.

- Đem cái gì hái?

Sư đưa con dao lên. Nam Tuyên bảo:- Tất cả đi hái trà đi.

*

Hôm nọ, Nam Tuyên bảo Sư:

- Lão Tăng ngẫu hứng làm bài ca “Chấn Trâu”, mời Trưởng lão hòa.

Sư thưa:- Tôi tự có thầy rồi.

*

Sư từ già đi nơi khác. Nam Tuyên tiến đến cổng, cầm chiếc mũ của Sư đưa lên hỏi:

- Trưởng lão thân to lớn mà chiếc mũ rất nhỏ vậy?

Sư thưa:- Tuy nhiên như thế, đại thiên thế giới đều ở trong ấy.

Nam Tuyên bảo:- Vương lão sư vậy.

Sư đội mũ ra đi.

*

Sau, Sư về trụ trì tại Hồng Châu chùa Đại An. Đồ chúng tìm đến rất đông.

Có lần, Sư tránh chúng đến chùa Khai Nguyên cũng ở Hồng Châu. Tướng quốc Bùi Hưu vào chùa thấy hình vẽ trên vách, hỏi thầy trụ trì:

- Vẽ cái gì đây?

Thầy trụ trì đáp:- Vẽ hình Cao tăng.

Bùi Hưu hỏi:- Hình có thể thấy, Cao tăng ở đâu?

Thầy trụ trì không đáp được.

Bùi Hưu hỏi:

- Trong đây có Thiên nhân chăng?

Thầy trụ trì đáp:

- Vừa có một vị Tăng vào chùa đang làm việc in tuồng Thiên giả.

Bùi Hưu bèn xin cho gặp. Thấy Sư, Bùi Hưu nói:

- Hưu vừa có một câu hỏi, chư đức tiếc lời, giờ thỉnh thượng nhân đáp thế một câu.

Sư bảo:- Mời Tướng công hỏi lại.

Bùi Hưu lặp lại câu hỏi trước.

Sư dùng tiếng trong thanh gọi:- Bùi Hưu!

Bùi Hưu:- Dạ!

Sư bảo:- Ở chỗ nào?

Bùi Hưu ngay nơi đó ngộ được ý chỉ như được hạt châu trên búi tóc, bèn thỉnh Sư vào phủ kính thờ làm thầy.

*

Có hôm Bùi Hưu hỏi:- Thế nào là Phật?

Sư đáp:

- Tức tâm là Phật, không tâm là đạo. Chỉ không có cái tâm khởi tâm động niệm, có không, dài ngắn, ta người, năng sở... Tâm vốn là Phật, Phật vốn là tâm, tâm như hư không, sở dĩ nói: “Chân Pháp thân của Phật ví như hư không.” Không nên cầu riêng, có cầu đều khổ. Giả sử trải qua số kiếp như cát sông Hằng tu hành lục độ vạn hạnh, được Phật Bồ-đề, cũng không phải cứu kính. Vì cố sao? Vì thuộc về nhân duyên tạo tác, nhân duyên nếu hết trở lại vô thường. Sở dĩ nói: “Báo, Hóa không phải chân Phật, cũng không phải nói pháp.” Cốt biết tâm mình không ngã không nhân xưa nay là Phật.

Bùi Hưu hỏi:

- Tâm đã xưa nay là Phật, lại cầu tu lục độ vạn hạnh chẳng?

Sư đáp:

- Ngộ tại tâm, không quan hệ gì lục độ vạn hạnh. Lục độ vạn hạnh đều là cửa hóa đạo, là việc bên tiếp vật độ sanh. Giả sử Bồ-đề, chân như, thật tế, giải thoát, pháp thân, thẳng đến thập địa, bốn quả vị thánh đều là cửa hóa độ, không quan hệ Phật tâm. Tâm tức là Phật, nên nói: “Tất cả trong cửa tiếp độ, Phật tâm là bậc nhất.” Chỉ không tâm sanh tử phiền não v.v... tức không cần đến pháp Bồ-đề v.v... nên nói “Phật nói tất cả pháp để độ tất cả tâm, ta không tất cả tâm đâu dùng tất cả pháp” (Tổ Huệ Năng). Từ Phật đến Tổ không luận việc gì khác, chỉ luận một tâm, cũng nói là “Nhất thừa”, nên nói “tìm kỹ mười phương lại không có thừa khác, chúng sanh này không còn nhánh lá, chỉ toàn hạt chắc (kinh Pháp Hoa). Bởi vì ý này khó tìm, nên Tổ Đạt-ma sang xứ này đến hai nước Lương, Ngụy mà chỉ có một mình Huệ Khả đại sư thâm tin tâm mình, ngay một câu nói liền lãnh hội “tức tâm là Phật”. Thân tâm đều không, ấy là đại đạo. Đại đạo xưa nay bình đẳng, nên nói “tin sâu chúng hàm sanh đồng một chân tánh”. Tâm tánh không khác, tức tánh tức tâm, tâm không khác tánh, gọi đó là Tổ. Lại có câu: “Khi nhận được tâm tánh, nên nói không nghĩ bàn.”

Sau này, Tướng quốc Bùi Hưu đến trấn Uyển Lăng lập đại Thiền uyển thỉnh Sư làm hóa chủ ở đó. Vì mấn núi cũ nên Sư vẫn để hiệu là Hoàng Bá [Phần truyền dạy của Sư cho Bùi Hưu đầy đủ, nên đọc phần sưu tập “Tối Thượng Thừa Luận”].

*

Một hôm, Sư thượng đường, đại chúng vân tập, Sư bảo:

- Các người! các người muốn cầu cái gì?

Sư cầm trượng đuổi chúng. Đại chúng không tan. Sư lại ngồi xuống bảo:

- Các người toàn là bọn ăn hèm, thế mà xưng hành khước để cho người chê cười.

Thà cam thấy tám trăm, một ngàn người giải tán, chớ không thể chịu sự ồn náo. Ta khi đi hành khước hoặc gặp dưới rễ cỏ có cái ấy, là đem hết tâm tư xem xét nó. Nếu biết ngứa ngáy khả dĩ lấy đũa đựng gạo cúng dường. Trong lúc đó, nếu dễ dàng như các người hiện giờ thì làm gì có việc ngày nay. Các người đã xưng là hành khước, cần phải có chút ít tinh thần như thế, mới có thể biết đạo. Trong nước Đại Đường không có Thiên sư sao?

Có vị Tăng ra hỏi:

- Bậc tôn túc ở các nơi hợp chúng chỉ dạy, tại sao nói không Thiên sư?

Sư bảo:

- Chẳng nói không thiên, chỉ nói không Sư. Xà-lê chẳng thấy sao, dưới Mã Tổ Đại sư có tám mươi bốn người ngồi đạo tràng, song được chánh nhãn của Mã Tổ chỉ có hai ba người, Hòa thượng Lô Sơn Qui Tông là một trong số ấy.

Phàm người xuất gia phải biết sự phần từ trước lại mới được. Vả như, dưới Tứ Tổ, Đại sư Ngưu Đầu Pháp Dung nói dọc nói ngang vẫn chưa biết then chốt hương thượng. Có con mắt này mới biện được tông đảng tà chánh. Người hiện giờ không hay thể hội, chỉ biết học ngôn ngữ, nghĩ nhảm trong đây da tức chỗ đến an ổn, xưng là ta hội thiên, lại thay việc sanh tử cho người được chăng? Khinh thường bậc lão túc vào địa ngục nhanh như tên bắn. Ta vừa thấy người vào cửa liền biết được rồi. Lại biết chăng? Cần kíp nỗ lực chớ dung dị. Thọ nhận chén cơm manh áo của người mà để một đời qua sông, người sáng mắt chê cười. Người thời gian sau hẳn sẽ bị người tục lồi đi. Phải tự xem xa gần cái gì là việc trên mặt? Nếu hội liền hội, nếu không hội giải tán đi. Trân trọng!

*

Sư Lâm Tế Nghĩa Huyền đến hỏi:- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Sư liền đập một gậy. Đến ba phen hỏi, mỗi lần đều bị một gậy. Sau cùng, Sư Lâm Tế phải từ giã Sư đi nơi khác. Sư dạy qua tham vấn Đại Ngu. Sau này, Lâm Tế đắc ngộ ý chỉ của Sư.

*

Chỗ chỉ dạy của Sư đều nhằm vào bậc thượng căn, người trung và hạ khó thấy được yếu chỉ.

Đời Đường khoảng niên hiệu Đại Trung (847-860 T.L.), Sư tịch tại núi Hoàng Bá.

Nhà vua sắc thụy là Đoạn Tế Thiên sư, tháp hiệu Quảng Nghiệp.

Sư có làm bài kệ khích lệ chúng:

Trần lao quýnh thoát sự phi thường,
Hệ bã thẳng đầu tố nhất trường.
Bất thị nhất phiên hàn triệt cốt,
Tranh đắc mai hoa phốc tử hương.

Dịch:

Vượt khỏi trần lao việc chẳng thường,
Đầu dây nắm chặt giữ lập trường.
Chẳng phải một phen xương lạnh buốt,
Hoa mai đâu dễ ngửi mùi hương.

*

37. THIÊN SƯ ĐẠI AN

(? - 883)

Sư họ Trần, quê ở Phước Châu, xuất gia lúc còn bé, ở núi Hoàng Bá chuyên học Kinh Luật. Sư thường tự nghĩ: “Ta tuy cố gắng nhọc nhằn mà chưa nghe được lý huyền cực.” (lý cao siêu tột cùng của đạo) Do đó, Sư bèn một mình du phương, định sang Hồng Châu, đi Thượng Nguyên gặp một ông già bảo Sư: “Thầy nên đến Nam Xương sẽ có sở đắc.” Sư liền đi đến ra mắt Bá Trượng.

Lễ bái xong, Sư thưa:- Con muốn cầu biết Phật, thế nào là phải?

Bá Trượng bảo:- Thật là người cỡi trâu tìm trâu.

- Sau khi biết thì thế nào?

- Như người cỡi trâu về đến nhà.

- Chẳng biết trước sau gìn giữ thế nào?

- Như người chăn trâu cầm roi dòm chừng không cho nó ăn lúa mạ của người.

Sư nhân đây lãnh hội ý chỉ, chẳng đi tìm đâu nữa.

*

Nhân Thiên sư Linh Hựu khai sáng tại Qui Sơn, Sư đích thân đến đó phụ tá. Đến khi Linh Hựu tịch, đại chúng thỉnh Sư tiếp nối trụ trì.

Sư thượng đường bảo chúng:

- Cả thầy các người đến Đại An này tìm cầu cái gì? Nếu muốn làm Phật, các người tự là Phật. Sao lại gánh Phật sang nhà bên cạnh tìm, luống tự nhọc

nhần? Ví như con nai khát nước mà chạy theo ánh nắng (ánh nắng giống như nước, con nai lầm tưởng là nước cắm đầu chạy tìm), biết bao giờ được khế hợp.

Các người muốn làm Phật, chỉ cần không có những tâm: điên đảo, vin theo, vọng tưởng, nghĩ ác, cấu đục, chẳng sạch của chúng sanh, tức các người là Phật chánh giác mới phát tâm, lại đến chỗ riêng nào luận bàn. Sở dĩ, Đại An này ở tại núi Qui ba mươi năm, ăn cơm núi Qui, đại tiện núi Qui, mà không học thiền núi Qui, chỉ coi chừng con trâu. Nếu nó lạc đường hay vào trong cỏ, liền lôi nó lại. Nếu nó ăn lúa mạ của người, liền đánh đập điều phục nó. Đáng thương đã lâu chịu người rầy rà, hiện giờ nó đổi thành con trâu trắng đứng trước mặt, trọn ngày hiện sờ sờ đuổi cũng chẳng đi.

Cả thầy các người, mỗi người có hòn ngọc lớn vô giá, từ cửa con mắt phóng quang soi sáng núi sông cây cỏ, từ cửa lỗ tai phóng quang nhận lãnh phân biệt tất cả âm thanh lành dữ, sáu cửa ngày đêm thường phóng quang sáng, cũng gọi là phóng quang tam-muội. Các người tự chẳng biết, lại nhận bóng trong thân tứ đại. Nó là vật do trong ngoài giúp đỡ không dám chinh nghiêng, như người gánh nặng đi qua cây cầu khỉ, không dám để sẩy chân. Hãy nói vật gì có thể gìn giữ được? Như thế, không có một mảnh tơ, một sợi tóc có thể thấy. Đâu chẳng nghe Hòa thượng Chí Công nói: “Trong ngoài tìm kiếm trọn không ra. Trên cảnh thi vi gồm tất cả.”

Trân trọng!

*

Có vị Tăng hỏi Sư:

- Tất cả thi vi là dụng của pháp thân, thế nào là pháp thân?

Sư đáp:- Tất cả thi vi là dụng của pháp thân.

- Lia năm uẩn, thế nào là thân xưa nay?

- Đất nước gió lửa, thọ tướng hành thức.

- Cái ấy là năm uẩn?

- Cái ấy là năm uẩn.

*

Tăng hỏi:- Khi ấm này đã mất, ấm kia chưa sanh thì thế nào?

Sư bảo:- Ấm này chưa mất, cái gì là Đại đức?

- Chẳng hội.

- Nếu hội ấm này liền rõ ấm kia.

*

Hòa thượng Tuyết Phong nhân vào núi lượm được một nhánh cây hình giống con rắn, đề trên lưng một câu: “vốn tự thiên nhiên chẳng nhờ bào gọt”, gởi tặng Sư.

Sư nhận, nói:- Người bản sắc ở núi, vẫn không vết dao búa.

*

Có người hỏi Sư:- Phật ở chỗ nào?

Sư đáp:- Chẳng lìa tâm.

- Người trên hai ngọn có được cái gì?

- Pháp không có chỗ được, dù có chỗ được, được vốn không được.

*

Sư giáo hóa ở thành Mân (tỉnh Phước Kiến) hơn hai mươi năm.

Đời Đường niên hiệu Trung Hòa năm thứ ba (883 T.L.), ngày hai mươi hai tháng mười, Sư trở về chùa Hoàng Bá, có chút bệnh rồi tịch. Môn đồ xây tháp thờ Sư trên núi Lăng-già.

Vua ban hiệu là Viên Trí Thiên sư, tháp hiệu Chứng Chơn.

*

38. THIÊN SƯ THẦN TÁN

Sư quê ở Phước Châu, xuất gia tại chùa Đại Trung quận nhà. Sau, Sư đi hành khước gặp Bá Trượng Hoài Hải chỉ dạy được khai ngộ.

Sư trở về quê, bốn sư hỏi:

- Người rời ta đi các nơi, đã được sự nghiệp gì?

Sư thưa:- Hoàn toàn không có sự nghiệp.

Bốn sư sai hầu hạ như trước.

*

Một hôm, nhân bốn sư tắm, bảo Sư kỳ đất. Sư bèn vỗ vào lưng bốn sư nói:

- Chỗ điện Phật đẹp mà Phật chẳng thánh.

Bốn sư xoay đầu ngó lại.

Sư nói tiếp:

- Phật tuy chẳng thánh vẫn hay phóng quang.

*

Lại một hôm, bốn sư ngồi trong cửa sổ xem kinh, có con ong chui đầu vào tấm giấy dán ở cửa sổ tìm lối ra. Sư trông thấy nói:

- Thế giới thên thang như thế mà chẳng chịu ra, dùi đầu vào giấy cũ biết năm nào ra được?

Sư liền nói bài kệ:

Không môn bất khả xuất

Đầu song dã thái si

Bách niên tán cổ chỉ

Hà nhật xuất đầu thì?

Dịch:

Cửa không chẳng chịu ra
Quá ngu chui cửa sổ
Giấy cũ trăm năm dùi
Ngày nào dùi được phủng?
Bổn sư để kinh xuống hỏi:

- Người đi hành khước gặp người nào, ta trước sau nghe người nói lời dị thường?

Sư thưa:

- Con nhờ ơn Hòa thượng Bá Trượng chỉ dạy được chỗ thôi dứt, nay muốn đáp lại đức từ bi.

Bổn sư bèn bảo chúng đến giờ trai, thỉnh Sư thuyết pháp. Sư lên tòa đề cao môn phong của Bá Trượng, nói:

- Linh Hòa ngọc sáng quang riêng chiếu vượt khỏi căn trần, bày hiện chân thường chẳng câu nệ văn tự. Tâm tánh không nhiễm vốn tự viên thành, chỉ lìa vọng duyên tức như như Phật.

Bổn sư nghe câu này liền cảm ngộ, bảo:

- Có khi nào Lão tăng nghe được việc tốt thế này!

*

Sau, Sư đến trụ trì tại chùa Cổ Linh, giáo hóa đồ chúng được mấy trăm. Sắp tịch, Sư cạo tóc tắm gội bảo đánh chuông, gọi chúng dặn:

- Cả thầy các người có biết chánh định không tiếng tăm chẳng?

Chúng thưa:- Chẳng biết.

Sư bảo:- Các người lắng nghe chớ có suy nghĩ riêng.

Chúng đều lắng nghe. Sư an nhiên thị tịch.

*

39. THIÊN SƯ VÔ NGÔN THÔNG

(? - 826)

Sư họ Trịnh, quê ở Quảng Châu, xuất gia tại chùa Song Lâm xứ Vũ Châu. Tánh Sư điềm đạm ít nói mà thông minh, nên thời nhân gọi là Vô Ngôn Thông.

Sư lễ Phật, có một Thiên khách hỏi:- Tọa chủ lễ đó là cái gì?

Sư đáp:- Là Phật.

Thiên khách bèn chỉ tượng Phật hỏi:- Cái này là Phật gì?

Sư không đáp được.

Đến tối, Sư y phục chỉnh tề đến lễ Thiên khách, thưa:

- Hôm nay Thầy hỏi, tôi chưa biết ý chỉ thế nào?

Thiền khách hỏi:- Tọa chủ được mấy hạ?

Sư thưa:- Mười hạ.

Thiền khách bảo:- Đã từng xuất gia chưa?

Sư càng thêm mờ mịt.

Thiền khách khuyên Sư đồng đến tham học với Mã Tổ. Đi đến Giang Tây nghe tin Mã Tổ đã tịch, bèn đến yết kiến Bá Trượng Hoài Hải.

*

Một hôm, trong giờ tham vấn, có vị Tăng hỏi Bá Trượng:

- Thế nào là pháp môn đốn ngộ của Đại thừa?

Bá Trượng đáp:

- Đất tâm nếu không, mặt trời trí tuệ tự chiếu.

Nghe câu này, Sư hoát nhiên đại ngộ.

*

Sau, Sư về Quảng Châu trụ trì tại chùa Hòa An.

Có người hỏi:- Thầy phải Thiền sư chăng?

Sư đáp:- Bản đạo chẳng từng học thiền.

Sư lặng thinh giây lâu, gọi người kia:

Người kia đáp:- Dạ!

Sư chỉ cây tông lư (cây móc).

*

Một hôm, Sư bảo Huệ Tịch đem giường lại. Huệ Tịch đem đến.

Sư bảo:- Đem lại chỗ cũ.

Huệ Tịch vâng theo.

Sư hỏi:- Cái giường ở bên này là vật gì?

- Không vật.

- Cái giường để bên kia là vật gì?

- Không vật.

Sư gọi: Huệ Tịch!

Huệ Tịch đáp: Dạ!

Sư bảo: Đi!

*

Năm Canh Tý niên hiệu Nguyên Hòa đời Đường (820 T.L.), Sư sang An Nam ở chùa Kiến Sơ làng Phù Đổng (Bắc Ninh). Ở đây trọn ngày, Sư ngồi xây mặt vào vách suốt mấy năm mà không ai biết, chỉ Thiền sư Cảm Thành (trụ trì chùa này) biết Sư là vị Cao tăng đặc đạo trong nhà thiền. Cảm Thành hết lòng kính trọng tôn thờ Sư làm thầy.

Một hôm, Sư gọi Cảm Thành đến bảo:

- Ngày xưa Tổ sư là Nam Nhạc (Hoài Nhượng) khi sắp tịch có dặn mấy lời:

Nhất thiết chư pháp giai tùng tâm sanh
Tâm vô sở sanh pháp vô sở trụ
Nhược đạt tâm địa sở trụ vô ngại
Phi ngộ thượng căn thận vật khinh hứa.

Dịch:

Tất cả các pháp đều từ tâm sanh
Tâm không chỗ sanh, pháp không chỗ trụ
Nếu đạt tâm địa chỗ trụ không ngại
Chẳng gặp thượng căn dè dặt chỗ dạy.

Nói xong, Sư chấp tay thị tịch, nhằm năm Bảo Lịch thứ hai đời Đường (826 T.L.). Cảm Thành rước Sư lên hỏa đàn, thu hài cốt xây tháp thờ ở núi Tiên Du.



NỐI PHÁP CHƯƠNG KINH HOÀI UẨN

40. THIÊN SƯ HOẰNG BIỆN

Vua Đường Tuyên Tông hỏi Sư:

- Thiên tông sao có tên Nam, Bắc?

Sư đáp:

- Thiên môn vốn không có Nam, Bắc. Xưa Như Lai đem chánh pháp nhân trao cho Tổ Đại Ca-diếp, lần lượt truyền nhau đến đời thứ hai mươi tám là Tổ Bồ-đề-đạt-ma. Tổ Đạt-ma sang phương này (Trung Hoa) là Sơ Tổ, truyền đến vị Tổ thứ năm là Đại sư Hoằng Nhẫn. Tổ Hoằng Nhẫn mở bày chánh pháp ở Đông Sơn có hai đệ tử lỗi lạc là Huệ Năng và Thần Tú. Đại sư Huệ Năng được truyền y bát, về ở Lĩnh Nam làm Tổ thứ sáu. Đại sư Thần Tú ở phương Bắc giáo hóa. Sau này, đệ tử Sư Thần Tú là Phổ Tịch lập thầy mình lên làm Tổ thứ sáu, rồi tự xưng là Tổ thứ bảy. Hai vị ấy được pháp là một, mà mở đạo khai ngộ có đốn tiệm khác nhau, cho nên gọi là Nam đốn, Bắc tiệm. Chẳng phải Thiên tông sẵn có tên Nam, Bắc vậy.

- Thế nào gọi là giới Sư?

- Ngừa lỗi đừng ác gọi là giới.

- Sao gọi là định?

- Sáu căn tiếp xúc với cảnh mà không chạy duyên theo là định.

- Sao là tuệ?

- Tâm cảnh đều không, chiếu soi chẳng lầm là tuệ.

- Sao là phương tiện?

- Phương tiện là ẩn che tướng thật, là cửa khéo léo tạm thời, để giáo hóa bậc trung, hạ căn chiêu uốn dẫn dụ họ gọi là phương tiện. Dù là bậc thượng căn nói bỏ phương tiện chỉ nói đạo vô thượng, đây cũng là nói phương tiện. Cho đến Tổ sư dùng lời huyền diệu quên công bật lời, cũng không vượt ngoài dấu vết phương tiện.

- Sao là Phật tâm?

- Phật là tiếng Ấn Độ, Trung Hoa gọi là Giác. Nghĩa là người có trí tuệ giác chiếu là Phật tâm. Tâm là tên riêng của Phật. Có trăm ngàn tên khác mà nghĩa là một, vốn không có hình trạng, chẳng phải tướng xanh, vàng, đỏ, trắng, nam nữ v.v... ở nơi trời mà chẳng phải trời, ở nơi người mà chẳng phải người, mà hay hiện trời người, hiện nam nữ chẳng trước, chẳng sau, không sanh không diệt, cho nên gọi là tánh linh giác. Như bộ hạ hằng ngày ứng dụng muôn việc tức là Phật tâm của bộ hạ. Giả sử được ngàn vị Phật đồng truyền, vẫn không nghĩ mình có sở đắc.

- Như nay có người niệm Phật là sao?

- Như Lai ra đời là bậc thầy thiện tri thức của người. Ngài tùy căn cơ nói pháp, vì bậc thượng căn mở Tối thượng thừa đốn ngộ lý cùng tột, vì bậc trung hạ căn chưa có thể chóng hiểu, ấy là Phật vì bà Vi-đê-hi tạm mở cửa “mười sáu pháp quán” dạy niệm Phật sanh về Cực lạc. Cho nên kinh nói: “Tức tâm tức Phật, tâm ấy là Phật, ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật không có tâm.”

- Có người tụng kinh, trì chú, niệm Phật để cầu làm Phật thì sao?

- Như Lai mở bày các thứ đều vì một thừa tối thượng, như trăm sông đều chảy về biển. Các pháp sai biệt như thế đều trở về biển Bát-nhã (Phật trí).

- Tổ sư đã khế hội tâm ấn, kinh Kim Cang nói “không có pháp sở đắc” là sao?

- Phương pháp giáo hóa của Phật thật không có một pháp cho người. Chỉ vì chỉ dạy cho mọi người, mỗi người đều có một kho pháp bảo. Chính khi Phật Nhiên Đăng ấn chứng cho Phật Thích-ca pháp căn bản ấy, Phật Thích-ca không có sở đắc mới khế hội bản ý của Phật Nhiên Đăng. Cho nên kinh nói: “Không ngã không nhân không chúng sanh không thọ giả, pháp ấy bình đẳng, tu tất cả pháp lành mà chẳng trụ nơi tướng.”

- Thiên sư đã hội ý Tổ, lại có lẽ Phật tụng kinh chẳng?

- Sa-môn Thích tử lễ Phật tụng kinh là pháp thường của Trụ trì, có bốn quả báo vậy. Song y Phật giới để tu thân, tìm học với các bậc thiện tri thức để tập tu hạnh thanh bạch, bước theo dấu Như Lai đã đi.

- Sao lại đốn ngộ? Sao là tiệm tu?

- Chóng thấy tự tánh cùng Phật đồng bậc, song còn có tập nhiễm từ vô thủy nên mượn tiệm tu để đối trị, khiến theo tánh khởi dụng. Như người ăn cơm không thể một miếng được no.

Hôm ấy, Sư đối đáp với vua bảy khấc. Vua ban cho Sư tử y (y đỏ) và phương bào (áo vuông) và ban hiệu là Viên Trí Thiền sư.

*

41. THIÊN SƯ TRÍ CHƠN

(782 - 865)

Sư họ Liễu, quê ở Dương Châu, xuất gia tại chùa Hoa Lâm ở bản châu. Đời Đường niên hiệu Nguyên Hòa năm đầu (806 T.L.), Sư đến Nhuận Châu thọ giới ở chùa Thiên Hương. Sư không thích học tập Kinh Luận, chỉ mộ tu Thiền.

Sư tìm đến yết kiến Thiền sư Hoài Uẩn (Chương Kính).

Hoài Uẩn hỏi:- Ở đâu đến?

Sư thưa:- Đến không chỗ đến, lại không chỗ lại.

Hoài Uẩn lặng thinh, Sư thầm khế hội.

*

Niên hiệu Khai Thành năm đầu (836 T.L.), Sư sang Phước Châu đến ấp Trường Khê có Trần Lượng, Hoàng Du thỉnh Sư ở lại núi Qui giáo hóa.

Một hôm, Sư dạy chúng:

- Nheo mày chớp mắt chẳng ngoài người này (người chân thật), một niệm tịnh tâm xưa nay là Phật.

Sư nói kệ:

Tâm bản tuyệt trần hà dụng tể

Thân trung vô bệnh khởi cầu y

Dục tri thị Phật phi thân xử

Minh giám cao huyền vị chiếu thì.

Dịch:

Tâm vốn bật trần đâu cần rửa

Trong thân không bệnh rước thầy chi

Phật kia chẳng phải nơi thân ở

Gương sáng treo cao chưa chiếu gì.

*

Gặp thời Võ Tôn (841-846 T.L.) hủy diệt Phật giáo, bắt Tăng còn trẻ phải hoàn tục, Sư cũng phải hoàn tục. Lúc ấy, Sư có làm hai bài kệ dạy chúng:

Minh nguyệt phân hình xứ xứ tân
Bạch y ninh trụ giải không nhân
Thùy ngôn tại tục phòng tu đạo
Kim Túc tăng vi trưởng giả thân.

*

Nhẫn Tiên lâm hạ tọa thiền thời
Tăng bị Ca Vương cát tài chi
Hướng ngã thánh triều vô thử sự
Chi kim hưu đạo diệc hà bi?

Dịch:

Trăng sáng phân hình chỗ chỗ tươi
Bạch y dễ kéo giải không người
Tại gia ai bảo tu học khó?
Kim Túc từng làm Trưởng giả chơi.

[Kim Túc nói đủ là Kim Túc Như Lai tức là tiền thân của cư sĩ Duy-ma-cật.]

*

Nhẫn Tiên thiền tọa ở rừng sâu
Từng bị Lợi Vương chặt cắt đau
Hướng nay thánh chúa không việc ấy
Chỉ bắt thôi tu đáng buồn đâu?

Đến vua Tuyên Tông lên ngôi (847 T.L.) sùng phụng Phật pháp, Sư trở về chùa như xưa. Niên hiệu Hàm Thông năm thứ sáu (865 T.L.), Sư tịch tại núi này, thọ tám mươi bốn tuổi, sáu mươi tuổi hạ.

Vua ban hiệu là Qui Tịch Thiền sư, tháp hiệu Bí Chơn.

*

NỔI PHÁP NAM TUYỀN PHỔ NGUYỄN

42. THIÊN SỬ CẢNH SÂM

(Trường Sa)

Sau khi đắc pháp nơi Nam Tuyền, Sư đến Lộc Uyển an trụ. Về sau, Sư không ở một chỗ nhất định, chỉ tùy duyên tùy cảnh giáo hóa độ sanh. Vì thế, người đương thời gọi Sư là Hòa thượng Trường Sa.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Nếu ta một bề nêu cao tông giáo thì trong pháp đường này cỏ mọc cao một trượng. Vì sự bất đắc dĩ, ta bảo các người rằng: Tột mười phương thế giới là mắt của Sa-môn, tột mười phương thế giới là thân của Sa-môn, tột mười phương thế giới là ánh sáng của mình, tột mười phương thế giới ở trong ánh sáng của mình, tột mười phương thế giới không có người nào là chẳng phải chính mình. Ta thường nói với các người: Chư Phật trong đời cùng chúng sanh khắp pháp giới là ánh sáng Ma-ha Bát-nhã. Khi ánh sáng này chưa phát, cả thảy các người đến nương nơi đâu? Khi ánh sáng này chưa phát, còn không có tấm dạng Phật và chúng sanh, thì chỗ nào có núi sông thế giới?

Có vị Tăng hỏi:- Thế nào là mắt Sa-môn?

Sư đáp:

- Dài dài ra chẳng đặng, thành Phật thành Tổ ra chẳng đặng, sáu đạo luân hồi ra chẳng đặng.

- Chẳng biết ra cái gì chẳng đặng?

- Ngày thấy mặt trời, đêm thấy sao.

- Con không hội.

- Núi Diệu Cao sắc xanh lại xanh.

*

Sư sai một vị Tăng đến hỏi bạn đồng sư là Hòa thượng Hiệp rằng:

- Hòa thượng sau khi thấy Nam Tuyên rồi thế nào?

Hòa thượng Hiệp lặng thinh.

Tăng hỏi:- Hòa thượng trước khi chưa thấy Nam Tuyên thì sao?

Hòa thượng Hiệp đáp:- Không thể lại riêng có.

Vị Tăng về thuật lại Sư nghe, Sư làm một bài kệ chỉ bày:

Bách trượng can đầu bất động nhân

Tuy nhiên đắc nhập vị vi chân

Bách trượng can đầu tu tấn bộ

Thập phương thế giới thị toàn thân.

Dịch:

Trăm trượng đầu sào vẫn đứng yên

Tuy là được nhập chẳng phải hiền

Đầu sào trăm trượng cần vượt khỏi

Mười phương thế giới thảy thân mình.

*

Có quan khách đến yết kiến, Sư gọi:- Thượng thơ!

Quan khách:- Dạ!

- Chẳng phải bốn mạng thượng thơ.

- Không thể rời người đối đáp hiện nay lại có chủ nhân thứ hai.
- Gọi thượng thơ là chí tôn được chăng?
- Thế là khi chẳng đối, đâu không phải là chủ nhân của đệ tử?
- Chẳng những khi đối và khi không đối, mà từ vô thủy kiếp đến giờ cái ấy là cội gốc của sanh tử.

Sư làm bài kệ:

Học đạo chi nhân bất thức chân
 Chi vị từng lai nhận thức thân
 Vô thủy kiếp lai sanh tử bản
 Si nhân hoán tác bản lai nhân.

Dịch:

Học đạo mà không hiểu lẽ chân
 Bởi tại lâu rồi nhận thức thân
 Gốc nguồn sanh tử vô thủy kiếp
 Người ngu lại gọi chủ nhân ông.

*

Tăng Hạo Nguyệt hỏi:

- Những vị thiện tri thức trong thiên hạ chứng được ba đức Niết-bàn chưa?

Sư đáp:

- Đó là Đại đức hỏi trên quả Niết-bàn hay trong nhân Niết-bàn?
- Trên quả Niết-bàn.
- Những thiện tri thức trong thiên hạ chưa chứng.
- Vì sao chưa chứng?
- Vì công chưa bằng chư thánh.
- Công chưa bằng chư thánh sao làm thiện tri thức.
- Thấy rõ Phật tánh cũng được gọi là thiện tri thức.
- Chẳng biết công bằng chừng nào mới được chứng Niết-bàn?

Sư có bài kệ:

Ma-ha Bát-nhã chiếu
 Giải thoát thậm thâm pháp
 Pháp thân tịch diệt thể
 Tam nhất lý viên thường.
 Dục thức công tề xứ
 Thử danh thường tịch quang.

Dịch:

Trí tuệ lớn rộng soi
 Pháp giải thoát sâu xa
 Thể pháp thân vắng lặng

Ba một lý thường tròn.
Muốn biết chỗ công bằng
Đây gọi thường tịch quang.

- Trên quả ba đức Niết-bàn đã nhờ chỉ dạy, thế nào là trong nhân Niết-bàn?

- Đại đức ấy.

- Trong kinh nói ý huyễn là có chăng?

- Đại đức nói gì?

- Thế là ý huyễn tại không chăng?

- Đại đức nói gì?

- Thế là ý huyễn tại chẳng có chẳng không chăng?

- Đại đức nói gì?

- Con ba phen nhận định chẳng hợp ý huyễn, chưa biết Hòa thượng thế nào để rõ được ý huyễn trong kinh?

- Đại đức tin tất cả pháp không thể nghĩ bàn chăng?

- Lời thành thật của Phật đâu dám không tin.

- Đại đức nói tin, trong hai thứ tin là thứ tin nào?

- Theo con hiểu, trong hai thứ tin là tin duyên (tín duyên).

- Y giáo môn nào được sanh tin duyên?

- Theo kinh Hoa Nghiêm nói: “Bồ-tát lớn lấy trí tuệ không chướng không ngại tin tất cả cảnh giới thế gian là cảnh giới Như Lai.” Lại, kinh Hoa Nghiêm nói: “Chư Phật Thế Tôn thấy biết thế pháp và Phật pháp tánh không sai khác, quyết định không hai.” Cũng kinh Hoa Nghiêm nói: “Phật pháp thế gian pháp, nếu thấy chỗ chân thật của nó, tất cả không sai khác.”

- Đại đức nêu chỗ tin duyên trong giáo môn rất có bằng cứ. Nghe Lão tăng vì Đại đức nói rõ ý huyễn trong kinh:

Nhược nhân kiến huyễn bản lai chân
Thị tắc danh vi kiến Phật nhân
Viên thông pháp pháp vô sanh diệt
Vô diệt vô sanh thị Phật thân.

Dịch:

Nếu người thấy huyễn xưa nay chân
Thế ấy tức là thấy Phật nhân (người)
Suốt tròn các pháp không sanh diệt
Không diệt không sanh ấy Phật thân.

*

Có vị Tăng hỏi:- Hòa thượng nối tiếp người nào?

Sư đáp:- Tôi không có người được nối tiếp.

- Lại có tham học không?
- Tôi tự tham học.
- Ý Hòa thượng thế nào?

Sư có bài kệ:

Hư không vấn vạn tượng
Vạn tượng đáp hư không
Thùy nhân thân đắc văn
Mộc xoa quán giác đồng.

Dịch:

Hư không hỏi vạn tượng
Vạn tượng đáp hư không
Người nào gần được nghe
Trẻ con đầu hai chỏm

*

Có vị Tăng hỏi:- “Sắc tức là không, không tức là sắc”, lý này thế nào?

Sư có bài kệ:

Ngại xứ phi tường bích
Thông xứ vật hư không
Nhược nhân như thị giải
Tâm sắc bản lai đồng

Phật tánh đường đường hiển hiện
Trụ tánh hữu tình nan kiến
Nhược ngộ chúng sanh vô ngã
Ngã diện hà thù Phật diện.

Dịch:

Chỗ ngại chẳng tường vách
Chỗ thông đâu hư không
Nếu người tìm hiểu như thế
Tâm sắc xưa nay đồng

Phật tánh hiển hiện rõ ràng
Trụ tánh hữu tình khó thấy
Nếu ngộ chúng sanh vô ngã
Mặt ta mặt Phật khác gì.
Sư có bài kệ khuyến học:
Vạn tượng can đầu vị đắc hư
Đường đường hữu lộ thiếu nhân du

Thiền sư nguyện đạt Nam Tuyền khứ
Mãn mục thanh sơn vạn vạn thu.

Dịch:

Muôn trượng đầu sào chẳng được dừng
Sờ sờ đường cái ít người đi
Thiền sư muốn đạt Nam Tuyền lộ
Đầy mắt núi xanh muôn muôn thu.

Vì Sư không có nơi trụ nhất định nên không biết tịch lúc nào và nơi nào.

*

43. THIÊN SƯ TÙNG THẨM

Triệu Châu - (778 - 897)

Sư họ Hác, quê ở làng Hác, thuộc Tào Châu. Lúc bé Sư xuất gia ở Hồ Thông Viện tại bản châu, nhưng chưa thọ giới. Sư tìm đến Trì Dương tham vấn Nam Tuyền (Phổ Nguyện) gặp lúc Nam Tuyền nằm nghỉ, mà vẫn hỏi:

- Vừa rời chỗ nào?

Sư thưa:- Vừa rời Đoan Tượng.

- Thấy Đoan Tượng chẳng?

- Chẳng thấy Đoan Tượng, chỉ thấy Như Lai nằm.

- Người là Sa-di có chủ hay không chủ?

- Sa-di có chủ.

- Chủ ở chỗ nào?

- Giữa mùa đông rất lạnh, ngưỡng mong tôn thể Hòa thượng được muôn phước.

Nam Tuyền khen ngợi liền nhận vào chúng.

*

Sư hỏi Nam Tuyền:- Thế nào là đạo?

Nam Tuyền đáp:- Tâm bình thường là đạo.

- Lại có thể nhằm tiến đến chẳng?

- Nghĩ nhằm tiến đến là trái.

- Khi chẳng nghĩ làm sao biết là đạo?

- Đạo chẳng thuộc biết và chẳng biết, biết là vọng giác, không biết là vô ký. Nếu thật đạt đạo thì chẳng nghĩ, ví như hư không thênh thang rộng rãi đâu thể gắng nói phải quấy?

Ngay câu nói này Sư ngộ lý.

*

Sư đến đàn Lưu Ly tại Tung Nhạc thọ giới. Thọ giới xong, Sư trở lại Nam Tuyền.

Sư hỏi Nam Tuyền:- Biết có người ấy đến chỗ nào an nghỉ?

Nam Tuyền bảo:- Đến nhà đàn việt dưới núi làm con trâu đi.

- Cảm tạ Thầy chỉ dạy.

- Đêm qua canh ba trăng soi cửa.

*

Sư đến Hoàng Bá (Hy Vận). Hoàng Bá thấy Sư đến liền đóng cửa phương trượng. Sư lấy lửa đem vào pháp đường kêu:

- Cứu lửa! cứu lửa!

Hoàng Bá mở cửa, nắm Sư đứng lại, bảo:- Nói! nói!

Sư bảo:- Cướp qua rồi mới trượng cung.

*

Sư đến Đạo Ngô (Viên Trí), vừa vào nhà, Đạo Ngô nói:

- Mũi tên Nam Tuyền đến!

Sư bảo:- Xem tên!

Đạo Ngô nói:- Trật.

Sư bảo:- Trúng.

*

Sư đến Giáp Sơn (Thiện Hội) cầm gậy vào pháp đường.

Giáp Sơn hỏi:- Làm gì?

Sư đáp:- Dò nước.

Giáp Sơn bảo:- Một nhỏ cũng không, dò cái gì?

Sư chống gậy đi ra.

*

Sau khi được Nam Tuyền ấn khả, Sư về Tào Châu thăm bốn sư. Những người quen thuộc hay tin Sư về đều muốn đến thăm, Sư nghe được bèn nói:

- Lưỡi ái trần tục không có ngày dứt được, ta đã từ bỏ xuất gia, không muốn gặp lại.

Sư liền mang bát cầm gậy dạo khắp các nơi. Sư thường nói:

- Trẻ con bảy tuổi hơn ta thì ta hỏi nó, ông già trăm tuổi chẳng bằng ta thì ta dạy họ.

*

Sau chúng thỉnh Sư ở viện Quan Âm tại Triệu Châu. Có vị Tăng hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư bảo:- Ở trong điện.

- Trong điện đâu không phải bùn đất đắp thành tượng?

- Phải.

- Thế nào là Phật?
- Ở trong điện.
- Con mê muội xin Thầy chỉ dạy.
- Ăn cháo xong chưa?
- Ăn cháo xong.
- Rửa chén bát đi!
- Tăng nhân đây đại ngộ.

*

Sư thượng đường dạy chúng:

- Như minh châu trong tay, Hồ đến thì hiện Hồ, Hán đến thì hiện Hán. Lão tăng nắm một nắm cỏ dùng làm thân vàng (thân Phật) một trượng sáu, đem thân vàng một trượng sáu dùng làm nắm cỏ, Phật là phiền não, phiền não là Phật.

Có vị Tăng đứng lên hỏi:- Chưa biết Phật là phiền não của ai?

Sư đáp:- Là phiền não của tất cả người.

- Làm sao khỏi được?
- Dùng khỏi làm gì?

*

Có người hỏi:- Con chó có Phật tánh không?

Sư đáp:- Không.

- Trên đến chư Phật, dưới đến loài trùng kiến đều có Phật tánh, vì sao con chó không có Phật tánh?

- Vì nó còn có nghiệp thức.

Lại, có người hỏi:- Con chó có Phật tánh không?

Sư đáp:- Có.

- Đã có Phật tánh vì sao chui vào trong dẫy da?
- Vì biết mà cố phạm.

*

Sư hỏi vị Tăng mới đến:- Từng đến đây chưa?

Tăng thưa:- Từng đến.

- Uống trà đi!

Sư lại hỏi Tăng:- Từng đến đây chưa?

Tăng thưa:- Chưa từng đến.

- Uống trà đi!

Sau Viện chủ hỏi Sư:

- Vì sao từng đến dạy uống trà đi, chưa từng đến cũng dạy uống trà đi?

Sư gọi:- Viện chủ!

Viện chủ đáp:- Dạ!

Sư bảo:- Uống trà đi!

*

Sư cầm chổi quét đất, có người hỏi:

- Hòa thượng là thiện tri thức vì sao có bụi?

Sư bảo:- Bên ngoài đến.

- Già-lam thanh tịnh vì sao có bụi?

- Lại có một điểm.

*

Có ông Tú tài đến hỏi Sư:

- Phật chẳng trái sở nguyện của chúng sanh phải chăng?

Sư đáp:- Phải.

- Con muốn xin cây gậy trong tay Hòa thượng được chăng?

- Người quân tử không đoạt cái sở thích của người.

- Con không phải là quân tử.

- Ta cũng chẳng phải là Phật.

*

Có người hỏi:

- Đã lâu nghe tiếng cầu đá Triệu Châu, nay đến chỉ thấy cầu nổi.

Sư bảo:- Ông chỉ thấy cầu nổi mà không thấy cầu đá.

- Thế nào là cầu đá?

- Độ lừa độ ngựa.

- Thế nào là cầu nổi?

- Mỗi mỗi độ người.

*

Sư dạy chúng:

- Vừa có phải quấy thì lảng xãng mất tâm, lại có người đáp thoại (câu nói) hay chăng?

Có vị Tăng bước ra võ thị giả một cái, nói:

- Sao không đáp Hòa thượng?

Sư liền vào phương trượng.

Sau, thị giả thưa:

- Vừa rồi có vị Tăng làm thế ấy là hội hay chẳng hội?

Sư bảo:- Ngồi thấy đứng, đứng thấy ngồi.

*

Sư dạy chúng:

- Đạo chẳng khó, chỉ hiềm lựa chọn, vừa có nói năng là lựa chọn, là minh bạch. Lão tăng chẳng ở trong minh bạch, các người lại tiếc giữ chẳng?

Có vị Tăng đứng ra hỏi:

- Đã chẳng ở trong minh bạch thì tiếc giữ cái gì?

Sư bảo:- Ta cũng chẳng biết.

- Hòa thượng đã chẳng biết, vì sao chẳng ở trong minh bạch?

- Hỏi việc thì được, lễ bái xong lui ra.

*

Quan Đại phu họ Mã đến hỏi:- Hòa thượng có tu hành chăng?

Sư đáp:- Lão tăng nếu tu hành là việc họa.

- Hòa thượng đã chẳng tu hành thì dạy người nào tu hành?

- Đại phu là người tu hành.

- Con sao bảo là tu hành?

- Nếu không tu hành thì đâu được đánh đập người, ở trong địa vị nhân vương đối có cơm, lạnh có áo, không biết ngày ra khỏi.

Đại phu nghe cảm động rơi nước mắt, lễ tạ Sư.

*

Có vị Tăng hỏi:- Trong mười hai giờ dụng tâm thế nào?

Sư đáp:- Người bị mười hai giờ sai khiến, ta sai khiến được mười hai giờ.

Sư bèn nói:

- Huynh đệ! Chớ đứng lâu. Có việc thì thương lượng, không việc thì đến nhà sau ngòai, tìm xét lý là tốt. Lão tăng lúc đi hành khước, trừ hai thời cơm cháo là tạp dụng tâm, ngoài ra không có dụng tâm khác. Nếu chẳng như thế rất là xa vậy.

*

Sư thượng đường dạy chúng:

- Phật vàng không độ được lò đúc, Phật gỗ không độ được lửa, Phật đất không độ được nước, Phật thật ngòai ở trong. Bồ-đề Niết-bàn Chân như Phật tánh trọn là y phục đắp vào thân, cũng gọi phiền não, thật tế lý địa để ở chỗ nào? Một tâm chẳng sanh, muôn pháp không lỗi. Người cứ nghiên cứu lý này, ngòai quán xét hai ba mươi năm, nếu chẳng hội thì chặt đầu Lão tăng đi! Nhọc nhằn nắm bắt mộng huyễn không hoa, tâm nếu chẳng khác thì muôn pháp nhất như. Đã chẳng từ ngòai được thì câu chấp làm gì? Giống in như con dê gặp vật gì cũng liếm cũng nhai. Lão tăng thấy Hòa thượng Dược Sơn (Duy Nghiễm) có người hỏi, Ngài liền bảo “ngậm lấy miệng chó”. Lão Tăng cũng dạy: “Ngậm miệng chó.” Chấp ngã thì như, không chấp ngã thì sạch, giống như con chó săn tìm kiếm vật để ăn. Phật pháp ở chỗ nào? Ngàn người muôn người thấy đều là kẻ tìm Phật, mà ở trong đó tìm một đạo nhân (người học đạo thật) không có. Nếu cùng vua KHÔNG làm đệ tử, chớ bảo tâm bệnh khó trị. Khi chưa có thế giới, trước đã có tánh này, khi thế giới hoại, tánh này chẳng hoại. Một phen được thấy Lão tăng, sau lại chẳng phải người khác, chỉ là chủ nhân này. Cái đó

lại hướng ngoài tìm làm gì? Khi ấy chớ xoa đầu moi óc, nếu xoa đầu moi óc liền mất vậy.

Có vị Tăng hỏi:

- Theo lời Thầy dạy “khi thế giới hoại, tánh này chẳng hoại”, thế nào là tánh này?

Sư đáp:- Tứ đại ngũ uẩn.

- Các thứ ấy vẫn là hoại, thế nào là tánh này?

- Tứ đại ngũ uẩn.

*

Có vị Tăng đến từ già Sư. Sư hỏi: - Đi đâu?

Tăng thưa:- Đến Tuyết Phong.

- Tuyết Phong nếu hỏi người: “Hòa thượng dạy những lời gì”, người đáp thế nào?

- Con nói chẳng được, thỉnh Hòa thượng nói.

- Đông thì nói lạnh, hạ thì nói nóng.

Sư lại hỏi:- Tuyết Phong lại hỏi người: “việc cứu kính thế nào”.

- Con nói chẳng được.

- Chỉ nói: chính từ Triệu Châu lại, chẳng phải miệng người truyền.

Vị Tăng ấy đến Tuyết Phong thuật lại cho Tuyết Phong nghe.

Tuyết Phong bảo:- Phải là Triệu Châu mới được.

*

Thời gian trụ trì tại viện Quan Âm, có vua nước Yên, nước Triệu đồng đến ra mắt Sư. Sư vẫn ngồi tiếp, không đứng dậy. Vua Yên hỏi:

- Nhân vương đáng tôn trọng hay Pháp vương đáng tôn trọng?

Sư đáp:

- Nếu ở trong nhân vương thì Nhân vương trọng, nếu ở trong pháp vương thì Pháp vương trọng.

Hai vua nghe rồi đều vui vẻ kính phục và đồng cúng dường.

*

Sư học theo người xưa trụ trì rất kham khổ, trong Tăng đường trước sau trống rỗng không có bàn ghế, chỉ nằm cái giường dây gầy một góc, lấy dây ràng rịt lại. Có người xin đóng giường mới, Sư không cho. Trụ trì hơn bốn mươi năm, Sư chưa từng biên một lá thơ cho thí chủ.

*

Niên hiệu Càn Ninh năm thứ tư đời Đường (894 T.L.), ngày mùng hai tháng mười một, Sư nằm nghiêng bên mặt an nhiên thị tịch, Sư thọ một trăm hai mươi tuổi. Vua ban hiệu là Chơn Tế Đại sư.

*

NỖI PHÁP THIÊN VƯƠNG ĐẠO NGỘ

44. THIÊN SƯ SÙNG TÍN

(Long Đàm)

Sư con nhà bán bánh. Thuở nhỏ có những điếm lạ. Lúc Thiên sư Đạo Ngộ được Tiết sử họ Lữ thỉnh ở chùa Thiên Vương, người ta không thể hiểu được. Nhà Sư ở đầu đường vào chùa, mỗi ngày Sư đem mười cái bánh vào cúng dường Thiên sư Đạo Ngộ. Đạo Ngộ nhận ăn xong, thường để lại một cái bánh, bảo:

- Ta cho người để ân huệ cho con cháu.

Một hôm, Sư tự nghĩ: “Bánh là ta đem đến, cơ sao Hòa thượng lại cho ngược lại ta? Biết đâu không có ý chỉ.” Sư bèn đến hỏi Đạo Ngộ.

Đạo Ngộ bảo:

- Bánh của người đem đến, ta cho lại người có lỗi gì?

Sư nghe lời này hiểu được thâm ý liền xin xuất gia.

Đạo Ngộ bảo:

- Người trước sùng phước thiện, nay tin lời ta, có thể gọi là Sùng Tín.

Từ đây, Sư hầu hạ bên thầy.

*

Một hôm, Sư thưa:

- Từ ngày con vào đây đến giờ, chưa được Thầy chỉ dạy tâm yếu.

Đạo Ngộ bảo:

- Từ ngày người vào đây, ta chưa từng chẳng chỉ dạy người tâm yếu.

- Chỉ dạy ở chỗ nào?

- Người dâng trà lên, ta vì người mà tiếp. Người bưng cơm đến, ta vì người mà nhận. Người xá lui ra thì ta gật đầu. Chỗ nào chẳng chỉ dạy tâm yếu?

Sư cúi đầu lặng thinh giây lâu.

Đạo Ngộ bảo:

- Thấy thì thẳng đó liền thấy, suy nghĩ liền sai.

Ngay câu nói đó, Sư khai ngộ. Lại hỏi thêm:

- Làm sao gìn giữ?

- Mặc tánh tiêu dao, tùy duyên phóng khoáng, chỉ hết tâm phàm, chẳng có thánh giải khác.

Sau Sư đến Lễ Dương dừng trụ tại Long Đàm.

Có vị Tăng hỏi:- Hạt châu trong búi tóc người nào được?

Sư bảo:- Người không thưởng ngoạn được.

- Để ở chỗ nào?

- Có chỗ tức nói đến.

*

Có cô Ni hỏi:- Làm sao được làm Tăng?

Sư bảo:- Làm Ni đã bao lâu?

- Lại có khi làm Tăng chăng?

- Hiện nay người là gì?

- Hiện nay thân Ni ai chẳng biết?

- Ai biết người?

*

Thích sử Lý Tường hỏi:- Thế nào là chân như Bát-nhã?

Sư đáp:- Tôi không có chân như Bát-nhã.

- Hân hạnh được gặp Hòa thượng.

- Đây vẫn là lời nói ở bên ngoài.

*

Tuyên Giám (Đức Sơn) hỏi:

- Đã lâu nghe danh Long Đàm (đầm rồng), đến đây thì Đàm (đầm) chẳng thấy, Long (rồng) cũng chẳng hiện.

Sư bảo:- Người đã đến gần được Long Đàm.

Tuyên Giám liền thôi.



MỤC LỤC

❖ LỜI DẪN ĐẦU

❖ Đời Thứ Nhất Môn Đệ Lục Tổ Huệ Năng.

1. Thiền sư Hành Tư ở núi Thanh Nguyên.
2. Thiền sư Hoài Nhượng ở Nam Nhạc.
3. Thiền sư Huyền Giác ở Vĩnh Gia.
4. Thiền sư Bồn Tịch.
5. Quốc sư Huệ Trung.
6. Thiền sư Thần Hội.

❖ Đời Thứ Hai Sau Lục Tổ

7. Thiền sư Hy Thiên (Thạch Đầu)
8. Thiền sư Đạo Nhất (Mã Tổ)

❖ Đời Thứ Ba Sau Lục Tổ.

A. Phái Hành Tư.

9. Thiên sư Duy Nghiễm (Dược Sơn)
10. Thiên sư Thiên Nhiên (Đơn Hà)
11. Thiên sư Đạo Ngộ (Thiên Hoàng Tự)
12. Thiên sư Bảo Thông (Đại Điền)

B. Phái Hoài Nhượng.

13. Thiên sư Hoài Hải (Bá Trượng)
14. Thiên sư Phổ Nguyên (Nam Tuyền)
15. Thiên sư Huệ Hải (Đại Châu)
16. Thiên sư Ấn Phong (Đặng Ấn Phong)
17. Thiên sư Huệ Tạng (Thạch Củng)
18. Thiên sư Trí Tạng (Tây Đường)
19. Thiên sư Trí Thường (Qui Tông)
20. Thiên sư Pháp Thường (Đại Mai)
21. Thiên sư Vô Nghiệp.
22. Thiên sư Đạo Ngộ (Thiên Vương Tự)
23. Thiên sư Linh Mặc.
24. Thiên sư Duy Khoan.
25. Thiên sư Như Hội.
26. Thiên sư Bảo Triệt (Ma Cốc)
27. Thiên sư Tề An.
28. Cư sĩ Long Uẩn.

❖ Đời Thứ Tư Sau Lục Tổ

A. Phái Hành Tư.

29. Thiên sư Đàm Thạnh (Vân Nham)
30. Thiên sư Viên Trí (Đạo Ngộ)
31. Thiên sư Đức Thành (Hoa Đình Thuyền Tử)
32. Sa-di Cao.
33. Thiên sư Vô Học (Thúy Vi)
34. Thiên sư Nghĩa Trung (Tam Bình)

B. Phái Hoài Nhượng.

35. Thiên sư Linh Hựu (Qui Sơn)
36. Thiên sư Hy Vận (Hoàng Bá)
37. Thiên sư Đại An.
38. Thiên sư Thần Tán.

39. Thiên sư Vô Ngôn Thông.
40. Thiên sư Hoằng Biện.
41. Thiên sư Trí Chơn.
42. Thiên sư Cảnh Sầm (Trường Sa)
43. Thiên sư Tùng Thắm (Triệu Châu)
44. Thiên sư Sùng Tín (Long Đàm)

